

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC ĐẠT TIÊU CHUẨN PIC/S - GMP VÀ EU - GMP

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 1 (theo Công văn số 144a/QLD-CL ngày 04/01/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 2 (theo Công văn số 847a/QLD-CL ngày 21/01/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 3 (theo Công văn số 1710a/QLD-CL ngày 01/02/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 4 (theo Công văn số 2232a/QLD-CL ngày 07/02/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 5 (theo Công văn số 3271/QLD-CL ngày 08/03/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 6 (theo Công văn số 3949/QLD-CL ngày 20/03/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 7 (theo Công văn số 4766/QLD-CL ngày 03/04/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 8 (theo Công văn số 5035/QLD-CL ngày 05/04/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 9 (theo Công văn số 6769/QLD-CL ngày 06/05/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 10 (theo Công văn số 7150/QLD-CL ngày 13/05/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 11 (theo Công văn số 7977/QLD-CL ngày 27/05/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 12 (theo Công văn số 9412/QLD-CL ngày 14/06/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 13 (theo Công văn số 11525/QLD-CL ngày 19/07/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 14 (theo Công văn số 13339/QLD-CL ngày 16/08/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 15 (theo Công văn số 16617/QLD-CL ngày 04/10/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 16 (theo Công văn số 21584/QLD-CL ngày 24/12/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 17 (theo Công văn số 1405/QLD-CL ngày 23/01/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 18 (theo Công văn số 2438/QLD-CL ngày 25/02/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 19 (theo Công văn số 4034/QLD-CL ngày 19/03/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 20 (theo Công văn số 6683/QLD-CL ngày 25/04/2014 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 21 (theo Công văn số 8320/QLD-CL ngày 26/05/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 22 (theo Công văn số 11586/QLD-CL ngày 08/07/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 23 (theo Công văn số 13326/QLD-CL ngày 07/08/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 24 (theo Công văn số 16300/QLD-CL ngày 23/09/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 25 (theo Công văn số 20841/QLD-CL ngày 01/12/2014 của Cục Quản lý Dược)										
38	Teikoku Seiyaku Co., Ltd. Sanbonmatsu Factory	567 Sanbonmatsu, Higashikagawa, Kagawa 769-2695, Japan	* Sản phẩm: Lignopad Medicated Plaster 5% w/w, Miếng dán Lignopad (Lidocain 0,7g (5%kl/kl)	Japan-GMP	4823	25/03/2014	25/03/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
Đợt 26 (theo Công văn số 1362 /QLD-CL ngày 23/01/2015 của Cục Quản lý Dược)										
22	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	Sản phẩm: Meipunem 0.5g	Japan-GMP	1065	04/06/2014	04/06/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
58	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén tan trong miệng Aricept Evess 5mg	Japan-GMP	1420	25/06/2014	25/06/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
Đợt 27 (theo Công văn số 6043/QLD-CL ngày 03/04/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 28 (theo Công văn số 7455/QLD-CL ngày 24/04/2015 của Cục Quản lý Dược)										
1	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén tan trong miệng Aricept Evess 10mg	Japan-GMP	1421	25/06/2014	25/06/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
20	Meiji Seika Pharma Co., Ltd. Odawara Plant	1056, Kamonomiya Odawara-shi, Kanagawa, Japan	Thuốc cốm MEIACT (Cefditoren 50mg)	Japan-GMP	5154	10/02/2015	10/02/2020	Pharmaceutical and Food Safety Bureau, Ministry of Health and Welfare, Japan	1	
Đợt 29 (theo Công văn số 11675/QLD-CL ngày 01/07/2015 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 30 (theo Công văn số 12496/QLD-CL ngày 04/08/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 30 BS (theo Công văn số 17191/QLD-CL ngày 09/09/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 31 (theo Công văn số 17563 /QLD-CL ngày 16/09/2015 của Cục Quản lý Dược)										
25	PT. Tanabe Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, chất gây độc tế bào, hormon sinh dục và thuốc ngừa thai: Viên nén, viên nén bao.	PIC/S	4336/CPOB/A/I/15	15/01/2015	15/01/2020	National Agency for Drug and Food Control of the Republic of Indonesia		2
Đợt 32 (theo Công văn số 19121/QLD-CL ngày 08/10/2015 của Cục Quản lý Dược)										
12	Meiji Seika Pharma Co., Ltd., Odawara Plant	1056, Kamonomiya, Odawara-shi, Kanagawa-ken, Japan	Sản phẩm: + Fosmicin for I.V use 1g + Fosmicin for I.V use 2g + Fosmicin S for otic + Fosmicin tablets 250 + Fosmicin tablets 500	Japan-GMP	2669	11/09/2015	11/09/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
24	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng; viên nang mềm, viên nhai. * Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm, bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Dạng thuốc rắn dùng đường uống: Viên nén, viên nang, bột pha sirô.	PICS GMP	MFDS-6-F-1752-1-2015-16	27/08/2015	26/08/2018	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
39	Dong-A ST Co., Ltd.	493, Nongong-ro, Nongong-eup, Dalseong-gun, Daegu (N-dong, B-dong Section 2), Korea	Sinh phẩm (Sản phẩm từ công nghệ DNA tái tổ hợp)	PIC/S GMP	MFDS-4-F-1290-1-2015-3	24/08/2015	23/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc (Daegu Regional Korea Food & Drug Administration)		2
41	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (348-3, Aza-suma, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan)	Thuốc mỡ tra mắt Oflovid (Ofloxacin 0.003g/1g)	Japan-GMP	1504	30/06/2014	26/02/2019	Japan Ministry of Health, Labour and Welfare	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 33 (theo Công văn số 20597/QLD-CL ngày 05/11/2015 của Cục Quản lý Dược)										
12	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Aichi Plant	1212 Aza-teramae, Gejo-cho, kasugai-shi, Aichi, Japan	Sản phẩm: NIKP-Nicardipine injection 2mg/2ml	Japan-GMP	2083	07/08/2015	28/02/2021	Japan Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
14	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin-1 -gil, Songak-eup Dangjin-si Chungcheongnam-do Republic of Korea	* Thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền carbapenem; * Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Dung dịch thuốc uống; * Thuốc hít; * Dung dịch tiêm truyền.	PIC/S-GMP	2015-G1-1680	28/07/2015	10/09/2018	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
36	Dr Reddy's Lab Ltd	Formulation- Unit 3 Survey No. 41, Bachupally Village Qutubullapur Mandal, Ranga Reddy District Telangana 500090, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén.	PIC/S-GMP	MI-2012-CE-09683-1	28/07/2015	18/03/2018	Australia Therapeutic Goods Administration		2
37	Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd	70 Sandan-Ro 19beongil Danwon-Gu Ansan-Si Gyeonggi-Do, Hàn Quốc	* Thuốc uống dạng rắn: Thuốc viên * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Thuốc viên, siro khô, Thuốc tiêm	PIC/S-GMP	MFDS-3-F-1414-2-2015-12	21/07/2015	20/07/2018	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
38	Unique Pharmaceutical Laboratories (a division of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.)	Plot No. 4, Phase-IV, G.I.D.C. Industrial Estate, City: Panoli-394116, Dist: Bharuch, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ	PIC/S-GMP	022/2013/S AUMP/GMP	19/03/2013	23/02/2016	State Administration of Ukraine on Medicinal Products		2
51	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	Các thuốc chống ung thư độc tế bào: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang; Thuốc tiêm (dung dịch, bột, bột đông khô).	PIC/S - GMP	MFDS-6-F-1752-2-2015-20	02/10/2015	01/10/2018	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
Đợt 34 (theo Công văn số 22372/QLD-CL ngày 02/12/2015 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Shionogi & Co., Ltd	7 Moriyama, Nishine, Kanegasaki-cho, Isawa-gun, Iwate 029-4503, Japan	Sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền Doribax 250, Doribax 500 (Doripenem hydrate tương ứng Doripenem 250 mg, 500 mg)	Japan-GMP	6114	26/03/2015	26/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
14	PT. Tanabe Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, chất kích thích bào, hormon sinh dục và thuốc ngừa thai: Viên nang cứng chứa thuốc kháng sinh và thuốc không chứa kháng sinh; viên nang cứng phóng thích chậm (Sustained Release Capsules).	PIC/S	4337/CPOB/A/I/15	15/01/2015	15/01/2020	National Agency for Drug and Food Control of the Republic of Indonesia		2
27	Bristol-Myers Squibb	4601 Highway 62 East, Mt. Vernon, Indiana 47620, United States	* Sản phẩm thuốc viên nén bao phim Baraclude (entecavir)	US GMP	07-0199-2014-02-VN	20/08/2014	20/08/2016	United States Food and Drug Administration	1	
33	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Unit III, Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P.) 173 205, India	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (Bột khí dung đóng viên nang cứng); thuốc xịt mũi phân liều, dung dịch khí dung phân liều	EU-GMP	072/2015/S AUMP/GMP	29/09/2015	13/08/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products		2
37	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A.	São Martinho do Bispo, Coimbra, 3045-016, Portugal	Sản phẩm: Viên nén bao phim Cetirizina Bluepharma (Cetirizine 10mg). Tên tại Việt Nam: Bluecezine.	EU GMP	0696/CM/2014	23/05/2014	12/12/2015	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
Đợt 35 (theo Công văn số 23938/QLD-CL ngày 29/12/2015 của Cục Quản lý Dược)										
2	PT. SOHO INDUSTRI PHARMASI	Jalan Pulo Gadung No. 6, Kawasan Industri Pulo Gadung, Jakarta Timur, Indonesia	* Thuốc không phải kháng sinh: Viên nén, viên nén bao (không bao gồm thuốc tránh thai, hormon sinh dục và các chất kích thích bào); * Thuốc kháng sinh: Viên nén, viên nén bao (không bao gồm kháng sinh betalactam và các dẫn xuất betalactam).	PIC/S-GMP	4264/CPOB/A/IX/14	30/09/2014	30/09/2019	Indonesian National Agency for Drug and Food Control (NADFC)		2
3	Penmix Ltd.	33, Georimak-gil, Jiksan-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm: + Thuốc đông khô; + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: Thuốc đông khô, thuốc tiêm bột; * Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nén, xi rô khô.	PIC/S-GMP	2015-G1-2225	27/08/2015	26/08/2018	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	B.Braun Medical AG	Route de Sorge 9, 1023 Crissier, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm truyền; dung dịch thay thế huyết thanh; dung dịch tiêm truyền dinh dưỡng; dung dịch rửa vết thương. * Dược chất: HES 130, HES 450, HES 200, succinylated gelatin dạng phun khô.	PIC/S-GMP, EU-GMP	15-2046	09/08/2015	04/09/2018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
11	Novartis Farmaceutica, SA	Ronda de Santa Maria, 158 08210 Barbera Del Valles (Barcelona), Spain	*Thuốc không vô trùng : - Viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường. - Viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào).	EU-GMP	NCF/1535/01/CAT	18/09/2015	10/09/2018	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
26	Private Joint Stock Company "Technolog"	8, Manuiskogo street 20300 Uman city, Cherkassy region, Ukraine	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm, viên bao đường; viên nén.	EU-GMP	069/2015/S AUMP/GMP	16/09/2015	07/08/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
28	Elpen Pharmaceutical Co., Inc.	Marathonos Ave. 95, Pikermi Attiki, 19009, Greece	Sản phẩm: viên nén phóng thích kéo dài Macorel (Nifedipine, 30mg)	EU-GMP	71727/20-9-13	14/03/2014	23/07/2016	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
Đợt 36 (theo Công văn số 1395/QLD-CL ngày 01/02/2016 của Cục Quản lý Dược)										
4	Fresenius Kabi Austria GmbH	Hafnerstraße 36, 8055 Graz, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; dạng bào chế bán rắn, dung dịch tiêm tĩnh mạch (chứa hormon, chất kim tế bào, kháng sinh). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch và nhũ tương thể tích lớn; dung dịch và nhũ tương thể tích nhỏ; dạng bào chế bán rắn, nhũ tương tiêm tĩnh mạch (chứa hormon, chất kim tế bào, kháng sinh). + Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch, thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	INS-480166-0049-001 (1/10)	30/06/2015	28/04/018	Austrian Medicines and Medical Devices Agency (AGES)	1	
12	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd	495, Hanu-ro, Hoengseong-eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nang. * Thuốc mỡ: Gel, Creams. * Miếng dán, thuốc đắp.	PICS GMP	2015-B1-0394	11/11/2015	01/11/2018	Seoul Regional Office of Food and Drug Safety		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
13	PT. Bernofarm	Jl. Gatot Subroto No. 68 Banjarkemantren Km.18, Buduran - Sidoarjo - Jawa Timur, Indonesia	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta lactam (không bao gồm thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất độc tế bào)	PIC/S-GMP	4358/CPOB/A/III/15	30/03/2015	31/03/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
21	Sumitomo Dainippon Pharma Co., Ltd Suzuka Plant	1450, Yasuzuka-cho, Suzuka, Mie 513-0818, Japan	Sản phẩm: Thuốc viên nén Gasmotin tablets 5mg (Mosapride citrate anhydrous 5mg)	Japan-GMP	3325	17/10/2014	17/10/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
24	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.,	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan (* Cách ghi cũ: 154, Kai-yuan Road, Hsin-ying (730), Taiwan, Republic of China)	* Thuốc không vô trùng: - Dạng thuốc lỏng: hỗn dịch, dung dịch. - Dạng thuốc bán rắn: mỡ, kem. - Dạng thuốc rắn: viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén, thuốc cốt, viên nang, thuốc đạn, gạc tẩm kháng sinh.	PICS GMP	2575	30/11/2015	21/08/2018	Food and Drug Administration, Tawain		2
28	Korea Arlico Pharm	21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2015-G1-2535	18/11/2015	08/11/2018	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety		2
36	Chong Kun Dang Pharmaceutical	797-48, Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Korea. (* Cách viết khác: 797-48, Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, 331-831, Korea)	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột pha si rô, thuốc bột. * Thuốc tiêm: thuốc tiêm truyền * Thuốc uống dạng lỏng: si rô thuốc; hỗn dịch uống; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nén; viên nang; thuốc bột pha si rô; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa chất độc tế bào chống ung thư: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô.	PIC/S-GMP	MFDS-6-F-1459-1-2016-4	12/01/2016	11/01/2019	Daejeon Regional Commissioner Food and Drug Administration		2
37	Faes Farma, S.A	C/Maximo Aguirre, 14, Lejona 48940 (Vizcaya), Espana	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nén kháng dịch dạ dày; thuốc cốt; viên nén (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	ES/187HVI/15	23/11/2015	15/09/2018	Spanish Agency of Drugs and Health Products	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 37 (theo Công văn số 4031/QLD-CL ngày 18/03/2016 của Cục Quản lý Dược)										
11	Lindopharm GmbH	Lindopharm GmbH Neustrasse 82 40721 Hilden, Germany	Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm viên nén chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2015_0029	10/12/2015	20/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
16	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén Methycobal Tablets 500µg.	Japan-GMP	1419	25/06/2014	25/04/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
17	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao đường Myonal Tablets 50mg.	Japan-GMP	1418	25/06/2014	25/04/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
21	Baxter Oncology GmbH	Baxter Oncology GmbH Kantstrasse 2 33790 Halle/ Westfalen Germany	* Thuốc vô trùng (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandins/ cytokines, chất độc tế bào/ chất kìm tế bào, chất miễn dịch, thuốc chứa prion/ genotoxics/ teratogen): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn; dược chất vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa chất độc tế bào/ chất kìm tế bào).	EU-GMP	DE_NW_02_MIA_2013_0011	06/10/2015	28/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
24	Limited liability company <<Yuria-Pharm>>	* 108, Verbovetskogo street, Cherkassy, Cherkassy region, Ukraine, 18030; * 21, Chygyrnska street, Cherkassy, Cherkassy region, Ukraine, 18030;	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	PIC/s-GMP	095/2015/S AUMP/GMP	30/12/2015	04/12/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (chứa hormon). * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	NL/H 15/1005176	18/01/2016	02/12/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
27	Lamp San Prospero SPA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italia	Sản phẩm: viên nén kháng dịch vị dạ dày Esomeprazole 20mg, 40mg Tên tại Việt Nam: ASGIZOLE	EU-GMP	IT/154-5/H/2015	20/07/2015	21/02/2017	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
29	Alcon Cusi SA	Camil Fabra, 58, 08320 El Masnou (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ - thuốc nhỏ mắt (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	NCF/1542/01/CAT	10/11/2015	16/10/2018	Ministry of Health of Government of Catalonia -Spain	1	
30	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Survey N. 214, Plot No. 20, Govt.Indl.Area, Phase II, Piparia, Silvassa-396230, U.T. of Dadra & Nagar Haveli, India	* Thuốc không vô trùng: + Viên bao phim Admenta (Memantine 5mg, 10mg); + Viên bao phim Arizil (Donepezil 5mg, 10mg); + Viên bao giải phóng có kiểm soát Encorate Chrono (Valproic acid 200mg, 300mg, 500mg); + Viên bao phim Epilev (Levetiracetam 250mg, 500mg, 750mg, 1000mg); + Viên bao phim Clofranil (Clomipramine 25mg); + Viên nang cứng Maxgalin (Pregabalin 75mg, 150mg); + Viên bao tan trong ruột Mesacol (Mesalamine 400mg); + Viên bao tan trong ruột Pantasun (Pantoprasole 20, 40mg); + Viên nén Parkizol (Pramipexole 0.25mg, 1mg); + Viên nang cứng Prodep (Fluoxetine 20mg); + Viên bao Sizodon (Risperidone 2mg, 4mg);	PIC/S-GMP	091/2015/S AUMP/GMP	24/12/2015	26/11/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Laboratorios Richmond S.A.C.I.F. (Cơ sở đóng gói)	Elcano No 4938. (Zip Code C1427CIU), of the City of Buenos Aires, Argentina	Sản phẩm: + Thuốc bột đông khô pha tiêm truyền Trexam (Pemetrexed 500mg). Tên tại Việt Nam: Belipexade. + Thuốc bột đông khô pha tiêm Xaliplat (Oxaliplatin 50mg, 100mg). Tên tại Việt Nam: Oxaliplatin. + Dung dịch tiêm Drifen (Paclitaxel 30mg, 100mg). Tên tại Việt	PIC/S-GMP	20132014-000990 15	30/07/2015	30/07/2016	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
44	PT. Pertiwi Agung	Jl. DDN No. 16, Sukadanau, Cikarang Barat, Kabupaten Bekasi, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam (Không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục và chất kim tế bào): Viên nén, viên bao.	PIC/S GMP	4484/CPOB/A/VIII/15	24/08/2015	08/09/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
48	AstraZeneca AB	SE-15185 Sodertälje, Sweden	* Địa chỉ: PET Nexium/ Losec, Gärtnavägen, Sodertälje, 15185, Sweden Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet; viên nén.	EU-GMP	6.2.1-2015-064647	06/11/2015	04/09/2018	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
			* Địa chỉ: PET Packaging, Gärtnavägen, Sodertälje, 15185, Sweden Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén.		6.2.1-2015-064648	06/11/2015	04/09/2018			
52	Astellas Pharma Europe B.V.	Hogemaat 2, Meppel, 7942 JG, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim) (chứa kháng sinh nhóm betalactam); thuốc bột và thuốc cốm.	EU-GMP	NL/H 16/1005373	18/01/2016	26/11/2018	Healthcare Inspectorate, Netherlands	1	
Đợt 38 (theo Công văn số 4936/QLD-CL ngày 01/04/2016 của Cục Quản lý Dược)										
6	PT.AVENTIS PHARMA	Jl. Jenderal Ahmad Yani, Pulo Mas, Pulo Gadung, Jakarta Timur, Indonesia (hoặc Jl. Jenderal A.Yani, Pulo Mas, Jakarta, Indonesia)	* Thuốc không chứa betalactam và không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục và các chất kim tế bào: Viên nén; viên nén bao.	PICs-GMP	4411/CPOB/A/V/15	11/05/2015	31/05/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
7	S.C. SANDOZ S.R.L.	Str. Livezeni nr. 7A, 540472, Targu Mures, Jud. Mures, Romania	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống	EU-GMP	004/2016/R O	25/02/2016	26/11/2018	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	Bayer Pharma AG	Bayer Pharma AG Mullerstrasse 178 13353 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (chai và ống cartridge tiêm truyền); dung dịch thể tích nhỏ (ống và ống tiêm đóng sẵn).	EU-GMP	DE_BE_01_ GMP_2015_ 0064	30/10/2015	02/09/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
16	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3- chome, Higashiyodogawa- ku, Osaka, Japan (2-14), Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Daigaku eye drops, Ophthalmic Liquids and Solutions (naphazoline Hydrochloride 0,002%, Chlorpheniramine maleate 0,01%, Kẽm sulfate hydrate 0,1%, ϵ -aminocaproic Acid 1,0 %)	Japan-GMP	3120	23/11/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and welfare, Japan	1	
17	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3- chome, Higashiyodogawa- ku, Osaka, Japan (2-14), Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Sanlein 0,3 ; Ophthalmic Liquids and Solutions, (purified sodium hyaluronate 3 mg/ml)	Japan-GMP	3118	23/11/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and welfare, Japan	1	
18	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3- chome, Higashiyodogawa- ku, Osaka, Japan (2-14), Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Oflovid, Ophthalmic Liquids and Solutions , (ofloxacin 3 mg/ml)	Japan-GMP	3606	12/11/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and welfare, Japan	1	
21	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Plot No E-37/39, M.I.D.C., Industrial Estate, Satpur, Nasik-422 007, India.	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; bột dùng ngoài da; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel); viên nén; viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	001/2016/S AUMP/GMP	16/02/2016	17/12/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
23	PT. Dextra Medica	Jl. Jend. Bambang Utuyo No. 138 Palembang, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam: Viên nang mềm.	PIC/s-GMP	4021/CPOB/ A/X/13	08/10/2013	08/10/2018	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam (Không bao gồm thuốc tránh thai, hóc môn sinh dục và thuốc độc tế bào): Viên nén, viên bao. * Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam: Viên nén sủi bọt. * Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam (Không bao gồm thuốc tránh thai, hóc môn sinh dục và thuốc độc tế bào): Viên nang cứng. * Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam: Thuốc bột uống. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên bao. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột uống. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm.		4676/CPOB/A/I/16 4677/CPOB/A/I/16 4678/CPOB/A/I/16 4679/CPOB/A/I/16 4680/CPOB/A/I/16 4681/CPOB/A/I/16 4682/CPOB/A/I/16 4683/CPOB/A/I/16	26/01/2016	02/02/2021			
24	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Lô Z01-02-03a, KCN/KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP HCM, Việt Nam	Thuốc viên nén bao phim	GMP-Nhật Bản	Number of Accreditation: AG11000002; System Filing Number: 5122708036691	08/02/2016	31/08/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2
27	SmithKline Beecham Ltd T\A SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Clarendon Road, Worthing, BN14 8QH, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin). * Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim); viên nang cứng và viên nén chứa kháng sinh nhóm Penicillin, Potassium clavulanate/amoxicillin Trihydrate.	EU-GMP	UK MIA 10592 Insp GMP 10592/3922-0031	11/02/2016	09/11/2018	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	Sanquin Plasma Products B.V.	Plesmanlaan 125, Amsterdam, 1066CX, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu. * Dược chất: Albumin; Apotransferrin; Factor IX; Factor VIII; Human Anti-D Immunoglobulin; C1-Esterase Inhibitor human; Human Hepatitis B Immunoglobulin; Human Normal Immunoglobulin; Human Prothrombin Complex; Human Tetanus Immunoglobulin; Human Varicella Immunoglobulin.	EU GMP	NL/H 16/1007878	15/02/2016	07/01/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
32	Merck Sharp & Dohme B.V.	Waarderweg 39, HAARLEM, 2031BN, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột; viên nén.	EU GMP	NL/H 15/1006689	21/12/2015	09/09/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
Đợt 39 (theo Công văn số 6361/QLD-CL ngày 22/04/2016 của Cục Quản lý Dược)										
11	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A	S. Martinho do Bispo, Coimbra, 3045-016, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	F001/S1/H/001/2016	05/02/2016	28/10/2018	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
13	Panacea Biotec Ltd. Formulation Plant	Panacea Biotec Ltd. Malpur, Baddi, Tehsil Nalagar, District Solan, 173 205, Himachal Pradesh, India	Sản phẩm: viên nang cứng Tacrolimus 0,5mg/ 1,0mg/ 5,0 mg	EU-GMP	DE_SL_01_GMP_2015_0048	11/12/2015	09/12/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
14	Purzer Pharmaceutical Co., Ltd., Guanyin Plant	No. 26, Datong 1st Rd., Caota Village, Guanyin Township, Taoyuan County 328, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, thuốc kem); dạng bào chế rắn (viên bao phim, viên nén, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang).	PIC/S-GMP	2700	26/01/2016	21/01/2019	Ministry of Health and Welfare, Taiwan		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
15	Roche Diagnostics GmbH	Sandhofer Strasse 116, 68305 Mannheim, Germany	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (kháng thể đơn dòng bằng công nghệ gen, Epoetin beta, Peginterferon alfa-2a và methoxypolyethyleneglycol-epoetin beta).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2015_0131	05/11/2015	05/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
16	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Drive, Waco, Texas, 76712, United States (*Cách viết khác: Waco, Texas (TX) 76712 - USA)	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt). * Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	2015/10967	19/11/2015	17/09/2018	Health Products Regulatory Authority of Ireland	1	
18	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang, si rô khô; * Thuốc tiêm; * Thuốc uống dạng lỏng: Sirô (dạng lỏng), hỗn dịch; * Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	2015-D1-2907	29/10/2015	15/09/2018	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc		2
Đợt 40 (theo Công văn số 7483/QLD-CL ngày 12/05/2016 của Cục Quản lý Dược)										
4	Inventia Healthcare Private Limited	F1-F1/1 Additional Ambernath MIDC, Ambernath (East) District Thane Maharashtra In-421 506 India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén	EU-GMP	UK GMP 40387 Insp GMP 40387/4511 564-0004	31/03/2016	12/01/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
5	Baxter SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ, nhũ dịch/nhũ tương tiêm truyền.	EU-GMP	BE/GMP/2015/118	23/02/2016	20/11/2018	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
13	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Sanlein Mini ; Ophthalmic Liquids and Solutions, (purified sodium hyaluronate 1 mg/ml)	Japan-GMP	3127	23/10/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
14	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Sanlein Mini 0.3 ; Ophthalmic Liquids and Solutions, (purified sodium hyaluronate 3 mg/ml)	Japan-GMP	3128	23/10/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
17	Les Laboratoires Servier Industrie - Gidy	905 route de Saran, Gidy, 45520, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính đối với khả năng sinh sản); thuốc cốm pha hỗn dịch/dung dịch uống; vi cốm (microgranules); viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính đối với khả năng sinh sản).	EU GMP	HPF/FR/66/2016	18/03/2016	27/11/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
21	Schering-Plough Labo NV	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	BE/GMP/2015/111	08/03/2016	03/12/2018	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
27	Atlantic Pharma - Producoes Farmaceuticas, S.A.	Rua da Tapada Grande, no. 2, Abrunheira, Sintra, 2710-089, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F036/S1/MH/001/2016	25/01/2016	16/10/2018	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	Myungmoon Pharmaceutical Co., Ltd.	26, Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống: Viên nén; viên nang. * Thuốc tiêm: Dung dịch thuốc tiêm; Thuốc đông khô để pha dung dịch tiêm truyền; Thuốc tiêm bột. * Thuốc dùng ngoài: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Aerosols; Miếng dán ngoài da. * Thuốc chứa hormon sinh dục. * Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Preforin Inj. 40mg (Methylprednisolone 40 mg)	PIC/S-GMP	2016-D1-0870	14/03/2016	16/02/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
Đợt 41 (theo Công văn số 9375/QLD-CL ngày 10/06/2016 của Cục Quản lý Dược)										
6	Synmosa Biopharma Corporation, Synmosa Plant	No. 6, kuang Yeh 1st Road, Hu-Kuo Hsiang, Hsin-Chu Ind. Park, Hsin Chu Hsien, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: Hỗn dịch; dung dịch; thuốc phun mù; viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nén; thuốc bột; viên nang. * Dược chất hormon (sản xuất viên nén bao phim)	PIC/S-GMP	2672	08/01/2016	23/12/2018	Department of Health, Taiwan, R.O.C		2
11	KRKA, d.d., Novo mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm; thuốc bột; pellet; thuốc ngậm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa corticoid); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đặt; viên nén (chứa corticoid).	EU-GMP	401-7/2016-4	06/05/2016	31/03/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
13	Tedec-Meiji Farma, S.A	Ctra. M-300, Km. 30,500, Alcala de Henares 28802 Madrid Espana, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc hướng tâm thần); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột; thuốc cốm; pellet) (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh betalactam); thuốc đặt; viên nén và viên bao (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh betalactam).	EU-GMP	ES/048HVI/16	15/03/2016	30/11/2018	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
16	Ferring pharmaceuticals (China) Co., Ltd.	Ferring pharmaceuticals (China) Co., Ltd. No. 6, Hui Ling Lu (Ferring Road), National Health Technology Park, 528437 Zhongshan city, Guangdong Province, China	* Thuốc không vô trùng: thuốc cốm (bột pha dung dịch uống)	EU GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0008	14/03/2016	07/01/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
18	Cooper S.A.	64 Aristovoulou str., Athens, 11853, Greece	* Thuốc vô trùng không tiết trùng cuối: + Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc dạng rắn và cấy ghép (chứa kháng sinh betalactam); * Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: + Dung dịch thể tích lớn; + Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	18069/21-3-2016	11/04/2016	09/02/2019	National Organization for Medicines of Greece	1	
20	Boehringer Ingelheim Espana, SA	c/ Prat de la Riba, 50, 08174 Sant Cugat Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch tiêm. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/1612/001/CAT	01/03/2016	22/01/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
23	Astellas Ireland Co. Ltd	Killorglin, Co. Kerry, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng.	EU GMP	10920	08/01/2016	16/10/2018	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
24	Stada - VN Joint Venture Co., Ltd.	Stada- VN Joint Venture Co. Ltd. Binh Duong Branch, 40 Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore Industrial Park, Thuan An, Binh Duong Province, Viet Nam	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả viên bao); viên sủi.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0024	26/04/2016	18/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
			Sản phẩm được xét nhóm thầu 1 (lưu hành tại Đức): + Viên bao phim Bisoprolol Stada 5mg (Bisoprolol fumarat 5mg). + Viên bao phim Bisoplus Stada 5mg/ 12,5mg (Bisoprolol furamat 5mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg); Bisoplus Stada 10mg/25mg (Bisoprolol furamat 10mg, Hydrochlorothiazid 25mg). + Viên nén Lisinopril Stada 10mg (Lisinopril 10mg). + Viên nén Lisiplus Stada 10mg/12,5mg (Lisinopril 10mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg); Lisiplus Stada 20mg/12,5mg (Lisinopril 20mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg). + Viên bao phim Losartan Stada 50mg (Losartan Kali 50mg). + Viên bao phim Metformin Stada 500mg (Metformin hydroclorid 500mg); Metformin Stada 850mg (Metformin hydroclorid 850mg).						1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			+ Viên bao phim tan trong ruột Pantoprazol Stada 40mg (Tên tại Việt Nam: Pantostad 40). + Viên nén Paracetamol Stada 500mg (Tên tại Việt Nam: Partamol Tab.). + Viên bao phim Piracetam Stada 800mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 800); Piracetam Stada 1200mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 1200). + Viên nén giải phóng thay đổi Felodipin Stada 5mg retard (Felodipine 5mg). + Viên nén Amlodipine 5mg; Amlodipine 10mg. + Viên nén bao phim Ibuprofen STADA 600 mg.							
28	Hemofarm A.D.	Hemofarm A.D. Beogradski put bb Solid Dosage Forms Plant (PCF: Building 5, 6, 7, 15, 16, 26, 70) 26300 Vrsac, Serbia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả viên bao phim); viên sủi bọt. Sản phẩm cụ thể: viên nén bao phim: Levetiracetam 500mg; Moxifloxacin 400mg, Valsartan 160/25mg.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2015_0137	14/01/2016	27/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
36	Merck Serono S.A.	* Succursale d'Aubonne, Zone Industrielle de l' Ourietaz, 1170 Aubonne, Thụy Sĩ * Centre Industriel, 1267 Coinsins, Thụy Sĩ	Sản phẩm bao gồm cả sản phẩm sinh học sản xuất theo công nghệ tái tổ hợp, lai ghép và kháng thể đơn dòng: * Dạng bào chế rắn: bột đông khô; * Dạng bào chế lỏng: dung môi pha tiêm. * Dược chất tái tổ hợp.	PIC/S-GMP	16-0642	07/04/2016	30/09/2018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
39	LEO Laboratories Ltd	285 Cashel Road, Crumlin, Dublin 12, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc thụ thai khung thắt.	EU GMP	12575	09/02/2016	18/09/2018	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
Đợt 42 (theo Công văn số 11609/QLD-CL ngày 23/06/2016 của Cục Quản lý Dược)										
2	Green Cross Corp.	586, Gwahaksaneop 2-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc sinh học: thuốc tiêm (sản phẩm dẫn xuất huyết tương, sản phẩm tái tổ hợp).	PIC/S-GMP	2016-G1-0579	10/03/2016	25/01/2019	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Janssen Biologics B.V.	Einsteinweg 101, LEIDEN, 2333 CB, Netherlands	* Dược chất sinh học: INFLIXIMAB, ABCIXIMAB, , GOLIMUMAB, USTEKINUMAB, SILTUXIMAB	EU-GMP	NL/H 16/1005175	18/04/2016	31/03/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
4	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachupally (Village), Quthubullapur (mandal), R.R. District, Hyderabad, Andhra Pradesh, Pin code 500 090 India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền (Amoxicillin Sodium; Ampicillin Sodium; Ampicillin& Sulbactam; Flucloxacillin Sodium; Piperacillin/Tazobactam). * Thuốc không vô trùng: viên nén (Flucloxacillin; Phenoxymethyl penicillin; Pivmecillinam (Penomax)); viên nang cứng (Amoxicillin; Cloxacillin; Flucloxacillin, Dicloxacilin); thuốc rắn khác: thuốc bột pha hỗn dịch uống (Amoxicillin; Co-amoxiclav; Flucloxacillin); viên bao phim (Co-amoxiclav).	EU-GMP	002905/06.0 8.02.00/201 5	07/01/2016	09/10/2018	Finnish Medicines Agency (FIMEA)		2
5	Aurobindo Pharma Ltd Unit VI, Blocks D and E	Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District Telangana State, 502307, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (Cephalexin); thuốc bột pha hỗn dịch uống (Cefalexin, Cefprozil, Cefpodoxime proxetil); viên nén (Cefuroxime, Cefalexin, Cefixime, Cefprozil, Cefpodoxime proxetil).	EU-GMP	003721/06.0 8.02.00/201 5	07/01/2016	21/10/2018	Finnish Medicines Agency (FIMEA)		2
16	Abbott Laboratories GmbH	Justus-von-Liebig-Straße 33, 31535 Neustadt Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người và động vật.	EU-GMP	DE_NI_02_ GMP_2016_ 0001	05/04/2016	10/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
18	Teva Pharmaceuticals Industries Ltd	18 Eli Hurvitz St., Ind. Zone, Kfar Saba , Israel	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt; thuốc tiêm đóng lọ; bơm tiêm đóng sẵn). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (đóng lọ). * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và hạt pellet, viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học.	PICS GMP	GMP 11/2	18/04/2016	30/03/2019	Institute for Standardization and Control of Pharmaceuticals (ISCP), Israel		2
37	Mustafa Nevzat İlaç Sanayii A.Ş	Coban Cesme Mah. Sanayi Caddesi 13, Yenibosna, Istanbul, TR-34196, Turkey	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học	EU-GMP	UK GMP 21246 Insp GMP 21246/4518 52-0004	10/12/2015	02/12/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
42	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG Kuhloweg 37, 58638 Iserlohn, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm (viên nang mềm vỏ gelatin Nephrotrans); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc cốm, pellet); dạng bào chế bán rắn; viên nén (bao gồm cả viên ngậm).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2016_0004	04/04/2016	18/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
46	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Kary Uni (Pirenoxine 0.05mg/mL)	Japan-GMP	4256	20/12/2016	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
Đợt 43 (theo Công văn số 15360/QLD-CL ngày 09/08/2016 của Cục Quản lý Dược)										
2	DELPHARM LILLE SAS	Parc d'Activités Roubaix - Est, 22 rue de Toufflers CS 50070, LYS LEZ LANNOY, 59452, France	* Thuốc không vô trùng (chứa thuốc độc tế bào cytotoxics, Hormon): Viên nang cứng; viên nén * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch, thuốc công nghệ sinh học, thuốc có nguồn gốc từ người và động vật.	EU-GMP	HPF/FR/72/2016	15/04/2016		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd Tokushima Plant	224-15 Aza-ebisuno, Hiraishi, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima, 771-0194, Japan	Sản phẩm: Viên nang TS-One 20, 25.	Japan GMP	5524	25/02/2015	23/04/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
6	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; cốm pha huyền dịch uống. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0029	03/11/2015	11/08/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
8	Pharmaniaga Manufacturing Berhad	11A, Jalan P/1, Kawasan Perusahaan Bangi, 43650 Bandar Baru Bangi, Selangor, Malaysia	+ Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống. + Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc uống dạng lỏng, thuốc kem; thuốc mỡ; lotion; gels.	PIC/s- GMP	182/16	20/05/2016	13/10/2018	National Pharmaceutical Control Bureau (NPCB), Malaysia		2
9	Mefar Ilac Sanayii A.S	Ramazanoglu, Mahallesi Ensar Caddesi No: 20, Kurtkoy, Pendik, Istanbul, 34906, Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	18566/24-3-2016	11/04/2016	15/10/2018	National Organization for Medicines - Greece		2
10	Sandoz Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S	Sandoz Ilac Sanayi ve Ticaret A.S Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bölgesi Atatürk, Bulvari 9. Cadde No.1, TR-41400 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0013	14/03/2016	29/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
11	Laboratorios Liconsa, S.A	Avda. Miralcampo, 7, Pol. Ind. Miralcampo, Azuqueca de Henares 19200 (Guadalajara), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần): Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn; viên nén.	EU-GMP	ES/091HVI/16	27/06/2016	26/04/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
13	Sofarimex - Indústria Química e Farmacêutica, S.A	Av. Das Indústrias - Alto do Colaride, Cacém, 2735-213, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc bột đông khô pha tiêm); dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cổm; dạng bào chế bán rắn; viên nén. * Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Esomeprazol Azevedos (Esomeprazol natri 40mg), tên tại Việt Nam: Asgizole.	EU-GMP	F027/S1/MH/001/2016	01/06/2016	29/01/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
14	Mobilat Produktions GmbH	Mobilat Produktions GmbH, Luitpoldstrasse 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0072	13/06/2016	03/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
15	Pharmathen SA	Dervenakion 6, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	40188/12-5-2016	19/05/2016	08/04/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
16	Zydus Hospira Oncology Private Limited	Pharmez Special Economic Zone, Plot No. 3, Sarkhej-Bavla Road, N.H. No. 8A, Village: Matoda, Taluka: Sanand, District-Ahmedabad-382 213 (Gujarat), India	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm; bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2929	03/05/2016	31/12/2018	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Berlimed, S.A	C/Francisco Alonso no 7, Poligono Industrial Santa Rosa, Alcala de Henares 28806 (Madrid), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng tâm thần).	EU-GMP	ES/072HVI/16	18/05/2016	04/04/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
20	Incepta Pharmaceuticals Limited - Zirabo Plant	Dewan Idris Road Bara Rangamala, Zirabo, Savar, Dhaka, Bangladesh	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén.	EU GMP	UK GMP 35139 Insp GMP 35139/9035 04-0003	10/05/2016	16/12/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
36	SA Alcon-Couvreur NV	Rijksweg 14, Puurs, 2870 (hoặc B-2870), Belgium	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế bán rắn; thuốc nhỏ mắt (dung dịch, hỗn dịch) (Bao gồm cả Prostaglandin) .	EU GMP	BE/GMP/2016/006	27/05/2016	26/02/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
38	PT. Kalbe Farma tbk	Jl. M.H Thamrin Blok A3-1 Kawasan Industri Delta Silikon Lippo Cikarang, Bekasi - Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim (không bao gồm kháng sinh betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục, thuốc kim tế bào)	PICS GMP	4653/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (không bao gồm kháng sinh betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục, thuốc kim tế bào)	PICS GMP	4654/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020			
39	PT. Kalbe Farma tbk	Jl. M.H Thamrin Blok A3-1 Kawasan Industri Delta Silikon Lippo Cikarang, Bekasi - Indonesia	* Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả kháng sinh non-betalactam)	PICS GMP	4655/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc kem, thuốc mỡ (không chứa kháng sinh betalactam); thuốc đạn (không chứa kháng sinh).	PICS GMP	4656/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020			

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Bột pha thuốc uống (không chứa kháng sinh betalactam).	PICS GMP	4657/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020			
41	Actavis Ltd	BLB015-016, Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN3000, Malta	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	MT/006HM/2016	15/02/2016	28/01/2019	Medicines Authority of Malta (MAM)	1	
42	Hwail Pharm Co., Ltd.	156 Sandan-ro 67beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng; Thuốc tiêm.	PICS GMP	2016-01-1554	25/05/2016	12/05/2019	Gyeongin Regional office of Food and Drug Safety		2
43	S.C. Sindan-Pharma S.R.L	B-dul Ion Mihalache nr. 11, sector 1, Bucuresti, cod 011171, Romania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chất kim tế bào/chất độc tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (chất kim tế bào/chất độc tế bào; chất điều trị khối u). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào). * Thuốc không vô trùng (chất độc tế bào/chất kim tế bào, chất điều trị khối u): Viên nang cứng; viên nén bao phim ; viên nén .	EU GMP	012/2016/RO	25/04/2016	15/02/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
46	Unique Pharmaceutical Laboratories (a Division of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.)	Plot No.4, Phase-IV, G.I.D.C. Industrial Estate, City Panoli - 394 116, Dist: Bharuch, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Sản phẩm cụ thể: + Dung dịch tiêm truyền Ifimol (Paracetamol 10mg/ml, 50ml, 100ml); + Dung dịch tiêm truyền Ificipro® (Ciprofloxacin 2mg/ml, 100ml); + Dung dịch tiêm Magnilek (Gadopentetic acid 469mg/ml, 10ml, 20ml); + Dung dịch tiêm truyền Metrogyl® (Metronidazole 5mg/ml, 100ml); + Dung dịch tiêm truyền Oflo® (Ofloxacin 2mg/ml, 100ml); + Dung dịch tiêm Pamidol (Iopamidol 300mg/ml, 370mg/ml); + Dung dịch tiêm Trazograf® (Diatrizoic acid 60%, 76%, 20ml); + Dung dịch tiêm Unipaque® (Iohexol 240mg/ml (20ml, 50ml, 100ml), 300mg/ml (20ml, 50ml, 100ml), 350mg/ml (20ml, 50ml, 100ml)); + Dung dịch tiêm truyền Unifloxin (Levofloxacin 5mg/ml).	PIC/S-GMP	038/2016/S AUMP/GMP	31/05/2016	29/04/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
48	Balkanpharma - Dupnitsa AD	3 Samokovsko Shosse Str., Dupnitsa 2600, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	BG/GMP/2016/085	09/06/2016	07/04/2019	Bulgarian Drug Agency	1	
51	Joint Stock Company "FARMAK"	74, Frunze Str., Kyiv, 04080, Ukraine	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc trứng; viên nén (bao gồm cả viên nén chứa hormon (cyproterone)). * Thuốc từ dược liệu.	PIC/S GMP	035/2016/S AUMP/GMP	30/05/2016	07/04/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
52	Natco Pharma Limited	Plot No. A3, UPSIDC, Selaquil Industrial area, Dehradun, Uttarakhand, 248197, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén; Viên nén bao phim.	EU GMP	NL/H 15/1007023	11/01/2016	14/10/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Unichem Laboratories Limited	Baddi Plant: Unit I Village Bhatauli Kalan, District Solan, Baddi - 173205 Himachal Pradesh, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Penicillin.	PIC/S GMP	171/16	05/05/2016	18/12/2018	National Pharmaceutical Control Bureau (NPCB), Malaysia		2
Đợt 44 (theo Công văn số 18660/QLD-CL ngày 23/09/2016 của Cục Quản lý Dược)										
1	Joint Stock Company FARMAK	74, Frunze Str., Kyiv, 04080, Ukraine. 4, Chornomorska St., Kyiv, 04080, Ukraine; 8a, Dubrivska Street, Stari Petrivtsi Village, Vishgorod District, Kyiv Region, 07353, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người và động vật.	PIC/S-GMP	020/2016/S AUMP/GMP	30/05/2016	07/04/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
2	China Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd. Hsinfong Plant	182-1, Keng Tze Kou, Hsinfong, Hsinchu Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: - Thuốc bột khô pha tiêm (sản xuất vô trùng); - Thuốc bột đông khô pha tiêm (sản xuất vô trùng); - Thuốc tiêm (sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối). * Thuốc không vô trùng: - Hỗn dịch, dung dịch; - Thuốc mỡ, thuốc kem; - Viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên bao tan trong ruột, viên nén, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang, thuốc đạn.	PIC/S GMP	2971	24/05/2016	25/12/2018	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
10	Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA (tên tiếng Ba Lan: Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy GALENA)	ul. Dozynkowa 10, 52-311 Wroclaw, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng, viên nén.	EU-GMP	GIF-IW- 400/0047_0 2_01/04/13 4/16	30/05/2016	04/03/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
11	DEVA Holding A.S.	DEVA Holding A.S. Cerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaagac Mah., Fatih Bulvari No. 26 TR-59510 Kapakli/ Tekirdag Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (Sản phẩm: Anastrozol coated tablets (CT), Bicalutamid (CT), Exemestan (CT), Imatinib (CT), Letrozol (CT)).	EU - GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0021	24/02/2016	04/12/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
13	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	Dung dịch thuốc nhỏ mắt Tearbalance 0,1% (Natri hyaluronat 1mg/ml)	Japan - GMP	1641	07/06/2016	07/06/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
14	Merck Sharp & Dohme B.V.	Waarderweg 39, HAARLEM, 2031 BN, Netherlands	Thuốc không vô trùng: Thuốc bột; viên nén.	EU GMP	NL/H15/1006689	21/12/2015	09/09/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
16	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	BG/GMP/2016/087	29/06/2016	03/06/2019	Bulgarian Drug Agency	1	
17	Idol Ilac Dolum Sanayii ve Ticaret A.S	20 Davutpasa Caddesi Cebealibey Sokak, 34020 Topkapi, Istanbul, Turkey.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	BG/GMP/2016/086	09/06/2016	23/03/2019	Bulgarian Drug Agency		2
19	Anfarm Hellas S.A.	61st km Nat. Rd. Athens-Lama, Schimatari Viotias, 32009, Greece (* Cách viết khác: 61st km Nat. Rd. Athens-Lama, Sximatari Viotias, 32009, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bột đông khô pha tiêm; Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (Kháng sinh beta lactam). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (kháng sinh beta lactam); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng bào chế bán rắn; viên nén (kháng sinh beta lactam).	EU GMP	40189/12-5-2016	13/06/2016	21/03/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant	17-85, Jusohonmachi 2 - chome, Yodogawa-ku, Osaka 532-8686 Japan	* Sản phẩm: - Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 3.75 mg (Leuprorelin acetate 3,75 mg) - Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 11.25 mg (Leuprorelin acetate 11,25 mg)	Japan - GMP	1631	04/07/2016	20/06/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
	Abbott Laboratories, S.A. (Cơ sở đóng gói)	Avda de Burgos, 91, Madrid, 28050 Madrid, Espana		EU GMP	ES/098HV/16	06/07/2016		Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain		
24	Sandoz Grup Saglik Urunleri Ilaclari San. ve Tic. A. S.	Gebze Organized Industrial Region Ihsan Dede Cadde No. 900. Sokak TR-41480 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: viên nén.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0011	14/03/2016	04/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
30	Sanofi Winthrop Industrie	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France (* Cách ghi khác: 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc Cedex, 33565, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; vi cốt. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; Enzym vi sinh vật.	EU-GMP	HPF/FR/68/2016	17/03/2016	30/09/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
31	Joint Stock Company "FARMAK"	74, Frunze Str., Kyiv, 04080, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormone). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormone); Dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: Thuốc nước uống; thuốc nhỏ giọt (bao gồm cả sản phẩm chứa hormone); thuốc dạng xịt (chứa hormone). * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc từ dược liệu.	PIC/S GMP	034/2016/SAUMP/GMP	30/05/2016	07/04/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
35	ANESTA LLC (A Wholly owned subsidiary of Cephalon Inc)	4745 Wiley post Way, Suite 650, Salt Lake City, 84116, United States	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	UK GMP 16802 Insp GMP 16802/8528-0008	27/11/2015	27/11/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
38	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	No. 10, Gaoxinzhongyi Road, High-tech Industrial Park, Nanshan District, Shenzhen 518057, Guangdong Province, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người, động vật.	EU-GMP	GIF-IW-400/0489_02_01/04/60/16	01/06/2016	07/04/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland		2
39	Schering-Plough Labo NV	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch/hỗn dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	BE/GMP/2016/010	04/07/2016	21/04/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
Đợt 45 (theo Công văn số 21743/QLD-CL ngày 03/11/2016 của Cục Quản lý Dược)										
1	DEVA Holding A.S.	DEVA Holding A.S. Cerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaagac Mah., Atatürk Cad. No. 32 TR-59510 Kapaklı/ Tekirdag Turkey	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc bột pha hỗn dịch uống (Sản phẩm: Amoxillin - Clavulanate powder for preparation of oral suspension); + Viên nén (Sản phẩm: Ambrisentan coated tablets (CT), Cinacalcet (CT), Quetiapin (CT), Risperidon (CT), Amoxillin - Clavulanate (CT))	EU - GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0020	24/02/2016	04/12/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
2	Emcure Pharmaceuticals Limited (OSD and Potent Injectables)	Plot No.P-2 IT Park Phase II MIDC Hinjwadi Pune IN 411 057 India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU-GMP	UK GMP 21553 Insp GMP 21553/21992-0010	06/08/2016	14/03/2019	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA		2
3	Emcure Pharmaceuticals Limited (Sterile Products Division)	Plot No P-I ITBT Park, Phase-II MIDC, Hinjwadi, Pune, Maharashtra State, IN-411 057, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ..	EU-GMP	UK GMP 21553 Insp GMP 21553/2387410-0002	06/08/2016	14/03/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	Cadila Healthcare Limited	Kundaim Industrial Estate, Plot No. 203 to 213, Kundaim village, Goa, 403 115, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYI/20634-6/2015	02/08/2016	19/04/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
6	Ipsen Biopharm Limited	Ash Road Wrexham Industrial Estate Wrexham, LL 13 9UF, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	UK MIA 3070 Insp GMP/GDP/IMP 3070/14720-0040	20/07/2016	23/05/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
7	AbbVie Inc.	1 N Waukegan Road, North Chicago, IL 60064 United States of America Cách ghi khác: 1 N Waukegan Rd, North Chicago, Illinois 60064, USA	* Dung dịch uống KALETRA (Lopinavir (80mg/ml)/Ritonavir (20mg/ml) Oral Solution, solution	U.S. CGMP	PSRE-MFXD	30/08/2016	29/08/2018	United States Food and Drug Administration	1	
9	Mepro Pharmaceuticals Private Limited	Unit II, Q Road, Phase IV GIDC, Wadhwan City, Surendranagar, Gujarat, 363 035, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	OGYÉI/1393 4-6/2016	22/07/2016	17/06/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
12	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	C/ Jarama 111 Polígono Industrial, Toledo, 45007 Toledo Espana	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicilins và cephalosporin: thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicilins và cephalosporin: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, viên nén bao phim, bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	ES/089HVI/16	27/06/2016	01/03/2019	Agency de Medicaments and Sanitary Products - Spain	1	
17	Imexpharm Corporation Branch III (IMP3)	No. 22, Street No. 2, Viet Nam Singapore industrial Zone II, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Viet Nam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm beta-lactam; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng chứa kháng sinh nhóm beta-lactam	EU-GMP	ES/141HV/16	19/2016	12/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Sản phẩm được xét nhóm thầu 1 (lưu hành tại Bồ Đào Nha): + Thuốc bột pha tiêm IMETOXIM 1g (Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g)			29/C	15/C		1	
19	Aesica Queenborough Limited	North Road Queenborough Kent ME11 5EL, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc gây mê dạng hít.	EU-GMP	UK MIA 32496 Insp GMP 22567/3043 3-0027	21/06/2016	29/03/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
20	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co. KG	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co. KG, Herzbergstraße 3 61138 Niederdorfelden, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, viên ngậm; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0055	19/07/2016	25/05/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
24	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén bao tan trong ruột Pariet 10mg.	Japan-GMP	1437	25/06/2014	11/04/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
25	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén bao tan trong ruột Pariet 20mg.	Japan-GMP	1438	25/06/2014	11/04/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
26	PT. Aventis Pharma	Jl. Jenderal A. Yani, Pulo Mas, Jakarta, Indonesia	Sản phẩm: Viên nén Triatec 5 mg (Ramipril 5mg)	PIC/S GMP	PN.01.05.31.313.05.16.539	04/05/2016	31/05/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
27	Alkem Laboratories Limited	Thana Baddi, Nalgarrh, District Solan, Himachal Pradesh, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang cứng (không chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Penicillin).	PIC/S GMP	MI-2015-CE-12531-1	24/06/2016	06/01/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
28	Cilag AG	Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland	* Thuốc dạng lỏng: Dung dịch thuốc tiêm; ống tiêm đóng sẵn (bao gồm cả chứa hoạt chất sinh học). * Dạng bào chế rắn: Viên nang; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU GMP	16-1557	02/08/2016	27/11/2018	Swissmedic, Swiss Agency for Therapeutic Products	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
32	Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Taflotan (Tafluprost 0,015 mg/ml)	Japan - GMP	1616	04/07/2016	15/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
33	Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0,1 (Fluorometholon 1mg/ml)	Japan - GMP	3085	20/10/2015	15/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
34	Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0,02 (Fluorometholon 0,2 mg/ml)	Japan - GMP	4532	14/12/2015	15/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
35	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH Pfaffenrieder Straße 5, 82515 Wolfratshausen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, chất độc tế bào/chất kìm tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, chất độc tế bào/chất kìm tế bào); Hỗn dịch và thuốc xịt mũi (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào); Hỗn dịch (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). * Sản phẩm: dung dịch tiêm Ribofolin 10mg/ml (calciumfolinat). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); Viên nén (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). * Sản phẩm: Thuốc tiêm Palonosetron Ribosepharm 250µg	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2015_0154	17/12/2015	13/10/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
36	Medochemie Ltd (Central Factory)	1-10 Constantinoupolis Street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim (Bao gồm cả các sản phẩm: Viên nén Clomiphene citrate 50mg Viên nang cứng Danazol 100mg, 200mg Viên nén Dexamethasone 0,5mg; 1,5mg Viên nén Flutamide 250mg Viên nén Medroxyprogesterone acetate 100mg Viên nén Prednisolone 5mg Viên nén Prednisone 5mg Viên nén Tamoxifen citrate 10mg, 20mg, 40mg).	EU-GMP	MED01/2016/001	13/04/2016	28/01/2019	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
40	Xellia Pharmaceuticals ApS	Dalslandsgade 11, Kobenhavn S, 2300, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, thuốc bột pha tiêm, tiêm truyền, thuốc bột hít. + Dược chất sản xuất theo phương pháp lên men.	EU-GMP	DK H 00066715	04/12/2015	13/08/2018	Danish Health and Medicines Authority	1	
49	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: - Viên nén (viên nén không bao, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao phim giải phóng kéo dài, viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát, viên nén bao phim giải phóng chậm) - Viên nang (viên nang mềm, viên nang cứng) - Viên nhai. * Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm, bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén bao phim, viên nang, bột pha sirô.	PICS GMP	2016-G1-1939	22/08/2016	26/08/2018	Daejeon Regional office of Food and Drug Safety, Korea		2
55	Biocon Limited	Plot No. 2-4, Phase IV, Bommasandra-Jigani Link Road, Bangalore - 560 099, India	* Sản phẩm: Insulin Glargine BS Injection 100U/ml FFP.	Japan GMP	System filing No.: 5122708010 051	04/03/2016	04/03/2021	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan		2
56	Laboratoire Aguettant	1 rue Alexander Fleming, Parc Scientifique Tony Garnier, Lyon, 69007, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	HPF/FR/112/2016	01/06/2016	19/02/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
57	Huons Co., Ltd.	100 Bio valley-ro, Jecheon-si Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	- Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, Viên nang, Viên nén nhai. - Thuốc tiêm. - Dung dịch Thuốc nhỏ mắt. - Thuốc uống dạng lỏng: Hỗn dịch, Siro, Dung dịch súc miệng.	PIC/S-GMP	2016-G1-1540	28/06/2016	26/08/2018	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety Korea		2
59	Myung In Pharm.Co., Ltd.	361-12 Noha-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Dạng thuốc rắn: viên nén; viên nang; viên nén phân rã. * Thuốc tiêm: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô. * Thuốc bán rắn: thuốc kem, thuốc mỡ.	PIC/S GMP	2016-D1-2734	19/09/2016	05/09/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
60	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Sanlein Mini 0.3 (Natri hyaluronat 1,2mg/0,4ml)	Japan-GMP	825	24/05/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and environmental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
61	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Sanlein Mini 0.1 (Natri hyaluronat 0,4mg/0,4ml)	Japan-GMP	827	24/05/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and environmental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
62	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Diquas (Natri diquafosol 30mg/ml)	Japan-GMP	3084	20/10/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and environmental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
63	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Taflotan-S (Tafluprost 4,5mcg/0,3ml)	Japan-GMP	3975	24/11/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and environmental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
64	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Sancoba (Cyanocobalamin (vitamin B12) 1mg/5ml)	Japan-GMP	4063	25/11/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and environmental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
65	Alkem Laboratories Limited	Alkem Laboratories Limited Village Thana, Baddi, Tehsil - Nalgarh, Solan, 173205 Himachal Pradesh, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; bột pha sirô ; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2016_0064	04/08/2016	22/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
66	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan:Tarchominski e Zaklady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland	*Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế rắn và cấy ghép (bao gồm cả kháng sinh nhóm β - Lactam)	EU_GMP	GIF-IW-400/0196_02_05/04/294/16	26/09/2016	08/07/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
67	Alkem Laboratories Limited	Alkem Laboratories Limited 167 Mahatma Gandhi, Udyog Nagar, Dhabel 396210 Daman, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; bột pha sirô.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2016_0069	05/08/2016	24/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
68	Organon (Ireland) Limited	Drynam Road , Swords, Co. Dublin, Ireland	*Thuốc không vô trùng bao gồm cả chất có hoạt tính hormon : Thuốc bán rắn; viên nén	EU-GMP	2015/11761/M61	05/02/2016	18/11/2018	Irish Medicines Board (IMB)	1	
Đợt 46 (theo Công văn số 25043/QLD-CL ngày 23/12/2016 của Cục Quản lý Dược)										
3	Takeda GmbH	Takeda GmbH Betriebsstatte Oranienburg Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU_GMP	DE_BB_01_GMP_2016_0021	04/07/2016	22/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
5	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; - Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; - Thuốc uống dạng lỏng; - Thuốc có dạng bào chế rắn khác: thuốc bột, thuốc cốm, globuli (chứa vi nang chứa vi lượng đồng căn) - Viên nén, viên nén bao phim. * Các thuốc khác: - Thuốc dược liệu; viên nén, viên nén bao phim - Thuốc vi lượng đồng căn (Homoeopathic products).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0068	08/06/2016	24/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
6	Macarthys Laboratories Limited T/A Martindale Pharmaceuticals	BAMPTON ROAD HAROLD HILL ROMFORD RM3 8UG UNITED KINGDOM	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén	EU GMP	UK MIA 1883 Insp GMP/GDP 1883/2700-0040	29/03/2016	13/10/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
7	MG Co., Ltd.	27 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm truyền.	PIC/S-GMP	2016-G1-1793	04/08/2016	13/06/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
8	Samchundang Pharm. Co., LTD	71, Jeyakgongdan 2-Gil, Hyangnam-Eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang; sirô khô; * Thuốc tiêm; * Dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt. * Dung dịch nhỏ mũi; dung dịch xịt mũi.	PIC/S-GMP	2016-D1-2322	12/08/2016	24/08/2018	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
9	Genepharm AE / Genepharm SA	18th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	57896/20-7-2016	26/07/2016	30/05/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
10	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG Lohmanstr. 2 56626 Andernach Germany	* Thuốc không vô trùng: Khung thẩm chứa dược chất; Thuốc bán rắn; Miếng dán trị liệu qua da.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0024	27/04/2016	12/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	BAG Health Care GmbH	BAG Health Care GmbH Amtsgerichtsstraße 1-5, 35423 Lich, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ động vật. * Thuốc từ dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0048	04/08/2016	08/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
13	Actavis UK Limited	Whiddon Valley, Barnstaple, EX32 8NS, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	UK MIA 142 Insp GMP/GDP/MP 142/6742-0032	11/10/2016	13/07/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
19	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o	ul. Krzywa 2, 95-030 Rzgów, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc từ dược liệu	EU GMP	GIF-IW-400/0108_01_01/04/83/16	11/04/2016	21/01/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
20	Medana Pharma Spolka Akcyjna	ul. Polskiej Organizacji Wojskowej 57., 98-200 Sieradz, Poland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất hướng thần); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hoạt độ tính cao); viên nén; dung dịch thực trạng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất hướng thần) * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	GIF-IW-400/0037_03_01/04/256/16	09/09/2016	23/06/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
21	Teijin Pharma Limited Iwakuni Pharmaceutical Factory	2-1, Hinode-machi, Iwakuni-shi, Yamaguchi, Japan	Sản phẩm: Viên nén Bon-One 0.25	Japan-GMP	2776	26/09/2016	26/09/2018	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
23	Rafarm SA	Thesi Pousi-Xatzis Agiou Louka, Paiania Attiki, TK 19002, TO 37, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	49203/15-6-2016	30/06/2016	05/05/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Mylan EPD G.K., (Tên cũ: Abbott Japan Co., Ltd.)	2-1, Inokuchi 37, Katsuyama, Fukui 911-8555, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Elthon 50mg tablets (Itopride hydrochloride 50mg)	Japan GMP	4813	24/12/2015	16/09/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
31	Withus Pharmaceuticals Co., Ltd.	103 Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin)	PIC/S GMP	2016-01-2398	17/08/2016	17/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
33	Haupt Pharma Wulfing GmbH ex: Wulfing Pharma GmbH	Bethelner Landstraße 18 31028 Gronau/Leine Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Thuốc cốm; Viên nén bao; Thuốc bán rắn; Thuốc đạn; Viên nén. * Sản phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2016_0008	04/04/2016	11/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Staatliches Gewerbeaufsichtsamt Hannover Inspektorat Hannover)	1	
36	Vianex S.A- Plant D	Industrial Area Patron, Agiros Stefanos, Patra, Axaia, 25018, Greece	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng dạng rắn và thuốc cấy ghép chứa kháng sinh beta lactam. * Thuốc không vô trùng: thuốc chứa kháng sinh beta lactam: viên nang cứng, viên nén, thuốc bột pha hỗn dịch.	EU-GMP	53268/5-7-2016	12/07/2016	10/06/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
38	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Ballydine)	Kilsheelan, Clonmel, Co. Tipperary, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nén.	EU-GMP	2015/8918/M11074	20/03/2015	16/01/2019	Irish Medicines Board (IMB)	1	
	Schering-Plough Labo NV (Cơ sở đóng gói)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium	* Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim Zepatier (Elbasvir 50 mg, grazoprevir 100 mg)	EU GMP	BE/GMP/2015/11	08/03/2016	03/12/2018	Federal Agency for Medicines and Health Products		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
42	Rafarm SA	Thesi Pousi-Xatzi Agiou Louka, Paiania Attiki, TK 19002, TO 37, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén.	EU-GMP	49203/15-6-2016	30/06/2016	05/05/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
49	Aspen Pharma Pty Ltd.	286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc cốt; thuốc bột; thuốc kem; thuốc phun mù; thuốc súc miệng; dung dịch; thuốc mỡ, bột nhão.	PIC/S	MI-2014-LI-10729-1	25/07/2016	13/08/2018	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
51	ELPEN A.E. ΦΑΡΜΑΚΕΥΤΙΚΗ ΒΙΟΜΗΧΑΝΙΑ / ELPEN PHARMACEUTICAL CO., INC	Marathonos Ave. 95, Pikermi Attiki, 19009, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả kháng sinh β-Lactam); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (viên bao phim, thuốc bột, thuốc cốt) (bao gồm cả kháng sinh β-Lactam); viên nén (bao gồm cả kháng sinh β-Lactam).	EU-GMP	46404/4-7-2016	18/07/2016	26/05/2019	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
54	SANOFI S.P.A.	S.S. 17 Km 22 - 67019 Scoppito (AQ), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (bao gồm cả thuốc chứa hormon Corticosteroid). * Thuốc từ dược liệu: Viên nang mềm; Viên nén.	EU-GMP	IT/138-17/H/2016	31/05/2016	19/11/2018	Italian Medicines Agency AIFA	1	
57	Cipla Limited	Plot No. 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District Dhar, IN-454775, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc xịt mũi.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0056	19/07/2016	17/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)		2
59	SANOFI S.P.A.	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén. * Thuốc sinh học: Chế phẩm sinh học (Lên men lactic): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốt.	EU-GMP	IT/249-5/H/2016	14/10/2016	26/02/2019	Italian Medicines Agency AIFA	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
70	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	30 Gangjeon-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporin).	PIC/S GMP	2016-G1-2125	13/09/2016	05/07/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
71	Nexpharm Korea Co., Ltd.	168-41 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc cốm.	PIC/S GMP	2016-G1-1893	16/08/2016	26/05/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
72	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany. (* Cách ghi khác: Willmar-Schwabe-Str. 4, D-76227 Karlsruhe, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm, globuli (chứa vi nang chứa vi lượng đồng căn); Viên nén, viên nén bao phim. * Các thuốc khác: + Thuốc dược liệu: viên nén, viên nén bao phim + Thuốc vi lượng đồng căn (Homoeopathic products).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0068	08/06/2016	24/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
73	Royal Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1, Lane 1, Sung Pu Road, Niao Song District, Kaohsiung City, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc, hỗn dịch thuốc; thuốc kem, thuốc mỡ; viên bao phim, cốm bao phim, viên nén, viên nang cứng.	PIC/S GMP	3287	12/10/2016	19/07/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
74	BAG Health Care GmbH	BAG Health Care GmbH Amtsgerichtsstraße 1-5, 35423 Lich, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc khác: Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0048	04/08/2016	08/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
76	Mega Lifesciences Public Company Limited	* Plant I: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	PICS GMP	MI-2015-CE-07830-1	2016	2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
		* Plant II: 515/1 Moo 4, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; viên nang cứng.			12/09/14	25/03/17			
77	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771 - USA	* Sản phẩm: Viên nén Zetia (Ezetimibe 10mg). Tên thương mại quốc tế: Ezetrol.	U.S. cGMP	4H8F-M4BJ	07/09/2016	06/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Shering-Plough Labo N.V (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2015/111	08/03/2016		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
78	ABC Farmaceutici S.P.A.	Via Cantone Moretti, 29 (loc. Localita' San Bernardo) - 10015 Ivrea (TO), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	IT/128-1/H/2016	26/05/2016	07/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
79	Hetero Labs Limited, Unit III	22-110 Industrial Development Area, Jeedimetla, Hyderabad, Andhra Pradesh, India 500 055	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim; viên nang.	PIC/S GMP	107-1137	08/09/2016	30/11/2018	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
81	PT. Tunggal Idaman Abdi	Jl. Jend.Ahmad Yani No 7, Rawamangun, Jakarta Timur, Indonesia	Thuốc tiêm thể tích nhỏ chứa hormon sinh dục và tránh thai.	PIC/S GMP	4146/CPOB/A/IV/14	14/04/2014	14/04/2019	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
82	B. Braun Medical, SA	Ctra. Terrassa, 121, Rubi, Barcelona, 08191, Spain	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng thần); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng thần);	EU-GMP	NCF/1634/001/CAT	11/10/2016	30/09/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
Đợt 47 (theo Công văn số 783/QLD-CL ngày 25/01/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
2	N.V. Organon	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: <i>Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands</i> hoặc: <i>Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim, thuốc cốm. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người và động vật; thuốc có nguồn gốc từ nước tiểu (urine).	EU GMP	NL/H 16/1010471	03/10/2016	08/09/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
3	Cipla Limited	Plot No 9 & 10 Pharma zone, Phase II Sector III Indore Special Economic Zone, Pithampur District Dhar, Madhya Pradesh, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc nhỏ mắt, thuốc hít; * Thuốc không vô trùng: thuốc xịt mũi, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang cứng, viên nén, thuốc hít (dạng khí nén), thuốc hít (dạng bột), thuốc xịt (dạng khí nén).	PIC/S GMP	MI-2015-CE-08285-1	22/09/2016	25/08/2018	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
4	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (nguyên liệu độc tính cao, nguyên liệu gây quái thai); thuốc cốm, thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén (nguyên liệu hoạt tính cao, nguyên liệu độc tính cao, nguyên liệu gây quái thai); viên nén bao phim.	EU-GMP	GIF-IW-400/0105_02_02/04/31 9/16	08/11/2016	02/09/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
5	GSK Biologicals SA	Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2016/020	20/06/2016	29/04/2019	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
11	Biocon Limited	Plot No. 2-4, Phase IV, Bommasandra Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bangalore - 560 099, India	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Insugen - R (Regular) Insulin Injection, Soluble 100 IU/ml Tên tại Việt Nam: Dung dịch tiêm INSUNOVA-R (Regular)	PIC/S GMP	1439/2016	14/11/2016	14/11/2018	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	S.C. Antibiotice S.A.	Str. Valea Lupului nr.1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: thuốc bột pha tiêm.	EU-GMP	046/2016/RO	16/12/2016	21/09/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
16	S.C. Slavia Pharm S.R.L	B-dul Theodor Pallady nr.44C, sector 3, cod 032266, Bucuresti, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén bao phim; thuốc cốm, thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel; bao gồm cả thuốc chứa hormon corticosteroid); viên nén.	EU-GMP	035/2016/RO	30/09/2016	24/06/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
17	Glaxo Wellcome Production	ZI de la Peyrenniere, 53100 Mayenne, France	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicilin: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/159/2016	11/07/2016	28/11/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
18	Laboratorios Lesvi, SL	Avinguda de Barcelona, 69, 08970 Sant Joan Despi (Barcelona), Spain (* Cách ghi khác: <i>Avda. Barcelona 69-08970 Sant Joan Despi, Barcelona, Spain</i>)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần): Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/1637/001/CAT	03/11/2016	27/10/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
19	Fresenius Kabi Oncology Limited	19, HPSIDC, Industrial area, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh 173205, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S GMP	1056020057	10/09/2016	31/10/2018	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
20	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, In-174101, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén. * Thuốc chứa chất độc tế bào.	EU GMP	UK GMP 29338 Insp GMP 29338/4438 41-0007	06/06/2016	08/02/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Softgel Healthcare Private Limited	Survey No. 20/1, Vandalur-Kelambakkam Road, Pudupakkam Village, Kancheepuram District 603 103, Tamil Nadu, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	EU GMP	Sulkls16598 8/2015	02/03/2016	20/11/2018	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic		2
28	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd.	33-19, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng; thuốc kem; mỡ; thuốc bột dùng ngoài. * Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm; thuốc bột đông khô.	PIC/S-GMP	2016-G1-2565	22/11/2016	13/06/2019	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
30	Myungmoon Pharmaceutical Co., Ltd.	26, Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Pamatase Inj. (Methylprednisolone 40 mg)	PIC/S-GMP	2015-D1-0980	10/04/2015	16/02/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
32	B.Braun Melsungen AG	Straße 1 34212 Melsungen, Germany (*Cách ghi khác: <i>Carl - Braun - Straße 1, 34212 Melsungen, Germany</i>)	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch, nhũ tương thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon); dung dịch, nhũ tương thể tích lớn; * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	DE-HE-01-GMP-2016-0067	10/08/2016	10/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
33	Biocon Limited	Plot No. 2-4, Phase IV, Bommasandra Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bangalore - 560099, India	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Insugen-30/70 (Biphasic)(Insulin biphasic Isophan 100 IU/ml). Tên tại Việt Nam: Insunova 30/70 (Biphasic)	PIC/S-GMP	1437/2016	14/11/2016	14/11/2018	National Pharmaceutical Control Bureau (NPCB), Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
36	Patheon Italia S.P.A.	2 Trav. SX Via Morolense, 5 - 03013 Ferentino (FR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa prostaglandins); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm từ máu: Thuốc đông khô; + Thuốc công nghệ sinh học (Protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng): Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc có nguồn gốc từ người và động vật: Thuốc đông khô.	EU-GMP	IT/197-1/H/2016	08/09/2016	19/05/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
37	Samil Pharm. Co., Ltd.	216 Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén; thuốc bột; thuốc cốm; si rô thuốc (dạng rắn); viên nhai. * Dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc uống dạng lỏng; si rô thuốc (dạng lỏng); hỗn dịch thuốc uống. * Thuốc bôi da dạng lỏng; thuốc xịt mũi. * Thuốc mỡ; thuốc mỡ tra mắt; thuốc gel.	PIC/S GMP	2016-D1-2874	06/10/2016	05/09/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
38	Fresenius Kabi Austria GmbH	Estermannstraße 17, 4020 Linz, Austria	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Dược chất: Lactulose, Hydroxyethylstarke, Sinistrin	EU-GMP	INS-480019-0043-001 (1/2)	14/06/2016	09/11/2018	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	1	
39	Hikma Farmacêutica (Portugal), S.A.	Estrada do Rio da Mó, n.º 8, 8-A e 8-B - Fervença, Terrugem SNT, 2705-906, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột tiêm (kháng sinh nhóm Cephalosporin). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	F006/S1/MH/001/2016	20/05/2016	05/02/2019	National Authority of Medicines and Health Products, I.P, Portugal	1	
42	Biocon Limited	Plot No. 2-4, Phase IV, Bommasandra Jigani Link Road, Bommasandra Post, Bangalore - 560099, India	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Insugen-N (NPH) Insulin, Isophane 100IU/ml. Tên tại Việt Nam: Insunova - N (NPH)	PIC/S GMP	1438/2016	14/11/2016	14/11/2018	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Pabianickie Zakłady Farmaceutyczne POLFA S.A. (Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Works Polfa in Pabianice Joint-Stock Co.)	ul.Marszalka Jozefa, Pilsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất kìm tế bào); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén và viên nén bao phim) (bao gồm cả thuốc chứa hormon và steroid). * Thuốc được liệu.	EU-GMP	GIF-IW-400/0039_01_01/04/314/16	28/10/2016	01/09/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
44	Korea United Pharm Int'l JSC.	No. 2A, Tu Do Boulevard, Vietnam-Singapore Industrial Park, Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim chứa Metformin HCl 500mg.	PIC/S GMP		10/05/2016	10/05/2019	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc (Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety)		2
45	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	JL.Wanaherang No. 35 Tlajung, Gunung Putri, Bogor, 16962, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NL/H 16/1008149	15/06/2016	14/01/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2
46	Samjin Pharmaceutical Co., Ltd.	52, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm dung dịch; thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc uống dạng hỗn dịch. * Thuốc mỡ.	PIC/S GMP	2016-D1-3213	09/11/2016	06/11/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
48	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	13 Othellos, Dhali Industrial Area, Nicosia, Cyprus, 2540, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc phun mù; thuốc bán rắn.	EU-GMP	MUN01/2016/001	02/09/2016	19/02/2019	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
49	EVER Pharma Jena GmbH (Cơ sở sản xuất)	Otto-Schott-Str. 15, 07745 Jena, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Dung dịch tiêm Cerebrolysin 215.2 mg	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2016_0024	28/07/2016	/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	EVER Neuro Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Oberburgau 3, 4866 Unterach am Attersee, Austria			INS-482197-0035-001 (6/10)	07/01/2016	23/09	Federal Office for Safety in Health Care, Austria		
50	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hỗn dịch nhỏ mắt, dung dịch nhỏ mắt). + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU GMP	13644/M148	19/09/2016	15/07/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
51	Sigma-Tau Industrie Farmaceutiche Riunite SPA	Via Pontina Km 30,400 - 00071 Pomezia (RM), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon trừ hormon giới tính). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm; Thuốc bán rắn; Viên đặt; Viên nén (bao gồm cả viên nén chứa hormon corticosteroid), viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Probiotics: Viên nang cứng; thuốc cốm.	EU GMP	IT/161-3/H/2016	07/11/2016	23/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
53	Piramal Critical Care, Inc.	3950 Scheldon Circle, Bethlehem, PA 18017, USA	Thuốc không vô trùng: Sevoflurane, USP Inhalation Anesthetic, 250 mL.	U.S. cGMP	V2RS-KF4K	14/10/2016	13/10/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
54	Zeta Farmaceutici S.P.A	Via Galvani, 10 - 36066 Sandrigo (VI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa hormon corticosteroid); Thuốc uống dạng lỏng chứa hormon corticosteroid; Thuốc bột; Thuốc bán rắn chứa hormon corticosteroid; Thuốc đạn chứa hormon corticosteroid.	EU GMP	IT/231-1/H/2016	13/10/2016	17/12/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
55	Sai Mirra Innopharm Pvt. Ltd.	Plot No. 288 & 299, Sidco Estate, Ambattur, 600098 Chennai, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	PIC/S GMP	339/16	07/09/2016	07/04/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
60	Sanofi Bangladesh Limited	Station Road, Tongi, 1710 Gazipur, Bangladesh	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa Carbapenems.	PIC/S GMP	056/16	29/02/2016	20/08/2018	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health, Malaysia		2
63	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Cravit (Levofloxacin hydrat 25mg/5mL)	Japan-GMP	1646	07/07/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and Enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare, Japan	1	
65	LG Life Sciences, Ltd.	129 Seokam-ro, Iksan-si Jeollabuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm dung dịch; thuốc bột pha tiêm; Thuốc bột đông khô pha tiêm. * Thuốc sinh học: Thuốc tiêm vắc xin.	PIC/S-GMP	2016-F1-0232	11/11/2016	28/04/2019	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
66	Zoetis P&U LLC	2605 East Kilgore Road, Kalamazoo, 49001, USA.	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU GMP	UK GMP 43813 Insp GMP 43813/1101 2434-0001	07/12/2015	08/09/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
68	Polfarmex S.A.	9, Józefów Str., 99-300 Kutno, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Viên nén, viên bao phim; Hỗn dịch thuốc (chứa cả steroid tổng hợp). * Thuốc từ dược liệu	EU GMP	GIF-IW-400/0020_01_01/04/30 3/16	13/10/2016	26/08/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
69	Nectar LifeSciences Limited - Unit VI	Village Bhatolikalan - Adjoining Jharmajri E.P.I.P, P.O. Barotiwala, Tehsil - Nalagarh District Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc vô trùng: thuốc bột pha tiêm (kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc không vô trùng (nhóm Cephalosporin): - Viên nén - Thuốc bột để pha hỗn dịch uống	EU GMP	FT034/MH/01/2016	21/11/2016	08/07/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
70	Dongkwang Pharm.Co., Ltd	115 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea (Hàn Quốc)	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm; thuốc bột tiêm; thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dạng kem: Cao xoa, kem, gel. + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang.	PIC/S GMP	2016- D1-2834	30/09/2016	26/09/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
71	Glaxo Wellcome S.A	Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero. (Burgos), Spain. (* Cách ghi khác: Avda. De Extremadura no 3, 09400 Aranda de Duero. (Burgos), Spain)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc phun mù dạng hỗn dịch, dung dịch để xịt mũi.	EU-GMP	3167/16	13/10/2016	26/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	1	
72	Facta Farmaceutici S.P.A	V.Laurentina Km 24,730-00040 Pomezia (RM), Italia	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng; Thuốc bột, thuốc cốm; Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	IT/216-2/H/2016	30/09/2016	16/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
Đợt 48 (theo Công văn số 3314/QLD-CL ngày 22/03/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	Intas Pharmaceuticals Limited	Plot numbers 457, 458 & 191/218P Sarkhej-Bavla Highway, Matoda, Sanand, Ahmedabad, Gujarat, In-382210, India (* Cách ghi khác: - Plot 457/458 (191/218P) Sarkhej - Bavla Highway, Matoda, Ahmedabad, 382 210, Gujarat, India. - Plot Numbers 457 & 458, Sarkhej-Bavla Highway, Matoda, Sanand, Ahmedabad, Gujarat, In-382210, India)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 17543 Insp GMP 17543/9621-0018	20/06/2016	14/03/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
4	Kocak Farma Ilac ve Kimya Sanayi. A.S	Cerkezoy Organize Sanayi Bolgesi, Karaagac Mah 11. Sok. No: 5 Kapakli, Cerkezoy, Tekirdag, Turkey	* Thuốc không vô trùng: viên nén (chứa hormon và thuốc chống ung thư)	EU-GMP	FI13/S1/MH/01/2016	17/10/2016	27/05/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
5	BIOFARM Sp. z o.o.	BIOFARM Sp. z o.o. ul. Walbrzyska 13, 60-198 Poznan, POLAND	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; thuốc cốm * Các thuốc từ dược liệu.	EU GMP	GIF-IW-400/0060_01_01/04/202/15	15/12/2015	18/09/2018	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
7	Besins Manufacturing Belgium SA	Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium	* Thuốc không vô trùng chứa hormon: dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	BE/GMP/2016/014	12/10/2016	05/02/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
8	Rottapharm Ltd.	Damastown Industrial Park, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc nước uống; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén.	EU-GMP	2016/13812/M868	30/11/2016	22/07/2019	Health Products Regulatory Authority, Ireland (HPRA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	Fulton Medicinali S.P.A	VIA MARCONI, 28/9-20020 ARESE (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: + Viên đặt chứa hormon corticosteroid và probiotic; viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm. + Chế phẩm sinh học: Viên đặt chứa probiotic.	EU-GMP	IT/253-2/H/2016	17/10/2016	09/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
11	Fleet Laboratories Limited	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom.	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon)	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787-0020	02/09/2016	19/07/2019	United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency	1	
14	Kolmar Korea	245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc uống dạng lỏng, si rô, hỗn dịch uống, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, lotions, thuốc xịt dùng ngoài da, thuốc mỡ, thuốc kem (cream), gel.	PIC/S GMP	2016-G1-2797	20/12/2016	29/11/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
15	SK Plasma Co., Ltd.	430-11 Nambu-daero, Osan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Các sản phẩm sinh học và các sản phẩm khác [thuốc tiêm (các chế phẩm từ huyết tương)].	PIC/S GMP	2016-D1-2945	14/10/2016	06/10/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
17	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Dung dịch thuốc nhỏ mắt: Alegysal (Pemirolast 1mg); Dung dịch thuốc nhỏ mắt: Sanlein 0.1 (Hyaluronate 1mg).	Japan-GMP	5652, 5654	03/03/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
19	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Grenzacherstrasse 124, 4070 Basel, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nang; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	16-2109	14/12/2016	10/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
20	Cipla Limited (Unit VII)	Unit VII, Plot No. L-139 S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna, Goa, IN-403 722, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4630 235-0002	21/10/2016	25/05/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
22	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Torrent Pharmaceuticals Ltd. - Indrad Plant Near Indrad Village, Taluka Kadi, District Mehsana Gujarat 382721, India (Cách viết khác: Indrad - 382721, Tal: Kadi, City: Indrad, Dist: Mehsana, India)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2016_0085	15/09/2016	16/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
23	Wockhardt Limited	Biotech Park, H-14/2, MIDC, Waluj, Arurangabad, 431136 Maharashtra, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ Insulin (Lọ, bút tiêm, cartridges).	PIC/S GMP	604/16	03/01/2017	13/05/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health, Malaysia		2
24	RPG Life Sciences Limited	Formulation Plant F 2, 3102/A, G.I.D.C. Estate, Ankleshwar Gujarat State, India	Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0034	11/04/2016	09/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
25	Medana Pharma Spolka Akcyjna (Cơ sở sản xuất)	ul. Polskiej Organizacji Wojskowej 57., 98-200 Sieradz, Poland	* Sản phẩm: + Hỗn dịch uống nhỏ giọt Bobotic Oral Drops (Simethicone 66.66mg/ml); + Hỗn dịch uống Polebufen (Ibuprofen 100mg/5ml); + Hỗn dịch uống Biseptol (Sulfamethoxazole 200mg/5ml, trimethoprim 40mg/5ml) + Dung dịch uống Aquadetrim Vitamin D3 (Cholecalciferol 15000 IU/ml)	EU-GMP	GIF-IW-400/0037_03_01/04/25 6/16	09/09/2016	23/06/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
	Medana Pharma Spolka Akcyjna (Cơ sở xuất xưởng)	ul. Wladystawa Lokietka 10, 98-200 Sieradz, Poland		EU-GMP	GIF-IW-400/0037_02_01/04/25 7/16	09/09/2016		Main Pharmaceutical Inspector, Poland		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
26	Medochemie Ltd (Cogols Facility)	1-10 Constantinoupolis Street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn.	EU-GMP	MED02/2016/001	13/04/2016	28/01/2019	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
27	Tai Yu Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Alley 13, Lane 11, Yun San Road, Chutung, Hsinchu, Taiwan R.O.C	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm + Thuốc tiệt trùng cuối: thuốc tiêm, hỗn dịch tiêm, dung dịch rửa * Thuốc không vô trùng: viên nén bao phim, viên nén, thuốc cốm, viên nang.	PICS-GMP	3430	26/12/2016	07/03/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
35	CMG Pharmaceutical Co., Ltd	27 Gongdan 1-daero 27beon-gil, Siheung-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nang, orodispersible film	PIC/S-GMP	2016-D1-1542	24/05/2016	23/08/2018	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
36	KMS PHARM CO., LTD.	236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nang cứng	PIC/S-GMP	2016-D1-2163	20/07/2016	26/06/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
40	PT. Konimex	Desa Sanggrahan, Kec. Grogol, Kabupaten Sukoharjo, Indonesia (* Cách ghi khác: Desa Sanggrahan, Kec. Grogol, Sukoharjo, Indonesia)	Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh β -Lactam.	PIC/S - GMP	4508/CPOB/A/IX/15	11/09/2015	08/09/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
42	Advance Pharma GmbH	Wallenroder Str. 8-14, 13435 Berlin, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0058	24/11/2016	27/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt für Gesundheit und Soziales Berlin)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Unimed Pharmaceuticals Inc	132 Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Dung dịch nhỏ mắt; thuốc uống dạng lỏng.	PICS GMP	2016-G1-2843	22/12/2016	18/10/2018	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
46	ZOETIS LLC	2605 EAST KILGORE ROAD, KALAMAZOO, 49001, United States	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	UK GMP 45786 Insp GMP 45786/1372 1156-0001	08/01/2016	08/09/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
47	Kotra Pharma (M) Sdn Bhd	1, 2, & 3, Jalan TTC 12, Cheng Industrial Estate, 75250, Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; gel. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ, lotion). * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S GMP	563/16	08/12/2016	21/07/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
49	Sava Healthcare Ltd	GIDC Estate, 507-B-512, Wadhwan City - 363035, Surendranagar, India	* Thuốc không vô trùng: - viên nén bao phim: Thuốc Movex Active, thuốc Movex Comfort, thuốc Movespasm, thuốc Movinaza 10mg, thuốc Movinaza 20mg, thuốc Pulmobreathe. - Thuốc bột pha hỗn dịch uống: thuốc Pulmobreathe, thuốc Pulmolor. - Viên nén: thuốc Pulmolor, thuốc Helpex Anticold, thuốc Helpex Anticold DX. - Thuốc mỡ: Helpex Effect	PIC/S-GMP	040/2016/S AUMP/GMP	15/06/2016	09/04/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
51	Lek farmacevtska družba d.d (Lek Pharmaceuticals d.d), Production Site (Tên viết tắt: Lek d.d)	Perzonal 47, Prevalje, 2391, Slovenia	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh Beta-lactam: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	450-4/2017-1	17/01/2017	27/05/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
52	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Cravit 1,5% (Levofloxacin hydrat 15mg/mL)	Japan-GMP	CPP: 1251	20/06/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and Enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare, Japan	1	
53	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Km 1.9 Road 689, PR 0694 Vega Baja, Puerto Rico, USA	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén; viên nén bao phim. * Thuốc bột Azithromycin 2g	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0123	10/10/2016	15/04/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
56	Orion Corporation/Orion Oyj/Orion pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô ; dung dịch tiêm thể tích nhỏ; sản phẩm khác (dung dịch dùng trong bàng quang; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng, viên nén chứa sulphonamide, viên nén bao phim, thuốc bột hít.	EU-GMP	5198/06.08.00.04/2015	03/12/2015	24/09/2018	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	1	
57	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG Lohmanstr. 2 56626 Andernach Germany	* Thuốc không vô trùng: - Khung thẩm chứa dược chất; - Thuốc bán rắn;	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0024	27/04/2016	12/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH	Wolfgang-Marguerre-Allee 1, 31832 Springe, Germany	* Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu Sản phẩm: Dịch truyền Albunorm 20% (200g/l)(albumin người 96%)	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2016_0025	21/10/2016	01/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
59	Capsugel Ploermel (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	ZI de Camagnon, 56800 Ploermel, France	Thuốc viên nang mềm Utrogestan 200 mg (Progesterone dạng hạt mịn 200 mg), Utrogestan 100 mg (Progesterone dạng hạt mịn 100 mg)	EU-GMP	HPF/FR/222/2014	24/10/2014	11/04/2017	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Besins Manufacturing Belgium SA (Cơ sở đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng)	Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium		EU-GMP	BE/GMP/2016/014	12/10/2016		Federal Agency for Medicines and Health Product of Belgium		
61	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.	222 Romklao Road, Klongsampravit, Latkrabang, Bangkok 10520, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc bán rắn (bao gồm cả thuốc kem), viên nén , viên nén bao phim	PIC/S	1-2-07-17-17-00007	23/08/2016	22/08/2019	Food and Drug Administration, Ministry of Public Health, Thailand		2
62	Famar Lyon	29 Avenue Charles de Gaulle, Saint Genis Laval, 69230, France	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc dùng ngoài; dung dịch thuốc uống; Thuốc bột (kháng sinh nhóm beta-lactam); Dạng bán rắn; Viên nén (kháng sinh nhóm beta-lactam); Viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/254/2016	08/11/2016	12/12/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
65	Lipa Pharmaceuticals Ltd	21 Reaghs Farm Road, Minto NSW 2566, Australia	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillins, Cephalosporins, hormone, steroids (trừ prednisone, prednisolone) và thuốc chống ung thư: Thuốc nước; dạng bào chế bán rắn; thuốc cốt; bột; viên nang mềm; viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	MI-2014-LI-10243-1	22/11/2016	10/12/2018	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	1	
67	JW Life Science Corporation	28 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Dung dịch tiêm truyền, Nhũ tương tiêm truyền .	PIC/S GMP	2017-G1-0143	20/01/2017	08/01/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Plot No 72, EPIP, Phase-I, Jharmajri, Baddi, Distt. Solan, (H.P), India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa bột kháng sinh nhóm Cephalosporins).	PIC/S-GMP	063//2016/SAUMP/GMP	29/09/2016	23/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
Đợt 49 (theo Công văn số 5844/QLD-CL ngày 27/04/2017 của Cục Quản lý Dược)										
1	AbbVie Inc.	1401 Sheridan road, North Chicago, IL 60064, USA	* Sản phẩm: Survanta® (beractant) Intratracheal Suspension 25 mg/ 1 ml; Tên tại Việt Nam: Hỗn dịch Survanta (phospholipids 25 mg/ml).	U.S. CGMP	D6GA-T34X	09/11/2016	08/11/2018	United States Food and Drug Administration	1	
3	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học (thuốc Insulin)	EU-GMP	GIF-IW-400/0196_02_03/04/340/16	01/12/2016	08/09/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
4	Farmaprim LTD (Tên khác: Farmaprim S.R.L)	Str. Crinilor 5, Raionul Criuleni, Sat Porumbeni, MD 4829, Republic Moldova. Cách ghi khác: 5 Crinilor street, Village Porumbeni, Criuneli reg., MD-4829, Republic of Moldova	* Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn (mỡ, kem, gel) (chứa hormon); thuốc đạn (chứa hormon); thuốc trứng (chứa hormon).	EU-GMP	040/2016/RO	21/10/2016	01/07/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania		2
5	Korea Pharma Co., Ltd	87 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotions; thuốc kem, viên nén bao đường.	PIC/S-GMP	2017-D1-0125	13/01/2017	02/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
6	Korean Drug Co., Ltd	69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; viên rã trong miệng, viên nhai; dung dịch thuốc uống; si rô; hỗn dịch.	PIC/S-GMP	2017-D1-0385	09/02/2017	15/12/2018	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
7	PT. OTTO Pharmaceutical Industries	Jl. Dr. Setiabudi Km 12,1 Kab. Bandung Barat, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam; thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục, thuốc kim tế bào: Viên nén; viên bao (bao gồm cả kháng sinh không thuộc nhóm Beta-lactam).	PIC/S-GMP	4139/CPOB/A/IV/14; 4139/CPOB/A/III/14	02/04/2014	02/04/2019	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		2
8	Biotest AG (Cơ sở sản xuất)	Biotest AG, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	* Sản phẩm: - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 250; - Dung dịch tiêm truyền Intratect; - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 500; - Dung dịch tiêm tĩnh mạch Pentaglobin; - Dung dịch tiêm Fovepta; - Dịch truyền Biseko (Protein huyết tương người 50g (Albumin 31g; Kháng thể người 10g)/1000ml). - Dịch truyền Albiomin 20% (Protein huyết tương người 200g (Albumin ≥ 96%)/1000ml).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2015_0126	08/12/2015	06/10/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Biotest Pharma GmbH (Cơ sở chứng nhận xuất xưởng)	Biotest Pharma GmbH, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_0018	15/02/2017				
10	Panpharma	ZI du Clairay, Luitre, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	HPF/FR/266/2016	18/11/2016	30/09/2018	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM), France	1	
11	TTY Biopharm Company Limited Lioudu Factory	No. 5, Gongjian W. Rd., Qidu District, Keelung, Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: bột đông khô pha tiêm; thuốc tiêm; + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	3182	05/08/2016	06/02/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH Industriepark Höchst- Bruningstraße 50, H500, H590, H600, H785, H790 65926 Frankfurt am Main, Germany (* Các cách ghi khác: Industriepark Hoechst 65926 hoặc Industriepark Höchst, D-65926 hoặc Industriepark Hoechst, D-65926 hoặc Industriepark Höchst, Bruningstrasse 50, D-65926 hoặc Bruningstrasse 50, D-65926 hoặc Industriepark Höchst, Brünigstraße 50, D-65926 Frankfurt am Main, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc cấy ghép và dạng rắn (hormon và chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học; + Thuốc nguồn gốc từ người hoặc động vật: Enoxaparin, Heparin Natrium. * Sản phẩm: TOUJEO, Solution for injection in pre-filled pen (Insulin glargine; 300 units/ml; 1,3,5 or 10 pre-filled pens) Tên tại Việt Nam: TOUJEO SOLOSTAR.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0090	09/12/2016	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
15	UCB Farchim SA	Z.I. de Planchy, Chemin de Croix Blanche 10, 1630 Bulle, Switzerland	Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế rắn: viên nén, viên nén bao phim. Cụ thể: + Cetirizine 10 mg + Cetirizine 5 mg (Japanese market exclusively) + Levocetirizine 5 mg + Levetiracetam 250mg/500mg/750mg/1000mg + Cetirizine 5mg/Pseudoephedrine 120mg	PIC/S-GMP	16-0418	09/03/2016	04/02/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Dr.Reddy's Laboratories Ltd (Formulation Unit 7)	Plot No: P1 to P9, Phase III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, INDIA	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: + Thuốc đông khô: Breعر, lyophilizate for solution for injection 3,5 mg (Bortezomib); Cytogem, lyophilizate for solution for infusion 200mg; 1000mg (Gemcitabine). + Dung dịch thể tích nhỏ: Mitotax, solution for injection 6mg/ml 5ml (30mg); 16,7ml (100mg); 41,7ml (250mg) (Paclitaxel). * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng: Redivec, capsules, hard 100mg; 400mg (Imatinib); + viên nén; viên nén bao phim: Apcibin, film coated tablets 150mg, 500mg (Capecitabine).	PIC/s - GMP	093/2015/S AUMP/GMP	19/01/2016	20/11/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
19	Piramal Critical Care, Inc.	3950 Scheldon Circle, Bethlehem, PA 18017, USA	Thuốc không vô trùng: sản phẩm Terrell™, Isoflurane, USP, Liquid for Inhalation 100 mL	U.S. cGMP	4KWR-AXXV	27/10/2016	26/10/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
20	Sance Laboratories Pvt. Ltd	VI/51B, n/c No 2, Kozhuvanal, Pala, Kottayam - 686 573, Kerala, India	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (thuốc bột pha tiêm): + Alemctum, powder for solution for injection 1g; 1g in bulk (Cefoperazone/ sulbactam); + Alcizon, powder for solution for injection 1g vial No 1; 2 in packs; No 10 (1x10) in pack in a box (Ceftriaxone); + Alcispec, powder for solution for injection 1g; 1g in bulk (Cefoperazone/ sulbactam); + Cepim, powder for solution for injection 1g; 1g vial No 1; No 5 (Cefepim). * Thuốc không vô trùng: + viên nang cứng: Sanceph-500 cap, capsules 500mg (Cephalexin). + thuốc bột: SANCEPH-DS 125, powder for preparation oral suspension 125mg/5ml. + Viên nén: Sanfur-500, tablets 500mg (Cefuroxime).	PIC/S GMP	061/2016/S AUMP/GMP	05/10/2016	22/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
22	CJ HealthCare Corporation	20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	2017-G1-0619	10/03/2017	11/10/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
23	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-Cho, Matsusaka-Shi, Mie, 515-2302 Japan	* Dung dịch tiêm NIKP-Karosgen injection 20ml	PIC/s-GMP	3129	23/10/2015	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
24	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama, Japan	Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim NIKP-Rebamipide film coated tablet 100mg.	PIC/s-GMP	3125	23/10/2015	18/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
26	GSK Biologicals (GlaxoSmithKline Biologicals SA)	Rue de l'Institut 89, Rixensart, 1330, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2016/019	20/06/2016	24/03/2019	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
27	Cơ sở sản xuất: Lilly France	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: thuốc tiêm Humalog KwikPen (insulin lispro injection (rDNA origin) 100 units/ml, 3ml)	US-GMP	GH96-WW8C	02/11/2016	01/11/2018	United States Food and Drug Administration	1	
	Cơ sở đóng gói: Eli Lilly and Company	Indianapolis IN 46285, USA								
28	Chiesi Farmaceutici S.P.A.	Via San Leonardo 96 - 43122 Parma (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid, thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid); thuốc cầm và thuốc bột (chứa corticosteroid); thuốc phun mù (chứa corticosteroid); viên nén. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/289-4/H/2016	25/11/2016	21/01/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
		Via Palermo, 26/A - 43122 - Parma (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid). * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.							

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
29	Guerbet	16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	HPF/FR/18/2017	26/01/2017	18/03/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
30	Synthon Hispania, SL	Pol. Ind. Les Salines. C/ Castello, 1, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona); Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên bao (bao gồm cả chất gây nghiện, hướng thần); viên nang cứng; pellet, thuốc bột gói.	EU-GMP	NCF/1646/001/CAT	27/12/2016	17/11/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
32	Hankook Korus Pharm, Co., Ltd	78 Daepungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbulk-do, Republic of Korea	Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	PIC/S-GMP	2017-G1-0341	09/02/2017	08/01/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
33	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd.	1103 Jingwang-ro, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc tiêm.	PIC/S-GMP	2016-G1-2269	13/10/2016	06/10/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
34	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	No. 6-20, Tuku., Tuku Village, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm dung dịch; bột đông khô pha tiêm; thuốc tiêm dạng hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm dung dịch. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; Viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc bột khô pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosrin.	PIC/S GMP	3517	02/03/2017	11/03/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
35	Aesica Pharmaceuticals S.R.L	Via Praglia, 15-10044 Pianezza (TO), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/11-4/H/2017	03/02/2017	17/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
36	Binex Co., Ltd	368-3 Dadae-ro, Saha-gu Busan, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nang; thuốc bột; thuốc cốm. * Thuốc nhỏ mắt: dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2017-C1-0076	02/03/2017	03/02/2019	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
37	Theragen Etex Co., Ltd	58 Sandan-ro 68beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nang. * Siro uống.	PIC/S-GMP	2017-D1-0781	13/03/2017	01/03/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
38	West Pharma-Producoes de Especialidades Farmaceuticas, S.A	Rua Joao de Deus, No. 11, Amadora, 2700-486, Portugal	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả thuốc có hoạt tính hormon: Letrozol), viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốt.	EU-GMP	F030/S1/MH/001/2017	11/01/2017	21/09/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
39	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd. (Chinoin Private Co. Ltd)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Thuốc miễn dịch	EU-GMP	OGYÉI/6375 2-2/2016	22/12/2016	06/07/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	1	
43	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Forane (Isoflurane, USP) Liquid for Inhalation, 250ml Tên tại Việt Nam: Aerrane	US-GMP	T9HC-V7TC	06/01/2017	05/01/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
45	Panpharma	ZI du Clairay, Luitre, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	HPF/FR/266 /2016	18/11/2016	30/09/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
46	YuYu Pharma, Inc	94 Bio Valley 1-ro, Jecheon-si Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc mỡ, thuốc kem, Gel.	PICS -GMP	2017-G1-0108	16/01/2017	12/05/2019	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
48	XL Laboratories Pvt. Ltd	E -1223, Phase-1, Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Raj.), India	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng: Thuốc Abydium, - Thuốc si rô: thuốc Alesof, - Thuốc viên nén: Melcom - Thuốc bột pha dung dịch uống: Milistan Hot Tea Anticough, Milistan Hot Tea With Lemon	PIC/S-GMP	072/2016/S AUMP/GMP	04/11/2016	29/09/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Sandoz Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S	İnönü Mahallesi, Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bölgesi Atatürk, Bulvari 9. Cadde No.2, 41400 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim, thuốc cốm	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0024	07/07/2016	29/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
51	Chemical Works of Gedeon Richter Plc. (Gedeon Richter Plc.)	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch và hỗn dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc có chứa chất kim tế bào). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa kháng sinh); viên nén (bao gồm cả viên nén chứa hormon), viên nén bao và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc thuốc chứa hormon). Vòng âm đạo với hoạt tính hormon. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Sản phẩm cụ thể: + Hỗn dịch tiêm Hydrocortison-Lidocain-Richter (Hydrocortisone acetate 125mg/5ml; Lidocaine hydrochloride 25mg/5ml). + Dung dịch tiêm Oxytocin 5IU/1 mL.	EU-GMP	OGYÉI/16982-8/2016	07/09/2016	22/04/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
57	Cilag AG (Cơ sở sản xuất)	Hochstrasse 201, 8200, Schaffhausen, Switzerland	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Remicade (Infliximab 100 mg)	EU GMP	16-1557	02/08/2016	27/12/2018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	Janssen Biological B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Einesteinweg 101, Leiden, 2333CB, Netherlands			NL/H16/1005175	18/04/2016		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	Vifor SA	Route de Moncor 10, 1752 Villars-sur-Glane, Switzerland	* Thuốc bán rắn: Kem; mỡ; gel. * Dạng bào chế lỏng: Sirô; dung dịch thuốc; hỗn dịch thuốc. * Dạng bào chế rắn: Viên nang; viên nén; viên nhai; viên nén bao phim; viên bao đường; viên ngậm; thuốc bột; thuốc cốm (bao gồm cả sản phẩm từ vi khuẩn).	EU-GMP	16-2034	02/11/2016	03/06/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
59	Medreich Limited	4/3 Avalahalli Anjanapura Post (Unit III site), Bangalore 560062, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S GMP	MI-2015-CE-00583-1	02/08/2016	11/05/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
60	InfoRLife SA	Casai 7748 Campascio, Switzerland	Thuốc vô trùng dạng dung dịch.	PIC/S GMP	17-0173	30/01/2017	13/05/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
61	Tolmar INC	701 Centre Avenue, Fort Collins, Colorado, 80526, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm thuốc bột đông khô pha tiêm). + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thuốc thể tích nhỏ, thuốc bán rắn	EU-GMP	NL/H 16/1009478 a	23/01/2017	14/09/2019	Healthcare Inspectorate, Netherlands	1	
62	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spolka Akcyjna)	22/24, Karolkowa Str., 01-207 Warszawa, Poland (tiếng Anh: Karolkow 22/24, 01-207, Warsaw, Poland)	* Thuốc sản xuất vô trùng: + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có độc tính mạnh, gây nghiện, hướng tâm thần, chất nhạy cảm và hoạt chất teratogenic): hỗn dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc tiêm, thuốc tiêm nhũ tương. * Thuốc tiệt trùng cuối: + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có độc tính mạnh, gây nghiện, hướng tâm thần, chất nhạy cảm và hoạt chất teratogenic): dung dịch thuốc tiêm, thuốc tiêm nhũ tương. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật	EU-GMP	GIF-IW-400/0102_02_01/04/354/16	07/12/2016	19/10/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
64	Auronext Pharma Private Limited	A-1128, RIICO Industrial Area Phase III, Bhiwadi District - Alwar, Rajasthan, 301 019, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh β -lactam: Thuốc đông khô; Thuốc dạng rắn và cấy ghép.	EU-GMP	FT020/MH/01/2016	05/05/2016	19/02/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
66	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	JL.Wanaherang No. 35 Tlajung, 16962 Gunung Putri, Bogor, Indonesia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (ống ampoule).	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0063	30/11/2016	22/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Gesundheit und Soziales)		2
70	Yungjin Pharm. Co., Ltd	66 Muha-ro, Namyang-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang; siro khô. * Thuốc uống dạng lỏng: siro; hỗn dịch uống; nước súc miệng. * Thuốc dạng lỏng dùng ngoài; lotion. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nang; thuốc bột; siro; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S GMP	2017-D1-0066	09/01/2017	19-10-2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
71	Medochemie Ltd. (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	MED07/2016/001	14/09/2016	29-07-2019	Pharmaceutical Services, Ministry of Health, Republic of Cyprus	1	
72	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C, Malegoan, Sinnar, In-422113, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU GMP	UK GMP 20807 Insp GMP 20807/2238 2-0008	24/01/2017	05/12/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
73	Baxter Healthcare Corporation	Route 3, km 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784, USA	Sản phẩm Suprane (Desflurane USP, Liquid for Inhalation)	US cGMP	03-0105-2016-09-VN	31/3/2016	31/3/2018	United State Food and Drug Administration	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
74	MILAN LABORATORIES PRIVATE LIMITED	Plot Nos. 35/36/63/64/65/67/87 Jawahar Co-Op Industrial Estate Ltd, Kamothe, Panvel (Navi Mumbai), Mumbai, IN 410 209, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, thuốc bột	EU-GMP	UK GMP 33423 Insp GMP 33423/4987 70-0007	10/10/2016	20/06/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
75	Merck Serono S.P.A	Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) - 70026 Modugno (BA), Italy	* Thuốc vô trùng : - Thuốc vô trùng không tiết trùng cuối: + Bột đông khô chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon không phải corticosteorid; + Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon và cytokines - Thuốc vô trùng sản xuất có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: - Sản phẩm từ máu: sản phẩm cuối chứa albumin người được bổ sung làm tá dược cho sản phẩm từ kỹ thuật sinh học ; - Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp	EU-GMP	IT/291-35/H/2016	28/11/2016	04/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
76	Lamp San Prospero SPA	Via Della Pace, 25/A - 41030 San Prospero (MO) Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột, thuốc cốm, thuốc đặt, viên nén.	EU-GMP	IT/168-1/H/2016	15/07/2016	05/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
77	Valpharma international S.P.A	Via G. Morgagni, 2-47864 Pennabilli (RN), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc cốm, pellet, viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/318-1/H/2016	27/12/2016	20/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
79	Eli Lilly & Company	Indianapolis, IN 46285, USA	*Thuốc sản xuất vô trùng: Bột đông khô (thuốc độc tế bào), dung dịch thể tích nhỏ. *Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bột (tiết trùng bằng chiếu tia gamma) * Thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	HPF/PT/12/2016	22/12/2016	16/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
81	Janssen Korea Ltd.	45 Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, nang cứng, dạng bột dùng để uống. * Siro * Dung dịch dùng ngoài	PIC/S	2017-D1-0100	13-01-2017	13-01-2018	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
82	Atra Pharmaceuticals Limited	Bulding II, Plot No.H-19 MIDC Waluj Aurangabad (MS) 431133 India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	PIC/S	038/17	06/02/2017	21-7-2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
84	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp	797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên bao phim; viên nén; viên nang; bột pha siro; thuốc bột. * Thuốc tiêm truyền. * Siro; hỗn dịch; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch uống. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên bao phim; viên nén; viên nang; bột pha siro; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chống ung thư, độc tế bào: Dung dịch tiêm, thuốc tiêm đông khô.	PIC/S GMP	2017-G1-0415	20-02-2017	11/01/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
85	Immacule Lifesciences Private Limited	Village Thanthewal, Ropar Road, Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN 174101, India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	UK GMP 47115 Insp GMP 47115/1573 0061-0001	02/02/2017	17/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
87	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka -shi, Mie, japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Hishiphagen combination intravenous (53mg Monoammodium Glycyrhizinate, 400mg Glycine, 22 mg L-Cysteine Hydrochloride Hydrate)	Japan GMP	1759	19/07/2016	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
88	Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.P.A.	Via Civitali, 1-20148 Milano (MI), Italia.	* Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: * Thuốc không vô trùng: * Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; viên nén, viên bao phim, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc ngậm. - Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hormone corticosteroid), thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả hormone corticosteroid). - Thuốc bán rắn (bao gồm cả hormone corticosteroid). - Thuốc được liệu: viên nén	EU-GMP	IT/302-7/H/2016	06/12/2016	11/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
89	PT. Dankos Farma	Jl. Rawa Gatel Blok III S Kav. 36 - 38, Kawasan Industri Pulogadung, Jakarta Timur, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kích tế bào: viên nén, viên nén bao phim	PIC/S GMP	4910/CPOB/A/II/17	14/02/2017	28/02/2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kích tế bào: viên nang cứng		4911/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kích tế bào: viên nang mềm		4912/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kích tế bào: thuốc uống dạng lỏng		4913/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc sản xuất vô trùng: - Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.		4914/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc tiết trùng cuối và sản xuất vô trùng: - Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kích tế bào: dung dịch, nhũ dịch và hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ (không quá 100ml);		4916/CPOB/A/II/17	28/02/2017				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin : Viên nén và viên nén bao phim * Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: thuốc bột uống . * Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : Viên nén; viên nén bao phim * Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin :Viên nang cứng * Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : thuốc bột uống		4927/CPOB/A/II/17 4928/CPOB/A/II/17 4929/CPOB/A/II/17 4930/CPOB/A/II/17 4931/CPOB/A/II/17	28/02/2017 28/02/2017 28/02/2017 28/02/2017 28/02/2017				
90	Cho-A Pharm.Co., LTD	318 Gwangjeong-ro, Haman-myeon, Haman-gun Gyeongsangnam-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nhai, viên nang cứng, thuốc cốm, dung dịch thuốc uống, siro.	PIC/S GMP	2017-C1-0101	17/03/2017	19/01/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
93	Xian-Janssen Pharmaceutical Ltd.	34 North Wanshou Road, Xian, Shaanxi Province, 710043, China	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén; thuốc bột; thuốc bán rắn.	EU-GMP	BE/GMP/2016/073	25/01/2017	27/10/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products of Belgium		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
94	Doppel Farmaceutici S.R.L	Via Martiri Delle Foibe, 1-29016 Cortemaggiore (PC), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc khung thấm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (hóc môn hoặc các chất có hoạt tính hóc môn, trừ hóc môn sinh dục); thuốc đặt chứa hóc môn corticosteroid, viên nén (hóc môn hoặc các chất có hoạt tính hóc môn). * Thuốc sinh học: Sinh phẩm chiết xuất từ động vật: viên nang mềm chứa ethyl ester của acid béo chưa bão hòa từ dầu cá; thuốc dạng bán rắn chứa heparin và heparinoids. * Sản phẩm: Thuốc viên trứng đặt âm đạo Meclon (Clotrimazole 100mg, Metronidazole 500mg).	EU GMP	IT/18-2/H/2017	13/2/2017	21/01/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
95	Special Product's Line S.P.A	Via Fratta Rotonda Vado Largo, 1-03012- Anagni (Frosinone), Italia Cách ghi địa chỉ cũ: Strada Paduni, 240-03012 Anagni (FR), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt (chứa hormon corticosteroid); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon corticosteroid). * thuốc sinh học: thuốc uống dạng lỏng chứa Probiotic	EU-GMP	IT/25-3/H/2017	27/02/2017	12/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
Đợt 50 (theo Công văn số 8028/QLD-CL ngày 09/06/2017 của Cục Quản lý Dược)										
1	Trima, Israel Pharmaceutical Products, Ma'abarot LTD	Sản xuất: Ma'abarot Ind.Zone, Emek Hefer, Israel Đóng gói: Kibbutz Ma'abarot, Emek Hefer, Israel	Thuốc không vô trùng (không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, chất độc tế bào): Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bán rắn chứa steroid.	PIC/S GMP	GMP 2/7	17/11/2016	28/09/2018	Institute for Standardization and Control of Pharmaceuticals (ISCP), Israel		2
2	Mitsubishi Tanabe Pharma Factory Ltd., Onoda Plant (Cơ sở sản xuất)	7473-2, Ooaza Onoda, Sanyo Onoda, Yamaguchi, Japan	* Sản phẩm: + Viên nang giải phóng có kiểm soát HERBESSER R 200 (Diltiazem Hydrochloride 200mg); + Viên nang giải phóng có kiểm soát HERBESSER R 100 (Diltiazem Hydrochloride 100mg).	Japan GMP	4503, 4502	06/01/2017	06/01/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
	P.T. Tanabe Indonesia (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia		PIC/S GMP	4337/CPOB/A/I/15	15/01/2015		National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	Sinil Pharmaceutical Co., Ltd	28, Boksanggol-gil, Angseong-myeon, Chungju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang; thuốc bột; viên ngậm (troche); viên nhai (gum). * Miếng dán ngoài da; miếng dán hấp thu qua da; thuốc kem; mỡ; gel	PIC/S GMP	2017-G1-0602	09/03/2017	25/11/2018	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
5	Eli Lilly and Company	Indianapolis IN 46285, USA	* Sản phẩm: Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Gemzar® 1GM (gemcitabine hydrochloride 1GM)	US-GMP	8QVY-NMU6	21/02/2017	20/02/2019	United States Food and Drug Administration	1	
6	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
7	Sanofi S.P.A	Via Valcanello, 4, 03012 Anagni (Fr), Italy (* Cách ghi cũ: Località Valcanello , 03012 Anagni (Frosinone), Italy)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (chứa hormone và có hoạt tính hormone, bao gồm cả hormone corticosteroid, sản phẩm kỹ thuật sinh học, sản phẩm miễn dịch); dung dịch thể tích nhỏ (vắc xin vi khuẩn bất hoạt; vắc xin virus bất hoạt; sản phẩm kỹ thuật sinh học (proteine/DNA tái tổ hợp)). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; * Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch (vắc xin vi khuẩn bất hoạt; vắc xin virus bất hoạt); sản phẩm kỹ thuật sinh học (proteine/DNA tái tổ hợp). * Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Targosid (Teicoplanin 400mg/3ml).	EU-GMP	IT/44-1/H/2017	28/03/2017	22/04/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
8	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK 10 2NA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất LHRH Agonist). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antieostrogen).	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0033	07/03/2017	13/12/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	Ferring International Center SA	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland	* Thuốc dạng rắn: viên nén; thuốc cốm.	EU-GMP	17-0474	06/03/2017	15/09/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
11	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở SX BTP)	State Road 670 Km.2.7, Manati Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/850mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 850mg)	US-GMP	32PY-JZMV	08/12/2016	09/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN , Netherlands		EU GMP	NL/H15/100 6689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
12	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở SX BTP)	State Road 670 Km.2.7, Manati Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/1000mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 1000mg)	US-GMP	RQZS-S9NF	14/12/2016	09/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN , Netherlands		EU GMP	NL/H15/100 6689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
13	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở SX BTP)	State Road 670 Km.2.7, Manati Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/500mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 500mg)	US-GMP	3JWH-A5TB	08/12/2016	09/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN , Netherlands		EU GMP	NL/H15/100 6689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	J. Uriach y Compañia, S.A	Avinguda Camí Reial, 51-57 Polígon Industrial Riera de Caldes, 08184 - Palau - Solità i Plegamans (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả chất gây nghiện, chất hướng thần): viên nén, viên nang cứng, viên bao, viên bao đường , thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn	EU-GMP	NCF/1704/001/CAT	13/03/2017	19/01/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
15	MSN Laboratories Private Limited	Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Medak District - Telangana 502 325, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén * Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô, dung dịch thể tích nhỏ - Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	013/2017/RO	07/03/2017	01/02/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania		2
16	Catalent UK Swindon Zydis Limited (Cơ sở sản xuất)	Frankland Road, Blagrove, Swindon, Wiltshire, SN5 8RU, United Kingdom	* Sản phẩm: + Viên đông khô dạng uống Minirin Melt Oral Lyophilisate 120mcg (Desmopressin 0,12mg) + Viên đông khô dạng uống Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg (Desmopressin 0,06mg)	EU GMP	UK MIA 14023 Insp GMP/IMP 14023/4574-0017	18/10/2016	13/09/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
17	Zambon S.P.A.	Via Della Chimica, 9-36100 Vicenza (VI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid); thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	IT/31-5/H/2017	06/03/2017	11/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
19	C.B. Fleet Company, Inc	Lynchburg, VA 24502, USA	Sản phẩm: Fleet Pedia-Lax Liquid Stool Softener (Natri docusate 50mg)	US cGMP	J3P2-H4BX	25/04/2017	24/04/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
20	Lilly France (Cơ sở sản xuất)	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: Hỗn dịch tiêm Humalog Mix 50/50 KwikPen 300 Units (insulin lispro injection 300 units)	US-GMP	KDZM-YHQN	29/03/2017	28/03/2019	United States Food and Drug Administration	1	
	Eli Lilly and Company (Cơ sở đóng gói)	Indianapolis IN 46285, USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Lilly France (Cơ sở sản xuất)	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: Hỗn dịch tiêm Humalog Mix 75/25 KwikPen 300 Units (insulin lispro injection 300 units)	US-GMP	ERNW-YSCW	07/03/2017	06/03/2019	United States Food and Drug Administration	1	
	Eli Lilly and Company (Cơ sở đóng gói)	Indianapolis IN 46285, USA								
22	Fresenius Kabi Norge AS	Svinesundsveien 80 and Svinesundsveien 336, HALDEN, NO-1788, Norway	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Dung dịch dùng ngoài da; + Dung dịch thuốc uống; + Thuốc uống dạng gel.	EU-GMP	17/00212-4	07/02/2017	14/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Na Uy		2
24	UCB Pharma SA	Chemin du Foriest, Braine-L'Alleud, 1420, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nén bao phim.	EU-GMP	BE/GMP/2016/100	10/03/2017	09/09/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
26	Aurobindo Pharma Limited - Unit III	Survey no.: 313, 314 - Block I, II, III, IV, Bachupally Village, Quathubullapur Mandal, Medchal District, Telangana, 5000900, India	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; - Thuốc uống dạng lỏng; - Viên nén; - Bột pha dung dịch uống.	EU-GMP	FT035/MH/001/2017	20/02/2017	07/10/2019	Portuguese National Authority of Medicines and Health Products, I.P. (INFARMED)		2
27	Eli Lilly and Company	Lilly Corporate Center, Indianapolis, IN 46285-USA (* Cách ghi khác: Indianapolis IN46285 USA)	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm GEMZAR® 200 (Gemcitabine hydrochloride 200mg)	US-GMP	6A3U-JBJY	24/02/2017	23/02/2019	United State of America Foods and Drug Administration (US-FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
29	Kyung Dong Pharm. Co., Ltd	224-3 Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	- Viên nén, viên nang (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporin); - Thuốc tiêm bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; Thuốc đông khô pha tiêm; Thuốc tiêm.	PICS GMP	2017-D1-0930	29/03/2017	13/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
34	C.B.Fleet Company. INC	Lynchburg, VA 24502, United States of America	* Sản phẩm: Dung dịch thực tràng Fleet Enema for Children	U.S.CGMP	G4DR-3AXA	15/03/2017	14/03/2019	United States Food and Drug Administration	1	
35	Eli Lilly and Company	Indianapolis, IN 46285, USA	* Sản phẩm: ALIMTA® (Pemetrexed) 100mg Injection)	US-GMP	2R56-AEXE	12/12/2016	11/12/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
36	Hanlim Pharm. Co., Ltd.	2-27 Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Viên nén; viên nang; * Thuốc tiêm; bột pha tiêm * Dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt. * Dung dịch thuốc uống; siro; Elixir; dung dịch thuốc mũi (dạng xịt). * Thuốc mỡ tra mắt; gel. * Dung dịch nhỏ tai.	PIC/S GMP	2017-D1-0532	17/02/2017	18/12/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
39	Joint Stock Company "Kievmedpreparat "	139, Saksahanskogo St., Kyiv, 01032, Ukraine.	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột; Thuốc mỡ; gel; kem; Viên nén; Viên nén bao phim	PICS GMP	096/2016/S AUMP/GMP	26/01/2017	16/12/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
40	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	Sản phẩm: Morihepamin, thuốc tiêm.	Japan-GMP	4238	20/12/2016	06/09/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
41	Laboratorios Rubio, SA	C/. Industria, 29 Pol. Ind. Comte de Sert 08755 CASTELLBISBAL (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hương tâm thần): Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NCF/1641/001/CAT	23/11/2016	09/09/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Valpharma International S.P.A (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italia	Sản phẩm: viên nén giải phóng có kiểm soát GLICLAZIDE 60mg MR VALPHARMA (Gliclazide 60mg).	EU-GMP	IT/318-5/H/2016	27/12/2016	20/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Lamp San Prospero SPA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italia		EU-GMP	IT/168-3/H/2016	15/07/2016	05/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)		
44	Merck KGaA & Co. Werk Spittal	Hösslgasse 20, 9800 Spittal an der Drau, Austria (* Cách ghi khác: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau, Austria)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc cổm; viên bao đường. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	INS-480021-0053-001 (3/25)	27/02/2017	10/01/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (AGES)	1	
46	Intas Pharmaceuticals Ltd. Biopharma Division	Plot no: 423/P/A, Sarkhej Bavla Highway, Village Moraiya, Taluka Sanand, Ahmedabad, Gujarat, 382213, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học. * Dược chất sinh học: Filgrastim.	EU-GMP	NL/H 16/1008740 A	26/03/2017	14/04/2019	Healthcare Inspectorate, Netherlands		2
48	Bioton S.A.	Macierzysz, ul. Poznańska 12, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: chế phẩm công nghệ sinh học	EU GMP	GIF-IW-400/0026_0 1_02/04/36 3/16	16/12/2016	12/10/2018	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
49	Tulip Lab Pvt. Ltd.	F-20/21, Ranjangaon MIDC, Tal. Shirur, Dist-Pune, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén (AZO 100 DT); viên nén bao phim (AZO; Levox-750; Levox-500; Tugyna-500).	PIC/S GMP	060/2016/S AUMP/GMP	29/09/2016	26/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
50	Haupt Pharma Munster GmbH	Haupt Pharma Munster GmbH Schleebruggenkamp 15, 48159 Munster, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén và viên nén bao (bao gồm các chất độc tố tế bào đối kháng hormon và ức chế sinh tổng hợp hormon)	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0008	14/03/2017	08/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
51	Hetero Drugs Limited	Unit-III, TSIC-Formulation SEZ, Sy. No. 458 (Part), Polepally (Village), Jadcherla (Mandal), Mahaboobnagar (District) 509 301, Telangana, India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. Sản phẩm: + Derise 25, solution for injection 25mcg/0,42ml (Darbepoetin alfa). + Derise 40, solution for injection 25mcg/0,42ml (Darbepoetin alfa).	PIC/S GMP	050/2016/S AUMP/GMP	15/07/2016	28/05/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
53	Actavis Italy S.P.A.	Via Pasteur, 10-20014 Nerviano (MI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào; hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục). * Thuốc sinh học: Protein tái tổ hợp dạng đông khô.	EU-GMP	IT/286-1/H/2016	21/11/2016	18/12/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
54	Abiogen Pharma S.P.A.	Via Meucci, 36 (LOC. Ospedaletto) (loc. Ospedaletto) - 56121 Pisa (PI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén; dạng bào chế bán rắn (chứa hormone sinh dục). * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch: Bacterial lysate dạng viên nang cứng.	EU-GMP	IT/311-1/H/2016	16/12/2016	23/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
57	PT. Abbott Indonesia	Jl. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia. (* Cách ghi cũ: Jl. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Cimanggis, Depok 16415, Indonesia)	+ Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh β -Lactam. + Thuốc bột pha dung dịch-hỗn dịch uống không chứa kháng sinh β -Lactam.	PIC/S GMP	4423/CPOB/A/V/15 4424/CPOB/A/V/15	21/05/2015	31/05/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
59	Medochemie Ltd (Factory AZ)	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, Agios Athanassios, Limassol, 4101, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	MED05/2016/01	07/12/2016	29/09/2019	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
60	PHARMATIS	Zone d'Activités Est n° 1, ESTREES SAINT DENIS, 60190, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	HPF/FR/102/2017	13/04/2017	27/01/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
62	Baxalta US Inc.	25212, W. Illinois Route 120, Round Lake, IL 60073, USA	* Sản phẩm Albumin (Human), USP, 20% Solution, Flexbumin 20%.	US-GMP	ZE8V-4GAY WHO	17/08/2016	16/08/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
65	SANTA FARMA İLAÇ SANAYİİ ANONİM ŞİRKETİ	GEBKİM Kimya İhtisas Organize Sanayi Bölgesi, Çerkeşli Yolu Üzeri, Erol Kiresepi Cad. No:8, Dilovası Kocaeli, 41455, Turkey	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Thuốc sirô; thuốc xit; nước súc miệng; thuốc nhỏ mũi; thuốc nhỏ tai; thuốc xit mũi; + Thuốc cốm; thuốc pellet; thuốc bột pha dung dịch-hỗn dịch uống; thuốc cốm pha dung dịch-hỗn dịch uống; + Thuốc mỡ; thuốc kem; gel; lotion; + Viên nén.	EU-GMP	UP/I-530-10/16-03/06; 381-10-05/244-16-13	11/11/2016	09/09/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia		2
66	Biocon Limited	Parenteral Manufacturing Unit B1, Special Economic Zone, Plot No. 204, Phase IV, Bommasandra - Jigani Link Road, Bangalore, India	* Thuốc sinh học: + Insulin người tái tổ hợp; + Thuốc độc tế bào dạng đông khô.	PICS GMP	B _{7.1} MCC81 Point 10.2	17/01/2017	17/01/2020	South African Medicines Control Council (MCC)		2
68	Kaysersberg Pharmaceuticals	23 avenue Georges Ferrenbach, Kaysersberg, 68240, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	HPF/FR/180/2016	10/08/2016	19/02/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
69	PT. Merck Tbk	JL. TB. Simatupang No. 8 Pasar Rebo, Jakarta Timur 13760, Indonesia (<i>hoặc JL. TB. Simatupang No. 8 Pasar Rebo, Jakarta 13760, Indonesia</i>)	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục, thuốc chứa chất kim tế bào: viên nén và viên bao.	PIC/s-GMP	4832/CPOB/A/XII/16	16/12/2016	23/12/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
72	HBM Pharma s.r.o	Sklabinska 30, 036 80 Martin, Slovak Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nén.	EU-GMP	SK/008V/2017	21/03/2017	17/02/2019	State Institute for Drug Control (SIDC), Slovakia	1	
73	Haupt Pharma Amareg GmbH	Haupt Pharma Amareg GmbH Donaustaufer Strasse 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh, chất độc tế bào/chất kim tế bào, hormon và các chất có hoạt tính hormon, chất miễn dịch): Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0024	14/02/2017	12/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
74	Sandoz Private Limited	MIDC, Plot No. 8-A/2, 8-B, T.T.C. Ind. Area, Kalwe Block, 400708 Navi Mumbai, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	INS-481703-0012-008	23/02/2017	10/01/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care		2
75	Celogen Generics Private Ltd	Plot No. 646/1&2, Agrawal Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman (UT) 396210, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	MT/010HM/2016	05/04/2016		Medicines Authority of Malta (MAM)		2
76	Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA (* Tên tiếng Ba Lan: Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy GALENA)	ul. Krucza 62, 50-984 Wroclaw, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU-GMP	GIF-IW-400/0047_01_01/04/337/16	02/12/2016	06/10/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
77	Schnell Biopharmaceuticals, INC	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Viên nén; viên nang; thuốc kem; thuốc mỡ, thuốc gel.	PIC/S-GMP	2017-D1-0318	06/02/2017	15/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
78	Pfizer Biotech Corporation, Hsinchu Plant	No.290-1, Chung Lun Village, Hsinfeng, Hsinchu, 30442, Taiwan (R.O.C)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, viên nang cứng.	PIC/S GMP	3257	14/09/2016	26/11/2018	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
80	Ipsen Pharma Biotech	Parc d'Activites du Plateau de Signes Chemin departemental No. 402, Signes, 83870, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon): Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối (chứa hormon): Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn.	EU-GMP	HPF/FR/195/2016	24/08/2016	22/04/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
83	Valpharma International SPA (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italy	Sản phẩm: + viên nén kháng dịch vị dạ dày Esomeprazole 20mg, 40mg Gastro-Resistant Tablets Tên tại Việt Nam: Goldesome 20mg, 40mg Gastro-Resistant Tablets (Esomeprazole magnesium dihydrate 21,69mg; 43,38mg);	EU-GMP	IT/318-5/H/2016	27/12/2016	05/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Lamp San Prospero SPA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy	+ viên nén giải phóng có kiểm soát Golddicron (30mg Gliclazide).	EU-GMP	IT/168-3/H/2016	15/07/2016		Italian Medicines Agency (AIFA)		
85	Upsa Sas	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc cốt; thuốc bột; thuốc bột sỏi bột; viên nén.	EU GMP	HPF/FR/293/2015	17/02/2016	11/09/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
87	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Systane Lubricant Eye drops, Liquid, Sterile (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%)	U.S. cGMP	U89Z-6ZU2	02/02/2017	01/02/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
90	USV Private Limited	H-13, H-16, H16A, H-17, H-18, H-19, H-20, H-21 và E-22, OI DC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4167 2-0004	22/03/2017	24/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
93	Hetero Labs Limited - Unit V and Unit V-A	TSIIC Formulation SEZ, S.Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Telangana State, 509301, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, thuốc bột gói	EU GMP	FI006/001/2 016	20/07/2016	04/02/2019	National Authority of Medicines and Health Products, I.P, Portugal		2
Đợt 51 (theo Công văn số 12957/QLD-CL ngày 25/08/2017 của Cục Quản lý Dược)										
1	IDT Biologika GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; vắc xin.	EU-GMP	DE_ST_01_G MP_2016_0 025	24/08/2016	06/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
2	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Hameln Pharmaceuticals GmbH Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (Vắc xin vi rút hoặc vi khuẩn bất hoạt).	EU-GMP	DE_NI_02_G MP_2017_0 004	09/03/2017	12/10/2019	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
3	Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd	18 Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion; thuốc kem; thuốc mỡ.	PIC/S-GMP	2016-D1- 3771	30/12/2016	03/10/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea		2
5	IDT Biologika GmbH (Cơ sở sản xuất)	Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany	* Sản phẩm: Binocrit (Epoetin alfa, nồng độ: 1000IU/0,5ml; 2000IU/ml; 4000IU/0,4ml; 10000 IU/1ml.	EU GMP	DE_ST_01_G MP_2016_0 025	24/08/2016	/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Sandoz GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Biochemiestrasse 10, Kundl, 6250, Áo		EU-GMP	INS-481922-0067-001	30/09/2016	06/11	Austrian Federal Office for Safety in Health Care		
10	Hana Pharmaceutical Co., Ltd.	13-39, Jeyakdanji-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng; * Thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/s-GMP	2017-D1-1360	16/05/2017	27/04/2020	Gyeongin Regional Commissioner Food&Drug Administration, Korea		2
11	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở sản xuất)	124 Grenzacherstrasse, CH-4070 Basel, Switzerland	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tarceva (Erlotinib 150mg); Viên nén bao phim Tarceva (Erlotinib 100mg);	EU-GMP	16-2109	16/12/2016	10/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S GMP	17-0015	03/04/2017				
13	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strasse 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Mabthera (Rituximab 100mg/10ml); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Mabthera (Rituximab 500mg/50ml); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Perjeta (Pertuzumab 420 mg/14ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2015_0131	05/11/2015	05/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd (Cơ sở sản xuất)	16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Actemra 80mg (Tocilizumab 80mg/4mL), Hộp 1 lọ 4 mL; + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Actemra 200mg (Tocilizumab 200mg/10mL), Hộp 1 lọ 10 mL.	Japan-GMP	321; 322	19/04/2017	26/01/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Betriebsstandort Kaiseraugst, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
18	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	EU-GMP	BG/GMP/2017/097	29/05/2017	23/03/2020	Bulgarian Drug Agency	1	
20	IND-SWIFT LIMITED	OFF NH-21 Village Jawaharpur Tehsil Dera Bassi District S.A.S Nagar (Mohali) Punjab, IN 140507, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 31450 Inps GMP 31450/3603 11-0007	05/03/2016	01/11/2019	United Kingdom's Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA)		2
21	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH (Cơ sở sản xuất)	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH Herderstr. 2 83512 Wasserburg am Inn, Germany	* Sản phẩm: Bột pha tiêm Somatostatin Lyomark 3mg (Somatostatin 3mg). Tên tại Việt Nam: Bột pha dung dịch tiêm tĩnh mạch Nitatsoma.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0107	12/09/2016	04/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Lyomark Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Lyomark Pharma GmbH Keltenring 17 82041 Oberhaching Germany		EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0078	17/06/2016				
23	Genzyme Limited	37 Hollands Road, Haverhill, CB9 8PU, United Kingdom (hoặc 37 Hollands Road, Haverhill, Suffolk, CB9 8PU, United Kingdom)	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột đông khô pha tiêm; * Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nén; * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc điều trị tế bào; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người/động vật.	EU-GMP	UK MIA 8596 Insp GMP/GDP 8596/18052-0025	02/12/2015	25/08/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Bahnhofstrasse, genaess den vorliegenden Grundrissplaenen vom 17.07.2013, Abtsgmuend-Untergroeningen, 73453, Germany	* Thuốc vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả chế phẩm nhỏ mắt); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả chế phẩm nhỏ mắt); * Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Albumin; thuốc công nghệ sinh học (bao gồm cả protein/DNA tái tổ hợp, enzyme); * Thuốc dược liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0143	06/12/2016	20/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
25	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG (Cơ sở sản xuất)	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG Lohmanstr. 2 56626 Andernach Germany	* Sản phẩm: Miếng dán giải phóng qua da Evra (Norelgestromin 6mg, Ethinyl estradiol 600mcg)	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0024	27/04/2016	12/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/007	28/04/2017		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
26	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd (Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1)	6-21, Sogawa 1-chome, Toyama-shi, Toyama, Japan (205-1, Shimoumezama Namerikawa-shi, Toyama, Japan)	* Sản phẩm: + Viên nang cứng NIKP-Fosfomycin Capsules 250 mg (Fosfomycin Calcium Hydrate 250mg); + Viên nang cứng NIKP-Fosfomycin Capsules 500 mg (Fosfomycin Calcium Hydrate 500mg);	Japan-GMP	167	10/04/2017	10/04/2019	Japan Ministry of Health, Labour and Welfare	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Laboratorios Normon, S.A	Ronda de Valdecarrizo, 6, Tres Cantos 28760 (Madrid) Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc cấy ghép và thuốc dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β -Lactam, thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β -Lactam); Viên nén, viên bao kháng virus.	EU-GMP	ES/076HVI/17	07/06/2017	22/05/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
28	Janssen Cilag	Domaine de Maigremont, 27100 Val-de-Reuil, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả nhũ tương bôi ngoài da); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén.	EU GMP	HPF/FR/204/2016	21/09/2016	26/05/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
30	Haupt Pharma Amareg GmbH	Donaustauer Straße 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh, chất độc tế bào/chất kìm tế bào, hormon và các chất có hoạt tính hormon, chất miễn dịch): Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0024	14/02/2017	12/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
31	Glenmark Generics S.A.	Calle 9, N° 593, Industrial Park Pilar - Province of Buenos Aires - Argentine Republic	* Thuốc vô trùng chứa hoạt chất kìm tế bào: Thuốc tiêm dung dịch (bao gồm cả dung dịch thể tích lớn); thuốc đông khô.	PIC/S GMP	2017/133-INAME 14	01/03/2017	01/03/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
32	Ferring GmbH	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon): Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; vi nang. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học: Thuốc đông khô sản xuất vô trùng có nguồn gốc từ người; thuốc đông khô sản xuất vô trùng sử dụng công nghệ gen.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
33	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Sản phẩm: + Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch Glypressin (Terlipressin 0,86mg dưới dạng Terlipressin acetate 1mg) + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Duratocin (carbetocin 100mcg/1ml); + Bột pha tiêm Menogon (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột pha tiêm Menopur (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 600IU (Menotrophin tinh khiết cao 600IU/ml); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 1200IU (Menotrophin tinh khiết cao 1200IU/2ml); + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Tractocile (Atosiban acetate, 7,5mg/ml atosiban)	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
34	UNITHER LIQUID MANUFACTURING Cách ghi khác: UNITHER LIQUID MANUFACTURING - COLOMIERS	1-3 Allée de la Neste, ZI d'En Sigal, COLOMIERS, 31770, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc đặt (bao gồm cả thuốc trứng); thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: Các sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	HPF/FR/262/2016	09/11/2016	20/05/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
35	SOPHARTEX	21 rue du Pressoir, VERNOUILLET, 28500, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh β -Lactam); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh β -Lactam); viên bao đường.	EU-GMP	HPF/FR/115/2017	27/04/2017	10/11/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
37	Hanmi Pharmaceutical Co., Ltd.	214, Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc hít (dạng rắn); viên nén tan trong miệng; viên nén nhai. * Dung dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2017-D1-0659	03/03/2017	22/01/2020	Korean Ministry of Food and Drug Safety - Gyeongin Regional Office		2
38	BARD PHARMACEUTICALS LIMITED	UNIT 191, CAMBRIDGE SCIENCE PARK, MILTON ROAD, CAMBRIDGE, CB4 0GW, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; cốm pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UK MIA 1811 Insp GMP/IMP 1811/21989-0031	19/02/2017	08/11/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
39	LABORATORIOS LICONSA, S.A.	Avda. Miralcampo, 7, Pol. Ind. Miralcampo, Azuqueca de Henares, 19200 Guadalajara, Spain	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần, chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); + Viên nang mềm; dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần, chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); + Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần); viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/095HVI/16	05/07/2016	26/04/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
40	GlaxoSmithKline Dungarvan Limited	Knockbrack, Dungarvan, Co. Waterford, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; miếng dán qua da; thuốc cốm.	EU GMP	11518/M477	27/05/2016	20/11/2018	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
41	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. Formulation FTO-7	Block A and B, Plot No. P1 to P9, Phase III, Duvvada, VSZE, Visakhapatnam, Andhra Pradesh 530046, India	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nang mềm chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; viên nén. * Phạm vi chứng nhận giới hạn đối với các sản phẩm sau: + Viên nén bao phim Capecitabin beta 500 mg; + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Docetaxel beta 20 mg/1 ml, 80 mg/4 ml, 160 mg/8 ml; + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Bendamustin HCl beta 180 mg/4 ml; + Bột pha dịch truyền Pemetrexed beta 100 mg, 500 mg; + Bột pha tiêm Bortezomib beta 1 mg; + Bột pha tiêm Bortezomib beta 3, 5 mg (trometamol/citrate); + Bột pha tiêm Bortezomib betapharm 3, 5 mg (mannitol); + Viên nén Rasagilin beta 1 mg; + Viên nang cứng Imatinib beta 50 mg, 100 mg, 400 mg;	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0064	21/07/2016	10/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern)		2
42	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô Cernevit.	EU -GMP	HPF/FR/070/2017	24/03/2017	29/08/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Baxter SA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô)	Boulevard Rene Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2015/118	23/02/2016		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
43	Valpharma S.p.A. (Cơ sở sản xuất)	Via Ranco, 112 (loc. Serravalle), Serravalle, 47899, San Marino, Italy	* Sản phẩm: Viên nén phóng thích kéo dài Macorel 30mg (Nifedipine 30mg).	EU GMP	IT/196-1/H/2016	25/08/2016	01/04/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Elpen Pharmaceutical Co., Inc. (Cơ sở đóng gói)	Marathonos Ave. 95, Pikermi Attiki, 19009, Greece			46404/4-7-2016	18/07/2016		National Organization for Medicines (EOF), Greece		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
45	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	60th km N.N.R. Athinon-Lamias, Sximatari Voiotias, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU GMP	39675/ 27-4-2017	16/05/2017	16/03/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
46	LABORATORIO ALDO-UNIÓN SL	Baronessa de Maldà, 73, 08950 Esplugues de Llobregat (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc phun mù (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	NCF/1707/001/CAT	23/03/2017	22/12/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
48	FERRING CONTROLLED THERAPEUTICS LIMITED	1 REDWOOD PLACE, PEEL PARK CAMPUS, EAST KILBRIDE, GLASGOW, G74 5PB, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: hệ phân phối thuốc đặt âm đạo.	EU GMP	UK MIA 8731 Insp GMP 8731/18177-0016	04/04/2016	09/03/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
49	Frosst Iberica, S.A.	Via Complutense, 140, Alcala de Henares 28805 (Madrid) - Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/044HVI/17	05/04/2017	27/02/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
50	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Neoamiyu	Japan GMP	4136	12/12/2016	06/12/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
51	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P.) 173 205, India	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (Ascoril Expectorant, Fenspiride 2mg/ml) ; viên nén (Ascoril, Glemont CT4, Glemont CT5, Candid-V6 100mg); viên nén bao phim (Glevo 250mg, Glevo 500mg, Glencet Advance, Croffestra, Lizolid-600, Fenspiride 80mg).	EU-GMP	095/2016/S AUMP/GMP	26/01/2017	09/12/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
52	Fidia Farmaceutici S.P.A	Via Ponte Della Fabbrica 3/A-35031 Abano Terme (PD) Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chiết xuất từ động vật); thuốc xít. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chiết xuất từ động vật); thuốc dạng rắn và thuốc cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc khung thấm; viên nén; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Chế phẩm miễn dịch (vắc xin virus sống); Sản phẩm nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/43-2/H/2017	28/03/2017	25/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
55	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co.Kg (Cơ sở sản xuất)	Eisenbahnstr. 2-4 88085 Langenargen, Germany	* Sản phẩm: dung dịch tiêm Bonviva 3mg/3ml (Ibandronic acid 3mg)	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0077	01/07/2016	30/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở đóng gói + xuất xưởng)	Sandhofer Straße 116, 68305 Mannheim, Germany		EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0119	04/11/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		
56	C.B. Fleet Company, Incorporated	Lynchburg, VA 24502, USA	* Sản phẩm: Dung dịch thực tràng Fleet Enema (dibasic sodium phosphate 7gm/118ml, monobasic sodium phosphate 19gm/118ml)	US cGMP	4ZTE-ACY7	24/05/2017	23/05/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
58	KRKA, d.d., Novo mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	401-15/2016-6	17/03/2017	30/09/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
59	Ipca Laboratories Limited	Plot No. 255/1, Village Athal, Union Territory of Dadra and Nagar Haveli, 396230 Silvassa, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng chậm, viên nén kháng dịch vị, caplet.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0044	22/03/2017	22/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
60	PT. Merck Tbk	JL. TB Simatupang No. 8 Pasar Rebo Jakarta Timur 13760, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục, thuốc chứa chất kim tế bào: Viên nang cứng.	PIC/s-GMP	4833/CPOB/A/XII/16	16/12/2016	23/12/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
62	Capsugel Ploermel (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	ZI de Camagnon, 56800 Ploermel, France	* Sản phẩm: + Thuốc viên nang mềm Utrogestan 200 mg (Progesterone dạng hạt mịn 200 mg), Tên Việt Nam: Progesterone (dạng hạt mịn) 200 mg; + Thuốc viên nang mềm Utrogestan 100 mg (Progesterone dạng hạt mịn 100 mg), Tên Việt Nam: Progesterone (dạng hạt mịn) 100 mg".	EU-GMP	HPF/FR/029/2017	07/02/2017	05/02/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Besins Manufacturing Belgium SA (Cơ sở đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng)	Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium		EU-GMP	BE/GMP/2016/014	12/10/2016		Federal Agency for Medicines and Health Product of Belgium		
64	Novo Nordisk Production SAS	45 Avenue d'Orléans, 28000 Chartres, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU-GMP	HPF/FR/074/2017	24/03/2017	09/12/2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
66	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Industriestrasse 35 66129 Saarbrücken, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, Prostaglandins/ Cytokines). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; dung dịch dùng ngoài; dung dịch uống; các dạng thuốc bán rắn; viên nén; cốm. * Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_SL_01_GMP_2016_0002	17/03/2016	17/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
69	PT. Abbott Indonesia	Jl. Raya Jakatar - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat	* Viên nén, viên bao không betalactam (không bao gồm thuốc tránh thai, hóc môn sinh dục khác, thuốc kim tế bào)	PIC/S GMP	4422/CPOB/A/V/15	21/5/2015	31/5/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
70	Mylan Laboratories Limited - Sterile products division	Opp IIM Bilekahalli Bannerghatta road Bangalore In-560076, India	* Thuốc vô trùng: thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ, bơm tiêm đóng sẵn. * Thuốc tiết trung cuối: dung dịch thể tích nhỏ, bơm tiêm đóng sẵn	EU-GMP	UK GMP 20807 Insp GMP 20807/3457 482-0004	19/5/2015	01/12/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
71	Patheon Italia S.P.A.	Viale G.B. Stucchi, 110 - 20900 Monza (MB), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm sản phẩm công nghệ sinh học). + Thuốc tiết trung cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm; viên nén (hóc môn và các chất có hoạt tính hóc môn, không corticosteroid và hóc môn giới tính). * Thuốc công nghệ sinh học: protetins tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng.	EU-GMP	IT/73-10/H/2017	02/05/2017	15/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
74	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina 27834, USA	* Thuốc IV Busulfex (busulfan), 6mg/ml, Injection	FDA cGMP	7GDF-KR3Z	17/01/2017	16/01/2019	United States Food and Drug Administration	1	
Đợt 52 (theo Công văn số 16256/QLD-CL ngày 12/10/2017 của Cục Quản lý Dược)										
1	Novartis (Bangladesh) Limited, Tongi Plant	Cherag Ali Market, 1711 Gazipur, Tongi, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU GMP	INS-481862-0006-010	10/09/2016	30/09/2018	Federal Office for Safety in Health Care, Austria		2
2	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc hít; thuốc phun mù (thuốc khí dung); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào),	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0050	17/08/2016	25/05/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	GlaxoSmithKline manufacturing S.P.A	Via A. Fleming, 2 - 37135 Verona (VR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	IT/45-1/H/2017	28/03/2017	16/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
5	Alfa Intes Industria Terapeutica Splendore S.R.L	Via Fratelli Bandiera, 26-80026 Casoria (NA), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (hormon corticosteroid); thuốc bột. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	IT/145-3/H/2016	20/06/2016	29/01/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
6	DMS Farmaceutici S.P.A	Via Provinciale Per Lecco, 78-22038 Tavernerio (CO), Italy	Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc đạn	EU GMP	IT/90-1/H/2017	19/05/2017	08/02/2020	AIFA Italian Medicines Agency	1	
7	Chanelle Medical	Dublin Road, Loughrea, Co. Galway, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm	EU-GMP	14510/M688	03/05/2017	16/12/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
8	Bipso GmbH (Cơ sở sản xuất)	Robert-Gerwig-Strasse 4, 78224 Singen, Germany	* Sản phẩm: Venofer 20mg/ml solution for injection	PIC/S GMP	15008019	16/12/2015	27/10/2018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	Vifor (International) Inc (Cơ sở xuất xưởng)	Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland								
11	Probiotec Pharma Pty Limited	83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (gel, thuốc mỡ); viên nang cứng, viên nén, thuốc bột; thuốc cốm; viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	MI-2016-LI-09294-1	17/08/2017	01/09/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
12	Saga Laboratories Ltd	Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta Sannand District, Ahmedabad - 382210, Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm pha hỗn dịch uống, viên nén (Thuốc được sản xuất tại Block 1 địa chỉ trên)	EU GMP	MT/004HM/2017	27/01/2017	21/09/2019	Medicines Authority of Malta (MAM)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	RECIPHARM FONTAINE	Rue des Près Potets 21121 Fontaine Les Dijon, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/151/2017	06/06/2017	31/07/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
19	Gracure Pharmaceutical Ltd.	E-1105, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar District, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; sirô uống; hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén; bột pha hỗn dịch uống; viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/1827 1-6/2017	27/07/2017	02/06/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
20	Egis Pharmaceuticals Plc.	Bökényföldi út 118-120., Budapest, 1165, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	OGYÉI/9138-8/2016	03/08/2016	25/03/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
21	Catalent France Beinheim SA	74 rue Principale, Beinheim, 67930, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU GMP	HPF/FR/128/2017	11/05/2017	15/12/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
22	Meditop Gyogyszeripari Kft. / Meditop Pharmaceutical Ltd.	Ady Endre u. 1., Pilisborosjenő, 2097, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/2768 1-7/2017	27/06/2017	10/05/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
23	Fu Yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 95-1, Daliao Rd., Ruifang Dist., New Taipei City 224, Taiwan (R.O.C)	* Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; thuốc kem; thuốc mỡ; viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nén; viên nang.	PIC/S-GMP	3702	23/05/2017	27/12/2019	Taiwan Ministry of Health and Welfare		2
24	GE Healthcare Ireland	IDA Business Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	13650/M23 5	09/02/2017	19/08/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	Bipso GmbH	Robert-Gerwig-Str. 4, 78224 Singen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1007	31/05/2017	27/10/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
26	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Grenzacherstrasse 124, 4070 Basel, Switzerland	* Dạng bào chế lỏng: Dung dịch tiêm; Bơm tiêm đóng sẵn.	PIC/S GMP	16-2110	30/01/2017	16/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
27	DHP Korea Co.,Ltd	50 Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chucheongbuk-do, Republic of Korea	Dung dịch nhỏ mắt	PIC/S GMP	2017-G1-0475	21/02/2017	12/02/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
29	Hanmi Pharm. Co., Ltd.	214, Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng, viên nang mềm; thuốc bột, thuốc hít (dạng cứng), viên nén tan trong miệng, viên nén nhai, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	2017-D1-0659	03/03/2017	22/01/2020	Korean Food and Drug Safety - Gyeongin Regional Office		2
31	Aeropharm GmbH	Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany (* Cách ghi khác: Francois-Mitterrand-Allee 1, D-07407 Rudolstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: thuốc phun mù; thuốc bột hít(bao gồm thuốc đã lắp thiết bị).	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2017_0018	20/01/2017	03/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
32	EBEWE Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG	Mondseestraße (hoặc Mondseestrasse) 11, 4866 (hoặc AT-4866) Unterach am Attersee, Austria	* Thuốc vô trùng (thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc vô trùng chứa Calcium Folate.	EU GMP	INS-480020-0098-001 (10/10)	30/01/2017	21/11/2019	Federal Office for Safety in Health Care (Bundesamt für Sicherheit im Gesundheitswesen), Austria	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Cenexi - Fontenay Sous Bois	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay sous Bois, 94120, France	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa sulfonamides). *Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa sulfonamides); thuốc đặt; viên nén (chứa sulfonamides).	EU-GMP	HPF/FR/168 /2017	26/07/2017	23/03/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
34	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC, NC 27834, USA	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. *Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng ; viên nén; thuốc cốm.	EU GMP	NL/H 15/1005102 A	10/12/2016	06/11/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
35	Adare Pharmaceuticals SAS - Houdan	Route de Bû, La Prévôté, Houdan, 78550, France	*Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc bột; * Thuốc sinh học: thuốc sản xuất từ công nghệ lên men (không chứa vi sinh vật sống); Sản phẩm: Lacteol 340mg (Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbruekii 10 tỷ)	EU GMP	HPF/FR/160 /2016	11/07/2016	24/03/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
36	Acme generics LLP	Plot No.115, Industrial Area, Davni, Tehsil Nalagarh, Dist Solan, Himachal Pradesh, 174101, India	*Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén (bao gồm thuốc có chứa hoạt chất có hoạt tính hormone)	EU GMP	OGYÉI/1235 1-6/2016	07/12/2016	24/09/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
37	B.Braun Melsungen AG	Mistelweg 2, 12357 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0027	21/06/2016	10/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
38	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Bayan Lepas Free Industrial Zone, 11900 Bayan Lepas, Penang, Malaysia	*Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, Dung dịch thể tích lớn; *Thuốc không vô trùng: dung dịch thẩm phân máu.	PIC/S-GMP	486/16	21/10/2016	21/04/2019	National Pharmaceutical Control Bureau - Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Verovškova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia (* Cách ghi khác: Verovškova 57, SI-1526 Ljubljana, Slovenia).	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (Prostaglandin/ Cytokines; chất độc tế bào/chất kim tế bào: trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib; chất ức chế miễn dịch); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, chất độc tế bào/ chất kim tế bào: trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon), . * Thuốc sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học. * Sản phẩm: dung dịch thuốc tiêm Voltaren 75mg/3ml	EU GMP	450-16/2017-11	20/04/2017	09/06/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
40	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Rijksweg 12, Puurs, 2870, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc Prostaglandine); dạng bào chế bán rắn (chứa Prostaglandin); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa Hormon hoặc Prostaglandin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm sinh học: + Chế phẩm miễn dịch + Chế phẩm công nghệ sinh học + Chế phẩm tách chiết từ người, động vật	EU-GMP	BE/GMP/2017/001	18/04/2017	26/01/2020	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
41	S.C. Antibiotice S.A.	Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (kháng sinh nhóm Penicillins; nhóm Cephalosporin; các kháng sinh khác); viên nén bao phim; dạng bào chế bán rắn; viên đạn; viên nén.	EU-GMP	040/2017/RO	11/08/2017	27/04/2020	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
42	FARMAK JSC	Frunze Street 74, Kiev, 04080, Ukraine	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả sản phẩm chứa hormone): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc dùng ngoài	EU-GMP	UP/I-530-10/15-03/04	30/12/2015	13/11/2018	Agency for Medicinal Product and Medical Devices, Croatia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Bio Products Laboratory Limited	Dagger Lane, Elstree, Borehamwood, WD6 3BX, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: các sản phẩm từ máu	EU-GMP	UK MIA 8801 Insp GMP/GDP/IMP 8801/18235-0025	31/10/2016	08/08/2019	United Kingdom's Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA)	1	
45	Kedrion S.P.A	S.S.7 Bis Km. 19,5 - 80029 Sant' Antimo (NA), Italy	* Thuốc vô trùng là các chế phẩm từ máu: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Các sản phẩm máu	EU-GMP	IT/92-5/H/2017	19/05/2017	15/07/2019	AIFA Italian Medicine Agency	1	
46	Facta Farmaceutici S.P.A.	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. NICOLO' A TORDINO) - 64100 Teramo (TE), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, penem.	EU-GMP	IT/193-2/H/2016	12/08/2016	19/01/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	
47	Leo Pharma A/S	Industriparken 55, Ballerup, 2750, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; acid fusidic vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; chế phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DK H 00088017	23/06/2017	05/04/2020	Danish Medicines Agency, Denmark	1	
52	R-Pharm Germany GmbH	Heinrich-Mack-Str. 35, 89257 Illertissen, Germany	Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2017_0016	21/02/2017	09/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern)	1	
53	BCWORLD PHARM CO., LTD	872-23, Yeojunam-ro, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén, viên nang cứng. * Thuốc tiêm bột; Dung dịch thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô;	PIC/s-GMP	2017-D1-0357	07/02/2017	09/01/2020	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
55	Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited	Plot No. 14, 2nd Phase, Peenya Industrial Area, Bangalore, 560058 Karnataka, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh nhóm Penicillin, Cephalosporin); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S-GMP	263b/17	13/07/2017	18/11/2019	Malaysia National Pharmaceutical Control Bureau		2
56	Xepa-Soul Pattinson (M) Sdn Bhd	Lot 1-5, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt, thuốc nhỏ tai * Thuốc không vô trùng: - Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nén, viên nang cứng, thuốc bột. - Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nang cứng, thuốc bột. - Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -lactam: viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; dung dịch thuốc dùng ngoài; thuốc bán rắn, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S	107/17	16/03/2017	16/06/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia		2
57	Sanofi Pasteur-Marcy L'etoile	1541 Avenue Marcel Merieux, Marcy L'Etoile, 69280 France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Các chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU -GMP	HPF/FR/188 /2016	01/12/2016	28/04/2019	French National Drug and Health Products Safety Agency (ANSM)	1	
59	Venus Remedies, Limited	Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ, thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; Carbapenem). + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất kim tế bào).	EU-GMP	FI042/MH/0 01/2017	28/07/2017	26/05/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
62	Takeda Austria GmbH	St. Peter-Strabe 25, 4020 Linz, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	INS-480050-0100-001 (2/3)	20/02/2017	29/09/2018	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
63	Novartis Saglik, Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic. A.S.	Yenisehir Mahallesi Ihlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; - Viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên bao tan trong ruột; viên giải phóng kéo dài; viên nén phân tán.	EU-GMP	UK GMP 21635 Insp GMP 30937/3404 21-0006	12/06/2017	25/01/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
64	Novartis Pharma Produktions GmbH	Novartis Pharma Produktions GmbH Öflinger Str. (hoặc Ofllingerstrasse) 44, 79664 Wehr, Germany.	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên bao phim.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_0022	03/03/2017	12/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
65	Salutas Pharma GmbH	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất ức chế miễn dịch); viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất kim tế bào, chất ức chế miễn dịch và chất có hoạt tính nhạy cảm cao khác).	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017	03/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
66	IDT Biologika GmbH (Cơ sở sản xuất)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Rosslau, Germany	* Sản phẩm: - Zarzio solution for injection or infusion (Filgrastim 0,30 mg/ 0,5 ml; Filgrastim 0,48 mg/ 0,5 ml); Tên lưu hành tại Việt Nam: Dung dịch tiêm Zarzio (Filgrastim 0,30 mg/ 0,5 ml; Filgrastim 0,48 mg/ 0,5 ml).	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0025	24/08/2016	06/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Sandoz GmbH - BP Schafftenau (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Biochemiestrasse 10, 6336 Langkampfen, Austria		EU-GMP	INS-481925-0058-001	27/06/2017		Austrian Federal Office for Safety in Health Care		
	Sandoz GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Biochemiestrasse 10 6250 Kundl, Austria		EU GMP	INS-481922-0067-001	30/09/2016		Austrian Federal Office for Safety in Health Care		
67	Vetter Pharma-Fertigung GmbH&Co. KG	Eisenbahnstr. 2-4, 88085 Langenargen, Germany. (Cách ghi khác: Eisenbahnstrasse 2-4, 88085 Langenargen, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu (sản phẩm dẫn chất từ huyết tương); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016-0077	01/07/2016	30/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Systane Ophthalmic solution (Propylene glycol 0,3%, Polyethylene glycol 400 0,4%).	U.S. cGMP	QWM-77MU	01/08/2017	31/07/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
			* Sản phẩm: Azopt (brinzolamide 1%) ophthalmic suspension.		WEF2-MDYQ	02/08/2017	01/08/2019			
			* Sản phẩm: Pataday (Olopatadine 0,2%) ophthalmic solution 2,5 mL.		M9J7-EREJ	14/07/2017	13/07/2019			
			* Sản phẩm: Vigamox (Moxifloxacin 0,5%) ophthalmic solution.		2ZX7-646R	11/07/2017	10/07/2019			
71	Demo Sa Pharmaceutical Industry	21st Km National Road Athens - Lamia, Krioneri Attiki, 14568, Greece (* Cách ghi khác: - 21 st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Greece; - 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Athens, Greece.)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; thuốc rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm beta lactam. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU - GMP	38710/22-5-2017	26/06/2017	12/04/2020	National Organization for Medicines, Greece	1	
Đợt 53 (theo Công văn số 21929/QLD-CL ngày 22/12/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	Hutechs Korea Pharmaceutical Co., Ltd	99, Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2017-D1-1595	13/06/2017	13/07/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
3	Ardeypharm GmbH	Ardeypharm GmbH Loerfeldstr. 20, 58313 Herdecke, Germany	* Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học; thuốc nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc vi sinh vật. * Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1009	12/06/2017	18/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
4	Baxalta Belgium Manufacturing SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	BE/GMP/2015/131	06/04/2016	28/08/2018	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
6	Tai Guk Pharm Co., Ltd	123 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng; hỗn dịch và dung dịch uống; thuốc mỡ; thuốc kem và thuốc Gels.	PIC/S GMP	2016-D1-2769	22/09/2016	13/07/2019	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
7	Abbvie S.R.L	S.R. 148 Pontina Km 52, Snc-Campoverde Di Aprilia (loc. APRILIA) - 04011 APRILIA (LT), Italy	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc hít dạng lỏng; thuốc cốt; viên nén.	EU-GMP	IT/138-2/H/2017	10/07/2017	24/11/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
8	Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant	17-85, Jusohonmachi 2 - chome, Yodogawa-ku, Osaka 532-8686 Japan	* Sản phẩm: - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 3.75 mg (Leuprorelin acetate 3,75 mg) - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 11.25 mg (Leuprorelin acetate 11,25 mg)	Japan - GMP	1631	04/07/2016	17/12/2017	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
	AbbVie Deutschland GmbH & Co. KG (Cơ sở đóng gói)	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany		EU GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0060	07/11/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	AbbVie Logistics B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Zuiderzeelaan 53, ZWOLLE, 8017 JV, Netherlands		EU GMP	NL/H 16/1008041	31/03/2016		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
9	Aju Pharm. Co., Ltd.	23 Sandan-ro 121beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	*Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: thuốc tiêm; viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm; thuốc Sirô; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: thuốc bột pha tiêm; viên nén; viên nang cứng.	PIC/S GMP	2017-D1-2751	22/09/2017	03/08/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
11	Sun Pharmaceuticals Industries Limited	V. Ganguwala. Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh 173025, India	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng: Virostav, capsules 30mg; Effervan, capsules 200mg (Efavirenz); Nupentine, capsules 300mg, 100mg, 400mg (Gabapentin); + Viên nén: Alfirm, modified release tablets 10mg (Alfuzosin); Artinova-AM, film coated tablets 5mg/80mg, 10mg/160mg, 5mg/160mg (Amlodipine, Valsartan); Vergostine, tablets 16mg, 24mg, 8mg (Betahistine); Viro-Z, coated tablets 300mg (Zidovudine); Virocomb, film coated tablets (Lamivudine, Zidovudine); Virolam, film coated tablets 150mg (Lamivudine); Effervan, film coated tablets 600mg (Efavirenz); Candesar, tablets 32mg (Candesartan), Laceran 2,5mg, 10mg, 5mg (Ramipril); Laceran HCT, tablets 5mg/25mg, 2,5mg/12,5mg (Ramipril, Hydrochlorthiazide); Oziclide, modified release tablets 30mg, 60mg (Gliclazide); Pemozar, gastro-resistant tablets 40mg, 20mg (Esomeprazole); Rosvator, coated tablets 10mg, 20mg (Rosuvastatin); Storvas, film coated tablets 80mg, 40mg, 10mg, 20mg (Atorvastatin); Filup, coated tablets 50mg, 100mg (Sildenafil); Cifran, coated tablets 250mg, 500mg (Ciprofloxacin); Cifran OD, extended release, film coated tablets 1000mg, 500mg (Ciprofloxacin).	PIC/S GMP	038/2017/GMP	17/07/2017	08/06/2020	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm beta lactam). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	F010/S1/MH/002/2017	28/07/2017	14/07/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
13	Janssen Cilag Manufacturing LLC	State Road 933 KM 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc: PUERTO RICO 00778), USA	Sản phẩm: CONCERTA® 27MG, Tablet, extended release (methylphenidate HCL) Tên tại Việt Nam: Viên nén phóng thích kéo dài Concerta (Methylphenidate HCL: 27mg).	US-GMP	AXHK-BKXX	11/01/2017	10/01/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Anderson Brecon Inc. (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109 USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng thành phẩm)	State Road 933 KM 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc: Puerto Rico (PR) 00778), USA								
14	Fournier Laboratories Ireland Limited (Cơ sở sản xuất)	Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipidil 145 ONE (Fenofibrate 145mg). Tên tại Việt Nam: Lipanthyl NT 145mg.	EU GMP	13821/M10 20	07/12/2016	31/07/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
	RECIPHARM FONTAINE (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Rue des Près Potets, 21121 Fontaine Lès Dijon, France		EU-GMP	HPF/FR/151/2017	06/06/2017		National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France		
15	EA Pharma Co., Ltd	103-1, Shirasakaushishimizu, Shirakawa-shi, Fukushima, Japan	Sản phẩm: Viên nén ATELEC Tablets 10.	Japan GMP	1206	15/06/2017	03/02/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
16	EA Pharma Co., Ltd.	103-1, Shirasakaushishimizu, Shirakawa-shi, Fukushima, Japan	Sản phẩm: Thuốc cốm AmiYu Granules	Japan GMP	1064	31/05/2017	03/02/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
17	Catalent Germany Schorndorf GmbH	Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany (* Cách ghi khác: Steinbeisstr. 2, D-73614 Schorndorf, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, globuli, pellet, viên bao, viên nén. * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1056	07/09/2017	05/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
18	TS Corporation	TS Bioplant, TS Corporation 729, Osonggarak-ro, Oksan-myeon, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc	* Sinh phẩm: Human Erythropoietin alfa (Recombination)	PIC/S GMP	2017-G1-2146	22/09/2017	01/06/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
19	Daihan pharm. Co., Ltd	77, Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc tiêm: dung dịch tiêm; dung dịch tiêm truyền; dung dịch rửa vết thương. * Dung dịch hít. * Dung dịch dùng ngoài: dung dịch dùng ngoài da; dung dịch thẩm phân máu.	PIC/S GMP	2017-D1-2920	16/10/2017	28/09/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
20	Square Pharmaceuticals Limited	Dhaka Unit, Kaliakoir, Gazipur, BD-1750, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 29943 Insp GMP 29943/3094 03-0005	05/09/2017	17/07/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
21	Korea Pharma Co., Ltd	87 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc kem, viên nén bao đường; viên bao phim.	PIC/S-GMP	2017-D1-1819	30/06/2017	02/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
24	Mega Lifesciences (Australia) Pty Ltd	60 National Avenue PAKENHAM VIC 3810, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (chứa cafein); viên nang cứng (chứa L-arginine, cafein); thuốc cốm (chứa cafein); thuốc bột (chứa macrogol, picosulphate hoặc sodium sulphate, cafein).	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-03740-1	10/04/2017	16/02/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	Hospira Incorporation	Highway 301 North, Rocky Mount, North Carolina, 27801, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc tiêm thể tích nhỏ.	EU GMP	NL/H 16/1008831	17/05/2016	04/05/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
26	Laboratoire Renaudin	Zone Artisanale Errobi, Itxassou, 64250, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	HPF/FR/167 /2017	22/06/2017	05/09/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
28	GlaxoSmithKline Consumer Healthcare Australia Pty Ltd	82 Hughes Avenue Ermington NSW 2115, Australia	* Thuốc không vô trùng không chứa penicillins cephalosporins, chất chống ung thư: Viên nén; viên nén sủi bọt; thuốc dạng lỏng; thuốc đặt; thuốc kem	PIC/S GMP	MI-2017-LI-06123-1	12/07/2017	18/11/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
29	Jai Pharma Limited	Plot No 20 & 21, Pharmez, Pharmaceutical Special Economic Zone (SEZ), Sarkhej-Bavla National Highway No. 8 A, Near Village Matoda, Taluka Sanand, District, Ahmedabad, 382213, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0005	22/02/2016	29/01/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	OLIC (Thailand) Limited	166 Bangpa-In Industrial Estate, Udomsornayuth Road, Moo 16, Bangkrason, Bangpa-In, Ayutthaya, 13160, Thailand (* Cách ghi khác: 166 Moo Bangpa-In Industrial Estate, Udomsornayuth Road, Bangpa-In district, Ayutthaya province, Thailand)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, thuốc mỡ); viên nén. * Thuốc không vô trùng chứa hormon sinh dục: viên nang mềm.	PIC/S GMP	1-2-17-17-00035	07/03/2017	06/03/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
31	Novartis Farmaceutica, SA (Cơ sở sản xuất)	Ronda de Santa Maria, 158 08210 Barbera Del Valles (Barcelona), Spain	Sản phẩm: viên nén bao phim Valsartan 80mg, Valsartan 160mg.	EU-GMP	NCF/1535/01/CAT	18/09/2015	10/09/2018	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
	Salutas Pharma gmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Salutas Pharma GmbH Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2017_020	19/05/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
32	Genentech, INC (Cơ sở sản xuất)	1 DNA Way South San Francisco, CA 94080-4990, USA	Sản phẩm: Bột cô đặc để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 440mg) hộp 1 lọ bột và 1 lọ 20ml dung môi pha tiêm.	U.S.C GMP	KSBF-F8PF	29/09/2016	28/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
34	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở sản xuất)	Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Avastin (bevacizumab 100mg/4ml, 400mg/16ml) . + Bột đông khô pha tiêm Cymevene (Ganciclovir 500mg).	PIC/S-GMP	17-0774	18/04/2017	/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	F.Hoffmann-La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Wurmisweg, CH-4303, Kaiseraugst, Switzerland	+ Bột pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg).	PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017	18/11	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
36	SOCIETE D'ETUDES ET DE RECHERCHES PHARMACEUTIQUES S.A.M. (S.E.R.P.)	5 rue du Gabian, MONACO, 98000, Monaco	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng.	EU GMP	HPF/PT/014/2016	30/12/2016	06/07/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		2
37	OM Pharma SA	rue du Bois-du-Lan 22, 1217 Meyrin, Switzerland	* Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm (bao gồm cả sản phẩm chứa dịch ly giải tế bào vi khuẩn đông khô).	PIC/S-GMP	17-1795	12/09/2017	30/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
38	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH (Cơ sở sản xuất thuốc bột và dung môi)	Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm và ống dung môi Zomacton (Somatropin 4mg).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0107	12/09/2016	08/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center S.A. (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
41	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd. Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizouka-shi, Shizuoka, Japan	Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền Aminic (hỗn hợp Acid amin)	Japan-GMP	1379	16/06/2017	16/06/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
44	Industria Farmacéutica Cantabria, S.A	Carretera de Cazoña-Adarzo, s/n°, Santander, 39011 Cantabria Spain	* Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon): thuốc dùng ngoài dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn	EU GMP	ES/066HV/17	22/05/2017	29/03/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
45	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Sản phẩm: bột sấy khô chân không vô khuẩn để pha dung dịch tiêm Botox (Botulinum toxin loại A Ph.Eur: 100 đơn vị /lọ)	EU-GMP	C17/1215	13/06/2017	15/07/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
46	Sandoz GmbH - Organisationseinheit/Business Unit Biologics Technical Development and Manufacturing Drug Substance Schaffhausen (BTDM DSS)	Biochemiestraße 10, 6336 Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Sản phẩm công nghệ sinh học;	EU GMP	INS-481925-0058-001	27/06/2017	31/12/2018	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
47	Lindopharm GmbH (Cơ sở sản xuất)	Neustraße 82, 40721 Hilden, Germany. (Cách viết khác: Neustrasse 82, 40721 Hilden, Germany.)	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch uống ACC 200 (Acetylcystein 200mg, gói 3g).	EU GMP	DE_NW_03_GMP_2015_0029	10/12/2015	20/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Düsseldorf)	1	
	Salutas Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		
48	Rottendorf Pharma GmbH (Cơ sở sản xuất)	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany (hoặc cách ghi khác: Ostenfelder Str. 51-61, D-59320 Ennigerloh, Germany).	* Sản phẩm: Viên nén phóng thích kéo dài Nifedipin retard (Nifedipin 20mg).	EU GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)	1	
	Salutas Pharma GmbH (Cơ sở đóng gói)	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
49	Hermes Arzneimittel GmbH (Cơ sở sản xuất)	Hans - Urmiller - Ring 52, 82515 Wolfratshausen, Germany.	* Sản phẩm: Viên sủi ACC Pluzz 200 (Acetylcystein 200mg); Viên sủi ACC Pluzz 600 (Acetylcystein 600mg).	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0086	27/06/2016	09/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Düsseldorf)	1	
	Salutas Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		
50	Medochemie Ltd (Factory C)	2, Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenem.	EU GMP	MED04/2017/001	11/01/2017	29/07/2019	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
	Medochemie Ltd (Factory C)- Oral Facility		* Thuốc không vô trùng + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenem: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống; + Thuốc bột pha dung dịch uống.		MED04/2017/002	05/04/2017	25/01/2020			
51	Limited Liability Company "Pharmaceutical company "Zdorovye"	* 22, Shevchenko str., Kharkiv, 61013, Kharkiv Region, Ukraine; * 31/B-2, Kostyantyn Kalinin Street, Kharkiv, 61019, Kharkiv Region, Ukraine; * 46, Katerynynska str., Kharkiv, 61004, Kharkiv Region, Ukraine;	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc phun mù; thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel; viên nén (bao gồm cả viên bao). * Thuốc từ dược liệu.	PIC/S-GMP	015/2017/GMP	24/04/2017	17/03/2020	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
52	PT. DANKOS FARMA	Jl. Rawa Gatel Blok III S Kav. 36-38, Kawasan Industri Pulogadung, Jakarta Timur, Indonesia	Thuốc ung thư: - Viên nén, viên nén bao; - Thuốc tiêm thể tích nhỏ; - Thuốc đông khô pha tiêm;	PICS	4063/CPOB/A/XII/13 4064/CPOB/A/XII/13 4065/CPOB/A/XII/13	19/12/2013	19/12/2018	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Ipca Laboratories Limited	Plot No. 69-72 (B) Sector (II), Kandla Special Economic Zone, IN-370230, Gandhidham, Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh β -lactam): viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc bột pha dung dịch uống.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/02	02/06/2017	03/03/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Croatia		2
55	Apotex Inc (Cơ sở sản xuất)	50 Steinway Boulevard, Etobicoke, Ontario, M9W6Y3 - Canada	Sản phẩm: Viên nén bao phim Apolets (Clopidogrel dưới dạng Clopidogrel bisulfate 75mg)	PIC/S GMP	100375-F	31/08/2016	14/09/2018	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	
	Apotex Inc (Cơ sở đóng gói)	4100 Weston Road, Toronto, Ontario, M9L2Y6 - Canada		PIC/S GMP	100375-B	15/03/2016		Cơ quan thẩm quyền Canada		
56	Cadila Pharmaceuticals Limited	Plot No. 1389, Trasad Road, Dholka, Dist: Ahmedabad, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô (sản xuất trên dây chuyền vial Filling line 1). + Thuốc bột pha tiêm chứa Cephalosporin. * Sản phẩm cụ thể: + Thuốc đông khô pha tiêm Rabeloc (Rabeprazole Sodium 20mg). + Thuốc bột pha tiêm Fytobact 1g (Cefoperazone 0,5g, Sulbactam 0,5g). + Thuốc bột pha tiêm Fytobact 2g (Cefoperazone 1g, Sulbactam 1g). + Thuốc bột pha tiêm Ceficad 1000 (cefepime 1000mg). + Thuốc bột pha tiêm Ceficad 2000 (cefepime 2000mg).	PICS	019/2017/GMP	24/05/2017	24/03/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2
57	Facta Farmaceutici S.P.A.	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. NICOLO' A TORDINO) - 64100 Teramo (TE), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ	EU-GMP	IT/193-2/H/2016	12/08/2016	19/01/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	Alpex Pharma SA	Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén phân tán, viên nén sủi bọt	PIC/S GMP	17-0316	13/02/2017	25/11/2018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
60	Fisiopharma S.R.L	Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa corticosteroid, thuốc bột (bao gồm cả corticosteroid). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng chứa sản phẩm có nguồn gốc từ người, động vật (tách chiết mô, tế bào động vật)	EU-GMP	IT/163-2/H/2016	12/07/2016	29/01/2019	Italian Medicines Agency AIFA	1	
61	GlaxoSmithKline LLC	1011 N. Arendell Ave, Zebulon, NC 27597, United State of America	Sản phẩm bột hít phân liều: Advair Diskus 250/50 Inhalant Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/250mcg (salmeterol 50mcg, fluticasone propionate 250mcg)	US-GMP	GF79-YZ9Q	06/07/2017	05/07/2019	US-FDA	1	
62	Catalent Germany Schorndoft GmbH (<i>Sản xuất thành phẩm</i>)	Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany (* Cách ghi khác: Steinbeisstr. 2, D-73614 Schorndorf, Germany)	* Sản phẩm: Duodart (Dutasteride 0,5mg; Tamsulosin HCl 0,4mg).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1056	07/09/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Rottendorf Pharma GmbH (<i>Sản xuất sản phẩm trung gian Tamsulosin HCl</i>)	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany		EU GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)		
	Catalent France Beinheim SA (<i>Sản xuất sản phẩm trung gian Dutasteride</i>)	74 rue Principale, Beinheim, 67930, France		EU GMP	HPF/FR/128/2017	11/05/2017		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
63	Famar l'Aigle	Usine de Saint-Rémy, Rue de l'Isle , Saint Remy Sur Avre , 28380, France.	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nén; thuốc bột; thuốc bán rắn	EU GMP	HPF/FR/225 /2017	30/08/2017	25/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
64	Bharat Serum and Vaccines Limited	Plot No K-27, Anand Nagar, Additional M.I.D.C., Ambernath (East) Dist Thane, Maharashtra State, India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Sản phẩm cụ thể: - Ampholip suspension for solution for infusion, 5mg/ml (Amphotericin B- Lipid Complex) - Amphonex lyophilized for solution for injection 50mg (Liposomal Amphotericin B). - Amphotret lyophilized for solution for injection 50mg (Amphotericin B). - Rhoclone Liquid injection 150mcg & 300cmg (anti RHO-D Immunoglobulin injection 150mcg & 300mcg- Monoclonal). - Thromboflux lyophilized injection 1500000 IU & 750000 IU (streptokinase 1500000 IU, 750000 IU). - Foligraf lyophilized for solution for injection 75 IU & 150IU (Recombinant-Human Follicle Stimulating Hormone). - HucoG-HP lyophilized for solution for injection 5000 IU (Human Chorionic Gonadotrophin). - HucoG- 75HP lyophilized for solution for injection 75 IU (Human menopausal Gonadotrophin). - U-Tryp Liquid injection 100000 IU (Uninastatin 100000 IU)	PICS	045/2017/G MP	04/08/2017	12/07/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2
66	PT. Bernofarm	Jl. Gatot Subroto No. 68 Banjarkemantren Km.18, Buduran - Sidoarjo - Jawa Timur, Indonesia	* Thuốc vô trùng không chứa kháng sinh nhóm β -lactam (không bao gồm thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất độc tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (£100mL). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (£100mL).	PIC/S-GMP	4357/CPOB/ A/III/15	30/03/2015	31/03/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
67	Ferrer Internacional, SA	c/. Joan Buscalla, 1-9, 08173 Sant Cugat Del Vallès (Barcelona), Tây Ban Nha	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc uống dạng lỏng; thuốc xịt họng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn, thuốc đạn.	EU-GMP	NCF/1718/01/CAT	29/05/2017	12/05/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
68	Sphere Healthcare Pty Ltd	10-12 Church Road MOOREBANK NSW 2170, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim; thuốc bột và thuốc cốt; viên nang mềm; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ; gel); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; tinh dầu và dịch chiết dược liệu.	PIC/S - GMP	MI-2017-LI-03792-1	12/05/2017	08/09/2019	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	1	
69	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Limited	65 Moo 12, Lardkrabang-Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn, Th-10540, Thailand	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	UK GMP 20689 Insp GMP 20689/1380 3-0006	31/05/2017	24/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
72	LDP-Laboratorios Torlan SA	Ctra. De Barcelona, 135-B, 08290 Cerdanyola Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh betalactam (thuốc bột pha tiêm)	EU-GMP	NCF/1728/01/CAT	29/08/2017	06/07/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
74	Troikaa Pharmaceuticals Limited	C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India	Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng, viên nang mềm	PIC/S	339b/17	29/08/2017	20/04/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Malaysia		2
75	Gedeon Richter Polska Sp. Zo.o. (Cơ sở sản xuất và đóng gói)	ul. Graniczna 35, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland	* Sản phẩm: Vidonorm 4mg/5mg tablets Tên lưu hành tại Việt Nam: Beatil 4mg/5mg tablets * Sản phẩm: Vidonorm 4mg/10mg tablets Tên lưu hành tại Việt Nam: Beatil 4mg/10mg tablets * Sản phẩm: Vidonorm 8mg/10mg tablets Tên lưu hành tại Việt Nam: Beatil 8mg/10mg tablets	EU GMP	GMP mới số GIF-IW-400/003103 01/04/163/16	06/07/2016	29/04/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
	Gedeon Richter Plc. (Cơ sở xuất xưởng)	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary		EU GMP	OGYÉI/1698 2-8/2016	07/09/2016		National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
76	Bausch and Lomb Incorporated	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637 United States of America	Sản phẩm: Besivance® (Besifloxacin ophthalmic Suspension) 0.6% (Sterile) Suspension	US-GMP	3D9E-27S9	22/09/2017	21/09/2019	US FDA	1	
77	Fisiopharma S.R.L	Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA) Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa Corticoid, chất chiết từ động vật); thuốc bột + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm chứa chất chiết xuất từ tế bào, mô động vật.	EU-GMP	IT/125-2/H/2017	23/06/2017	16/12/2019	Italian Medicines Agency AIFA	1	
78	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow)	Dublin Road, Carlow, Co. Carlow, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch	EU-GMP	10759A	22/01/2016	28/08/2018	Health Products Regulatory Authority, Ireland	1	
80	PATHEON MANUFACTURING SERVICES, LLC. (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina 27834, USA	* Sản phẩm: Cốm uống SINGULAIR® (Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg).	EU-GMP	NL/H 15/1005102 A	10/12/2016	09/09/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Merck Sharp & Dohme Corp, Wilson Plant (Cơ sở đóng gói cấp 1)	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina (NC) 27893, USA		EU-GMP	NL/H 17/1014440	08/06/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands		EU-GMP	NL/H 15/1006689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
81	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771,	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet XR 50mg/500mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 500mg)	US-GMP	JMNC-NUZC	24/08/2017	09/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN , Netherlands		EU GMP	NL/H15/1006689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
82	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771,	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet XR 100mg/1000mg (sitagliptin phosphate monohydrate 100mg/metformin HCL 1000mg)	US-GMP	BN9Q-FAK8	24/08/2017	09/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN , Netherlands		EU GMP	NL/H15/1006689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
83	Cenexi (Cơ sở sản xuất)	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay sous Bois, 94120, France	Sản phẩm: Viên nang cứng Tamiflu (Oseltamivir 75mg)	EU GMP	HPF/FR/168/2017	27/06/2017	26/01/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
84	PATHEON MANUFACTURING SERVICES, LLC. (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Kadcyła (ado-trastuzumab emtansine 160mg) injection solution.	US-GMP	C7YP-WN5H	10/08/2017	09/08/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
85	PATHEON MANUFACTURING SERVICES, LLC. (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina 27834, USA (* Cách ghi khác: 5900 Martin Luther King Jr. Highway 27834 Greenville, NC, USA)	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Kadcyła (ado-trastuzumab emtansine 100mg) injection solution	US-GMP	Y46E-U6A2	18/05/2017	17/05/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland			17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
86	Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd (Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant)	2-10 Nihonbashi-honcho 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan (32-7 Hibari, Imizu City, Toyama, Japan)	* Sản phẩm: Cao dán Qepentex	Japan GMP	2305	04/08/2017	17/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
87	Dae han New Pharm. Co., Ltd.	66 Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	- Thuốc tiêm, thuốc bột đông khô pha tiêm - Thuốc viên nén, viên nang cứng	PIC/S-GMP	2017-D1-2418	17/08/2017	25/06/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
91	Macleods Pharmaceuticals Limited	Unit-II, Plot 12, 15, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28 & 30, Survey No 366, Premier Industrial Estate, Kachigam 396210 Daman, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_1039	02/10/2017	15/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
92	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany. (* Cách viết khác: Am Pharmapark, 06861 Dessau -Rossau, Germany)	* Sản phẩm: Oxaliplatin "Ebewe" 100mg/20ml và 50mg/10ml.	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	1	
	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG. (Cách viết khác: Ebewe Pharma GmbH Nfg. KG.) (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Mondseestrasse 11, 4866 Unterach am Attersee, Austria.		EU GMP	INS-480020-0098-001	30/01/2017		Cơ quan thẩm quyền Áo		
93	Yuria-Pharm Ltd.	108 Verbovetskogo St., Cherkasy, 18030, Ukraine	* Thuốc vô trùng: - Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, siro). * Trừ 02 sản phẩm chưa được chứng nhận: dung dịch đậm đặc pha dịch truyền Rifonat 30mg/ml và Paskonat 30mg/ml.	EU-GMP	006/2017/RO	14/02/2017	28/02/2018	Ministry of Health, National Agency for medicines and medical devices, Romania		2
94	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina 27834, USA	* Thuốc IV Busulfex (busulfan), 6mg/ml, Injection	CPP (US GMP)	CPP: 7GDF-KR3Z	17/01/2017	16/01/2019	United States Food and Drug Administration	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
95	PT. Widatra BHAkti	J1. Stadion No. 1 Pandaan Pasuruan - Jawa Timur 67156, Indonesia	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: - Thuốc tiêm thể tích lớn không chứa kháng sinh; - Dung dịch rửa không chứa kháng sinh.	PIC/S GMP	4640/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		2
96	Hovid Berhad	Lot 56442, 7 ^{1/2} Miles, Jalan Ipoh/Chemor, 31200 Chemor, Perak, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, viên nén.	PIC/S GMP	152/17	04/04/2017	19/05/2019	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		2
97	Hovid Berhad	121, Jalan Tunku Abdul Rahman 30010 Ipoh, Perak, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa penicillin), viên nang mềm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc cốm (chứa penicillin), dạng bào chế bán rắn, viên nén (chứa penicillin). * Thuốc được liệu	PIC/S-GMP	201/17b	17/05/2017	04/04/2020	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		2
98	BioLab Co., Ltd	625 Moo 4, Bangpoo Industrial Estate Soi 7a, Sukhumvit road, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nén (sản phẩm Ardeycor coated tablet)	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1016	17/07/2017	14/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Arnsberg)		2
99	Corden Pharma GmbH	Corden Pharma, Otto-Hahn-Str., 68723 Plankstadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon; chất có hoạt tính mạnh, độc tính cao); viên bao, thuốc cốm, thuốc bột (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, chất có hoạt tính mạnh, độc tính cao); viên nén (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, chất có hoạt tính mạnh, độc tính cao)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0086	27/06/2017	20/01/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
100	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Emil-von-Behring-Strasse 76 35041 Marburg Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; vắc xin chứa virus bất hoạt; thuốc công nghệ sinh học có nguồn gốc từ người hoặc động vật: aprotinin; các chế phẩm sinh học khác: protein (streptase). * Thuốc khác: Human-thrombin, fibrinogen	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_0035	05/04/2017	14/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
101	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Gorzhauser Hof 35041 Marburg (Stadtteil Michelbach) Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc công nghệ sinh học * Human-thrombin fibrinogen	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_0036	29/05/2017	14/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
103	B.Braun Medical, S.A.	Ronda de Los Olivares, parcela 11, Poligono Industrial Los Olivares, Jaen, 23009 Jaen Espana, Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả chất gây nghiện, hướng thần, hóc môn, chất có hoạt tính hóc môn): + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; dạng rắn; dạng cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng + Dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn). * Thuốc sinh học: chế phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Thuốc vi lượng đồng căn. (Được phép sản xuất và bảo quản đối với các thuốc có yêu cầu đặc biệt chứa chất gây nghiện, hướng thần).	EU-GMP	ES/093HVI/17	05/07/2017	11/05/2020	(Spanish Agency for Medicines and Medical Devices (AEMPS))	1	
104	Industria Química y Farmacéutica vir, S.A. (*Cách viết khác: Química Y Farmaceutica VIR, S.A)	C/Laguna 66-68-70. Pol. Industrial Urtinsa II, Alcorcón, 28923 Madrid, Spain (*Cách viết khác: Laguna 66-68-70. Poligono Industrial Urtinsa II, 28923 Alcorcon (Madrid), Espana-Spain)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, thuốc dạng bào chế bán rắn	EU GMP	ES/121HVI/17	28/09/2017	01/03/2020	Agencia Española de Medicamentos y Productos Sanitarios (Spanish Agency for Medicines and Medical Devices) (AEMPS)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
105	Joint Stock Company "Lekhim-Kharkiv" (* Cách ghi tên cũ: <i>Joint Stock Company "Lekhim-Kharkov"</i>)	Ukraine, 61115, Kharkiv region, Kharkiv, Severyna Pototskoho street, building 36 Cách ghi địa chỉ cũ: Kharkov, 17-go Partsyevzda street, building 36	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Thuốc đặt * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch, thuốc chiết xuất từ động vật * Thuốc thảo dược	PIC/S GMP	023/2017/GMP	30/05/2017	14/04/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
106	Rowa Pharmaceutical Ltd	Newtown, Bantry, Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, viên nén.	EU-GMP	11715	31/03/2016	04/12/2018	HPRA	1	
107	Glaxosmithkline LLC	1011N. Arendell Ave, Zebulon, NC 27597, United States of America	* Sản phẩm Seretide Accuhaler 50/500mcg (Mỗi liều hít chứa Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate) 50mcg; fluticason propionat 500mcg)	US-GMP	SZVW-QN8R	26/06/2017	25/06/2019	United States Food and Drug Administration	1	
108	Glaxosmithkline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznan, Poland	* Thuốc không vô trùng (Bao gồm cả thuốc chứa hoạt tính mạnh, độc tính cao, nhạy cảm, dễ cháy, gây kích ứng): Viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, thuốc đặt	EU GMP	GIF-IW-400/0092_01_03/04/157/17	29/06/2017	28/04/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
109	Mylan Laboratories SAS (tên cũ Abbott Healthcare SAS)	Route de Belleville, lieu-dit Maillard F BP 25, Chatillon sur chalaronne, 01400, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	HPF/FR/224/2017	30/08/2017	10/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
110	Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; miếng dán ngoài da;	EU-GMP	BE/GMP/2017/007	28/04/2017	27/01/2020	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
111	Kukje Pharma Co., Ltd.	47 Sanseong-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); si rô (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); * Thuốc vô trùng: thuốc tiêm; thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	PICS-GMP	2017-D1-2300	09/08/2017	21/11/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
112	CJ HealthCare Corporation	811 Deokpyeong-ro, Majang-myeon, Incheon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Sản phẩm sinh học: thuốc tiêm (vắc xin; DNA tái tổ hợp).	PICS-GMP	2017-D1-1928	10/07/2017	21/05/2020	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
114	GlaxoSmithKline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznań, Poland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc cổm; thuốc viên nén	EU-GMP	GIF-IW-400/0092_01_01/04/27/17	20/01/2017	18/11/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
116	Lupin Limited	198-202 New industrial Area No.2, Mandideep (Unit - 1) - 462046, Dist Raisen, M.P., India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép, sản phẩm cụ thể: + Thuốc bột pha tiêm Tricef; + Thuốc bột pha tiêm Cefaxone 1g; + Thuốc bột pha tiêm Cefantral 1g; + Thuốc bột pha tiêm Cefotaxime 1g; + Thuốc bột pha tiêm Ceftriaxone 1g;	PIC/S GMP	075/2016/S AUMP/GMP	21/11/2016	14/10/2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
117	IBSA Farmaceutici Italia S.R.L.	Via Martiri di Cefalonia, 2-26900, Lodi (LO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt.	EU GMP	IT/98-6/H/2017	23/05/2017	09/09/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
118	Sanofi Winthrop Industrie - Compiègne	56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporins);	EU-GMP	HPF/FR/154/2017	08/06/2017	16/12/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
119	Baxter Pharmaceutical Solutions LLC	927 South Curry Pike, Bloomington, 47403 (hoặc IN-47403), United States.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch.	EU-GMP	UK GMP 18058 Insp GMP 18058/1036 7-0012	25/07/2017	03/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
120	Sinopharm Zhijun (Shenzhen) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 16, Lanqing Yilu, Hi-Tech Zone, Guanlan, Longhua New District, Shenzhen, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin (trong đó có Ceftazidim, Ceftriaxon, Cefuroxim).	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0041	15/03/2017	15/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
122	Bausch & Lomb Incorporated	Tampa, Florida 33637, USA	* Sản phẩm: Hỗn dịch Lotemax® (loteprednol etabonate ophthalmic suspension) 0.5% (Sterile)	US-GMP	4EQF-V5JC	05/10/2017	04/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
125	PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, 64320 IDRON, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất có hoạt tính học môn), dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất có hoạt tính học môn); thuốc bán rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	HPF/FR/070/2017	24/03/2017	29/08/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
Đợt 54 (theo Công văn số 4227/QLD-CL ngày 13/03/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	IDT Biologika GmbH (Cơ sở sản xuất dung môi)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Sản phẩm thuốc Alveofact (Phospholipids toàn phần 50mg/l) gồm bột thuốc và dung môi pha hỗn dịch Tên lưu hành tại Việt Nam: Alvofact	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0025	24/08/2016	06/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	BAG health Care GmbH (Cơ sở sản xuất thuốc bột)	Amtsgerichtsstrabe 1-5, 35423 Lich, Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0048	04-08-16		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Lyomark Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Keltenring 17 82041 Oberhaching, Germany		EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0078	17-06-16		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Human Bioplazma Manufacturing and Trading Limited Liability Company	Táncsics M. út 82/A, Gödöllő, 2100, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm máu.	EU GMP	OGYEI/4330 9-7/2017	19/10/2017	27/07/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
4	Laboratoires des realisations therapeutiques elerte - Aubervilliers	181-183 rue André Karman, Aubervilliers, 93300, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc đặt	EU GMP	HPF/FR/215 /2017	21/08/2017	27/04/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
5	B. Braun Melsungen AG	B. Braun Melsungen AG Mistelweg 2, 12357 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0027	21/06/2016	10/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
7	Vianex S.A.-Plant C	16th km, Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào và chất kim tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	79257/13-10-2017	16/10/2017	12/09/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
8	Haupt Pharma Latina S.R.L	Borgo San Michele S.S 156 Km. 47,600 - 04100 Latina (LT), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Penicillin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Penicillin); viên nén (chứa kháng sinh nhóm Penicillin), dạng bào chế bán rắn; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc được liệu: viên nén.	EU-GMP	IT/193-5/H/2017	26/10/2017	22/04/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
9	Troikaa Pharmaceuticals Limited	C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (dạng ống); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (dạng ống, lọ).	PIC/S GMP	412b/ 17	10/11/2017	05/10/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
10	Aupa Biopharm Co., Ltd	1 Kwang-Fu Rd., Huko/Hsin Chu Hsien, Taiwan	* Thuốc không vô trùng; + Dung dịch thuốc; + Thuốc mỡ; thuốc cream; + Viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, thuốc cốm, thuốc bột; viên nang	PIC/S-GMP	3960	30/10/2017	24/11/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
11	Thymoorgan Pharmazie GmbH	Thymoorgan Pharmazie GmbH Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany	* Thuốc vô trùng; + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào/kim tế bào; chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/kim tế bào); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/kim tế bào).	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2017_1002	19/06/2017	15/03/2020	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
12	S.C. Magistra C&C S.R.L	B-dul Aurel Vlaicu nr. 82A, Constanta, cod 900055, Jud. Constanta, Romania	* Thuốc không vô trùng; + Viên nén bao phim, viên đặt âm đạo; + Thuốc mỡ, thuốc kem, gel + Thuốc đạn, thuốc trứng; + Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroids)	EU-GMP	030/2017/RO	22/05/2017	31/03/2020	National Agency For Medicine And Medical Devices - Romania	1	
13	Corden Pharma Societa' Per Azioni	Viale Dell' Industria, 3 E Reparto Via Galilei, 17-20867, Caponago (MB), Italy	* Thuốc vô trùng; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch, nhũ tương thể tích nhỏ.	EU GMP	IT/172-4/H/2016	20/07/2016	25/02/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	
15	AstraZeneca AB	PET Blow Fill Seal, Forskargatan 18, Södertälje, 151 85, Sweden. (* Địa chỉ chung: Sodertalje, 151 85, Sweden)	* Thuốc vô trùng (ống nhựa sản xuất theo công nghệ Blow - Fill - Seal): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	6.2.1-2017-002201	10/10/2017	24/03/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
16	Bristol-Myers Squibb S.r.l. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	LOC. FONTANA DEL CERASO - 03012 ANAGNI (FR), Italy	* Sản phẩm thuốc viên nén bao phim Baraclude (entecavir 0,5mg)	EU GMP	IT/118-1/H/2017	21/06/2017	31/03/2020	United States Food and Drug Administration	1	
	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (Cơ sở sản xuất)	4601 Highway 62 East., MOUNT VERNON, IN, 47620, United States			IT/E/GMP/8/2017	09/06/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	4601 Highway 62 East, Mount Vernon, IN, 47620, United States	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	IT/E/GMP/8/2017	09/06/2017	05/05/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
19	Contract manufacturing & Packgaking Services Pty Ltd	20-22 Long Street, Smithfield NSW, 2164, Australia	* Thuốc không vô trùng (chứa dược liệu, vitamin, chất khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng): viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc kem, thuốc mỡ, gel.	PIC/S-GMP	MI-2016-LI-11627-1	02/11/2016	22/06/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
20	Janssen Korea Ltd.	45 Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén, nang cứng. + Siro + Dung dịch dùng ngoài	PIC/S GMP	2017-D1-1744	26/06/2017	21/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
21	Octapharma-Lingolsheim	72 rue du Mareschal Foch, Lingolsheim, 67380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm máu; thuốc miễn dịch.	EU GMP	HPF/FR/27/2017	02/02/2017	21/10/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
22	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH	Wolfgang-Marguerre-Allee 1, 31832 Springe, Germany	* Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu Sản phẩm: + Cryoprecipitate + Immunoglobulin paste, fraction I/II/III concentrate + Immunoglobulin paste, fraction I/III + Gamma globulin paste, fraction II + Albumin fraction V paste + Fraction IV paste + Albumin ultrafiltrate + Factor IX-Intermediate I + Albumin solution, addition of stabilizer/NaCl, batch-pasteurisation + Albumin solutions	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2017_1004	12/06/2017	01/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
23	Biomedica spol. S r.o	Biomedica, spol s r.o. divize Horátev, Horátev 104, 289 12 Nymburk, Czech Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột dạng gói; thuốc cầm dạng gói; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột.	EU-GMP	sukls251011/2016	20/02/2016	08/12/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
26	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/ chất kìm tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
27	Ajinomoto Co.,Inc. Tokai Plant	1730, Hinaga, Yokkaichi-shi, Mie, Japan	Sản phẩm: Thuốc cốm Livact.	Japan GMP	3837	31/10/2017	15/05/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
28	A. Nattermann & Cie. GmbH	Nattermannallee 1, 50829 Köln (hoặc D-50829 Cologne), Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm và dạng pastiles; viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên sủi bọt * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1027	22/08/2017	18/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
29	Laboratoire Chauvin	Zone industrielle Ripotier Haut, Aubenas, 07200, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc dùng ngoài	EU-GMP	HPF/FR/082/2017	27/03/2017	09/12/2019	French National Drug and Health Products Safety Agency (ANSM)	1	
30	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant	1-12-1, Shinomiya, Hiratsuka, Kanagawa, Japan	Sản phẩm: Viên nén Japrox (Loxoprofen sodium hydrate, 60mg Loxoprofen sodium)	Japan-GMP	3467	06/10/2017	06/10/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
31	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Sản phẩm cụ thể: Thuốc bột đông khô pha tiêm Methylprednisolone.	EU-GMP	BG/GMP/2017/106	17/10/2017	21/09/2020	Bulgarian Drug Agency	1	
32	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories S.A.	14th km National Road 1, Kato Kifisia Attiki, 14564, Greece	* Thuốc vô trùng (sản xuất vô trùng và có tiết trùng cuối): Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột uống, dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	66989/10-7-2017	02/10/2017	19/05/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Vianex S.A - Plant A	12km National Road Athinon-Lamias, Metamorfosi Attiki, 14451, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	73120/25-8-2017	12/09/2017	04/07/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
34	Fresenius Kabi Manufacturing SA (PTY) Ltd	6 Gibaud Road, 6020 Korsten, Port Elizabeth, Republic of South Africa	* Thuốc vô trùng: (những lô thuốc sản xuất sau ngày 04/09/2017): dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền Cisatracurium Kabi 5mg/ml; dung dịch thuốc tiêm/ tiêm truyền Cisatracurium Kabi 2mg/ml.	PIC/S-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1037	18/09/2017	14/09/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
35	Pymepharco Joint Stock Company	166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam	Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng; viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1064	14/11/2017	03/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
			* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột và dung môi pha dung dịch tiêm chứa Cephalosporin.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0017	07/02/2018	31/01/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức		
37	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A.	Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, Condeixa-a-Nova, 3150-194, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	F005/S1/MH/001/2017	31/10/2017	27/07/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
39	IDT Biologika GmbH (Cơ sở sản xuất dung môi)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Sản phẩm thuốc Alveofact (Phospholipids toàn phần 50mg/lọ) gồm bột thuốc và dung môi pha hỗn dịch Tên lưu hành tại Việt Nam: Alvofact	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0025	24/08/2016	06/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	BAG health Care GmbH (Cơ sở sản xuất thuốc bột)	Amtsgerichtsstraße 1-5, 35423 Lich, Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0048	04/08/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Lyomark Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Keltenring 17, 82041 Oberhaching, Germany		EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0078	17/06/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		
40	Medochemie Ltd (Factory B) - Oral Facility	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	MED03/2017/002	05/04/2017	25/01/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
41	Gentle Pharma Co., Ltd.	No.2, Fon Tan Rd., Jiasing Village, Da Bi Hsiang, Yunlin, Taiwan, R.O.C. (* Cách ghi khác: No.2, Fon Tan Rd., Fon Tan Ind. Dist., Da Bi Hsiang, Yunlin Hsien, Taiwan, R.O.C.)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm; thuốc tiêm; thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai. + Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: dung dịch, hỗn dịch; thuốc kem, thuốc mỡ; viên nén, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang cứng. * Nguyên liệu dược chất, bán thành phẩm chứa: + Kháng sinh nhóm Carbapenem: Bột pha tiêm. + Kháng sinh nhóm Cephalosporin: Bột pha tiêm, cốm, viên nang. + Kháng sinh nhóm Penicillin: Bột pha tiêm, cốm, bột, viên nang. * Sản phẩm cụ thể: Bột pha tiêm Somidex (Methylprednisolon 40mg, 125mg, 500mg, 1000mg).	PIC/S-GMP	3939	18/10/2017	30/09/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
42	Baxalta US Inc. (Nhà sản xuất)	1700 Rancho Conejo Boulevard, Thousand Oaks, CA 91320, USA	* Sản phẩm: Bột đông khô pha tiêm truyền tĩnh mạch Hemofil M (Antihemophilic Factor (Human) 220-2000IU/lq), 10ml nước cất pha tiêm, bộ kim chuyển và kim lọc.	US -CGMP	JGXU-47EE WHO	30/10/2017	29/10/2019	United States Food and Drug Administration	1	
	Baxter Healthcare Corporation (Nhà sản xuất dung môi)	911 North Davis Avenue, Cleveland, Mississippi 38732, USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Tenamyd Pharmaceutical Corporation	Lot. Y.01-02A, Tan Thuan Street, Tan Thuan Industrial Park/Export Processing Zone, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm β -lactam.	EU-GMP	BG/GMP/2017/098	27/06/2017	07/04/2020	Bulgarian Drug Agency		2
44	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Sản phẩm: OZURDEX (Dexamethasone intravitreal Implant) 0,7mg	US-GMP	X9VZ-45EG	11/10/2017	10/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
46	Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc cốm. * Thuốc tiêm; thuốc tiêm truyền. * Thuốc yêu cầu đặc biệt: Bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Carbapene; Thuốc độc tế bào (viên nén, viên nang, thuốc cốm).	PIC/S GMP	2017-D1-2506	30/08/2017	17/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
47	Pharvis Korea Pharm Co., Ltd.	127, Sandan-ro 83beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột.	PIC/S GMP	2017-D1-3004	25/10/2017	07/08/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
48	Kedrion S.P.A.	Via Provinciale (loc. Bolognana) - 55027 Galliciano (LU), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: các sản phẩm từ máu: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu.	EU-GMP	IT/70-2/H/2017	02/05/2017	08/07/2019	AIFA Italian Medicine Agency	1	
49	Bieffe Medital S.P.A.	Via Stelvio, 94 - 23035 Sondalo (SO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	IT/55-1/H/2017	03/04/2017	28/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Genentech Inc.	NE Brookwood Pkwy 4625, OR 97124 Hillsboro, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: chế phẩm công nghệ sinh học. * Cụ thể: + Herceptin (Trastuzumab) + Avastin (bevacizumab) + MabThera (Rituximab)	EU GMP	DE_BW_01_ GMP_2017_ 1015	12/07/2017	23/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden- Württemberg)	1	
52	AstraZeneca Pharmaceutical Company Ltd	No. 2, HuangShan Road, Wuxi Jiangsu, 214028, People's Republic of China	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	PIC/S-GMP	MI-2016-CE- 07343-1	19/10/2017	29/12/2020	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)		2
53	Orient Pharma Co., Ltd.	No. 8, Kehu 1st Road, Huwei Township, Yunlin County 63247, Taiwan, R.O.C	Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang	PIC/S-GMP	3743	04/07/2017	28/10/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
54	Korea Prime Pharm Co., Ltd	100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju- gun Jeollabuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm	PIC/S-GMP	2017-F1- 0399	15/11/2017	12/11/2020	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
55	S.M. Farmaceutici S.R.L.	Zona Industriale, 85050 TITO (PZ), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng chứa hormon corticosteroids.	EU GMP	IT/113- 1/H/2017	09/06/2017	13/05/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	
56	Taiwan Biotech Co., Ltd.	22, Chieh Shou Rd., Taoyuan Dist., Taoyuan City, Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm và tiêm truyền (sản xuất vô trùng và tiết trùng cuối), dung dịch thuốc nhỏ mắt (sản xuất vô trùng); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch; viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nén; thuốc cốt; thuốc bột; viên nang cứng; miếng dán.	PIC/S	3997	10/11/2017	30/12/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
58	Pharmascience INC	6111, Avenue Royalmount, Suite 100, Montreal, QC, Canada, H4P 2T4	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột, viên nhai, viên bao phim	Canada- GMP	100241-A	19/07/2017	10/07/2020	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
59	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L. (Cơ sở sản xuất)	Via Cassia Nord, 351 - 53014 Monteroni D'arbìa (SI), Italy	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm Falipan (Lidocain hydroclorid 20mg/ml, hộp 05 ống 2ml và hộp 5 ống 10ml); + Dung dịch tiêm Puvivid (5ml dung dịch chứa Bupivacaine hydrochlorid (dưới dạng Bupivacaine hydrochlorid monohydrat) 25mg).	EU GMP	IT/67-1/H/2017	06/04/2017	27/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Deltamedica GmbH (Cơ sở kiểm soát và xuất xưởng)	Ernst-Wagner-Weg 1-5 72766 Reutlingen Germany		EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0092	12/07/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)		
60	S.M. Farmaceutici S.R.L. (Cơ sở sản xuất)	Zona Industriale, 85050 TITO (PZ), Italy	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền Moretel (Metronidazole 500mg/100ml)	EU GMP	IT/113-1/H/2017	09/06/2017	27/10/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Deltamedica GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Ernst-Wagner-Weg 1-5, 72766 Reutlingen, Germany		EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0092	12/07/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)		
62	Tilman SA	Zoning Industriel Sud 15, Baillonville, 5377, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén. * Thuốc từ dược liệu.	EU GMP	BE/GMP/2017/066	17/11/2017	29/08/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
64	Macleods Pharmaceuticals Limited	Village Theda, Post office Lodhimajra, Tehsil Baddi. District Solan Himachal Pradesh In-174101, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 31303 Insp GMP 31303/1706 716-0007	21/08/2017	27/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
65	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	Pridco Industrial Park, State road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm Janumet XR 50mg/1000mg (sitagliptin 50mg, metformin HCL 1000mg)	U.S. cGMP	G5FJ-DXMT	24/04/2017	23/08/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Merk Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 15/1006689	21/12/2015	09/09/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
66	Mirae Pharm. Co., Ltd	104, Gongdan 2-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm	PIC/S-GMP	2017-D1-2865	11/10/2017	03/01/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea		2
67	Daewoo Pharm. Co., Ltd	153 Dadae-ro, Saha-gu Busan, Korea	* Thuốc viên nén; viên nang cứng; dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt	PIC/S-GMP	2017-C1-0242	18/08/2017	13/08/2020	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea		2
68	JSC "Kievmedpreparat"	+ 139, Sakchanskogo St., Kyiv, 01032, Ukraine + 120, Peremogy avenue, Kyiv 03115, Ukraine + 7/33, Chistyakovskaya lane, Kyiv, 03062, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc tiêm đông khô, thuốc bột pha tiêm * Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel * Thuốc công nghệ sinh học	PIC/S GMP	096/2016/S AUMP/GMP	26/01/2017	16/12/2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
70	Mitim S.R.L	Via Cacciamali, 34-38-25125 Brescia (BS), Italia	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (kháng sinh nhóm beta lactam: penicillin và cephalosporin), thuốc bột pha tiêm (kháng sinh nhóm beta lactam: penicillin và cephalosporin) * Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng (kháng sinh nhóm penicillin, chế phẩm chiết xuất từ động vật). - Thuốc uống dạng lỏng - Thuốc bột, thuốc cốm (kháng sinh nhóm penicillin) - Thuốc dạng bán rắn - Viên nén (kháng sinh nhóm penicillin) * Chế phẩm sinh học (chế phẩm chứa, chiết xuất, có nguồn gốc từ tế bào, mô động vật)	EU GMP	IT/185-2/H/2017	27/09/2017	19/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
72	Xepa-Soul Pattinson Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, Melaka, 75250, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; bột pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	OGYÉI/1825 5-6/2017	01/09/2017	07/07/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
75	Medochemie Ltd (Factory B)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	Các sản phẩm chứa kháng sinh nhóm penicilin: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm. + Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	MED03/201 7/001	11/01/2017	29/07/2019	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
76	Yuhan Corporation	219 Yeongudanji-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: - Viên nén (thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Penicillin); viên nang; thuốc bột; viên nhai; - Si rô khô (thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Penicillin); hỗn dịch uống; thuốc nhỏ mũi; - Thuốc dùng ngoài: thuốc mỡ; kem. * Thuốc vô trùng: - Thuốc tiêm đông khô (Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Penicillin); - Thuốc tiêm và thuốc bột pha tiêm (Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	PIC/S GMP	2017-G1-0894	10/04/2017	21/02/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
77	Instituto Grifols, SA	Polígon Industrial Llevant, Can Guasch, 2 08150 Parets Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, Thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu	EU-GMP	NCF/1726/0 01/CAT	03/08/2017	25/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha vùng Catalonia	1	
79	CSL Behring AG	Wankdorfstrasse 10, 3014 Bern, Switzerland	Dung dịch tiêm truyền chứa sản phẩm máu và huyết tương; Dạng bào chế rắn vô trùng và các chế phẩm sinh học chứa máu và huyết tương.	PIC/S GMP	17-0616	27/03/2017	08/04/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
80	Biocon Limited	Biocon Special Economic Zone, Plot No. 2,3,4,&5, Phase IV, Bommasandra-Jigani Link Road, Bommasandra Post, 560099 Bangalore, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc tiêm thể tích nhỏ [lọ (đồng khô), ống tiêm đóng sẵn]; * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; Insulin.	PIC/S-GMP	350a/17	07/09/2017	14/04/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia		2
81	AV Manufacturing Sdn Bhd	Lot 10621 (PT 16700), Jalan Permata 2, Arab Malaysian Industrial Park, 71800 Nilai, Negeri Sembilan, Malaysia	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột, viên nén, viên nén bao phim	PIC/S GMP	072/17	23/02/2017	18/02/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
82	Catalent Italy S.P.A	Via Nettunense Km.20, 100 - 04011 Aprilia (LT) Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. * Thuốc sinh học: Chế phẩm có nguồn gốc từ động vật, thuốc sinh học khác (sản phẩm lên men lactic); * Thuốc từ dược liệu	EU-GMP	IT/172-2/H/2017	21/09/2017	30/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
83	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Oncotec Pharma Produktion GmbH Am Pharmapark 06861 Dessau-Roßlau, Germany (cách ghi khác: Am Pharmapark 06861 Dessau-Rosslau, Germany)	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/ chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
84	Auskorea Pharm co., Ltd	252 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si Gangwon, Republic of Korea	Thuốc tiêm	PIC/S GMP	2017-B1-0443	17/10/2017	10/10/2020	Seoul Regional office of Food and Drug Safety		2
85	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	27, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén, viên nang, thuốc bột, dung dịch thuốc uống, thuốc hít.	PICS-GMP	2017-D1-3089	03/11/2017	03/11/2018	Gyeongin of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
86	Upsa Sas (CSSX và đóng gói)	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France	sản phẩm: thuốc đạn Dafalgan (paracetamol 80mg và 150 mg), tên tại Việt Nam: Thuốc đạn Efferalgan (paracetamol 80 mg/viên); Thuốc đạn Efferalgan (paracetamol 150 mg/viên),	EU GMP	HPF/FR/268/2016	17/11/2016	18/12/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Upsa Sas (CS xuất xưởng)	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France		EU GMP	HPF/FR/293/2015	17/02/2016	11/09/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		
88	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin-1 -gil, Songak-eup Dangjin-si Chungcheongnam-do Republic of Korea	* Viên nén, viên nang; * Thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền chứa Carbapenem; * Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Dung dịch thuốc uống; siro; thuốc dạng hỗn dịch và nhũ tương; * Sản phẩm sinh học: Dung dịch tiêm.	PIC/S-GMP	2017-G1-0348	09/02/2017	10/09/2018	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
89	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H	Oberlaaerstraße 235, 1100 Wien, Austria	* Thuốc vô trùng; + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm từ máu; Sản phẩm miễn dịch; Chế phẩm phân đoạn (intermediates out of fractionation)	EU GMP	INS-480018-0060-001 (3/30)	23/10/2017	19/07/2019	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
90	Celltrion Inc.	20, Academy-ro 51 beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon, 22014, Republic of Korea	Sản phẩm sinh học: Thuốc tiêm ADN tái tổ hợp	PIC/S GMP	2017-D1-3469	14/12/2017	14/06/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
91	Octapharma Dessau GmbH	Otto-Reuter-Straße 3, 06847, Dessau-Roßlau, Germany	* Thuốc sinh học: chế phẩm máu.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0027	03/11/2016	10/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
92	R.X. Manufacturing Co., Ltd	76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; viên nén. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; thuốc bột; viên nén.	PIC/S GMP	1-2-17-17-00002-00013	27/10/2016	23/05/2019	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
93	IBSA Institut Biochimique SA (Cơ sở sản xuất)	Via Cantonale - Zona Serta - 6814 Lamone (Lugano) - Switzerland	* Sản phẩm: - Bột và dung môi pha dung dịch tiêm Fostimonkit 150 IU/ml (Urofollitropin (FSH) 150 IU/ml). - Bột và dung môi pha dung dịch tiêm Fostimonkit 75 IU/ml (Urofollitropin (FSH) 75 IU/ml).	PIC/S GMP	17-1272	26/06/2017	12/11/2018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	IBSA Institut Biochimique S.A., (Cơ sở xuất xưởng và kiểm tra chất lượng)	Via al Ponte 13, 6903 Lugano, Switzerland		PIC/S GMP	17-0671	27/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
	IBSA Farmaceutica Italia Srl (Cơ sở sản xuất, đóng gói sơ cấp dung môi)	Via Martiri di Cefalonia, 2-26900 Lodi - Italia		EU-GMP	IT/98-6/H/2017	23/05/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		
	IBSA Institut Biochimique S.A., (Cơ sở đóng gói thứ cấp bộ sản phẩm)	Via del Piano - 6915 Pambio Noranco (Lugano) - Switzerland		PIC/S GMP	17-1041	29/05/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
94	Temmler Pharma GmbH	Temmler Pharma GmbH, Temmlerstraße 2, 35039 Marburg, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng bào chế rắn khác: thuốc giải phóng thay đổi; thuốc cốm, thuốc bột, viên nén bao đường; viên nén, viên nén sủi bọt.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1066	23/11/2017	24/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
95	Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG	Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG Rheinische Allee 11, 50858 Köln, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên ngậm (pastilles và lozenges)	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1001	29/05/2017	24/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
Đợt 55 (theo Công văn số 7235/QLD-CL ngày 20/04/2018 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
5	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	Sản phẩm: Thuốc tiêm Vắc xin M-M-R®II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD) Tên lưu hành tại Việt Nam: Vắc xin M-M-R®II (Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50)	US cGMP	N5QK-6C6K WHO	30/10/2017	29/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
			Sản phẩm: Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live - Oka/Merck)		MNP5-S84B WHO	18/01/2017	17/01/2019			
6	MSD International GmbH (Singapore Branch)	21 Tuas South Avenue 6, Singapore 637766, Singapore	Thuốc viên nén dùng đường uống	PIC/S-GMP	MLMP1100013	22/11/2017	12/12/2018	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2
7	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Ballydine) (Cơ sở sản xuất)	Kilsheelan, Clonmel, Co. Tipperary, Ireland	* Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim Zepatier (Elbasvir 50 mg, grazoprevir 100 mg)	EU-GMP	2015/8918/M11074	20/03/2015	16/01/2019	Irish Medicines Board (IMB)	1	
	Schering-Plough Labo NV (Cơ sở đóng gói)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2016/010	04/07/2016		Federal Agency for Medicines and Health Products		
8	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormone, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bột (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm.	PIC/S GMP	MI-2013-LI-04058-1	13/09/2017	19/09/2018	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
9	Patheon France	40 Boulevard de Champaret, Bourgoin Jallieu, 38300, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); viên nén (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào). * Thuốc sinh học: viên nang cứng chứa bào tử vi khuẩn.	EU GMP	HPF/FR/200/2017	02/08/2017	12/05/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
10	Cipla limited	Plot No. D-7, D-22, D27, MIDC, Kurkumbh, District Pune, Maharashtra, IN-413 802, India	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc đặt, viên nén; các thuốc không vô trùng khác (cốm sủi bọt, cốm không sủi bọt, pellet tan trong ruột)	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4462 27-0005	13/11/2017	31/07/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
13	Bayer Oy	Pansiontie 47, 20210 Turku, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc giải phóng hoạt chất tại tử cung (chứa chất có hoạt tính hormon). * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	282/06.08.0 0.04/2018	10/01/2018	11/05/2020	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	1	
14	Pymepharco Joint Stock Company	Pymepharco Joint Stock Company 166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam, Viet Nam	* Sản phẩm: - Viên nang cứng Cefaclor Stada 500mg Capsules (Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 500mg); - Viên nén bao phim Cepoxitil 200 (Cefpodoxime 200mg) (Tên xuất khẩu: Cefidopoxim Stada 200mg, film-coated tablets)	EU-GMP	DE_HE_01_ GMP_2017_ 1064;	14/11/2017	03/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
16	Laboratoire Unither	Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028, AMIENS, 80084 CEDEX 2, France (* Cách ghi khác: Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028 80084 AMIENS, CEDEX 2, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	HPF/FR/284 /2017	20/11/2017	07/07/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, pellet; * Thuốc công nghệ sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines.	EU-GMP	DE_BW_01_ GMP_2017_ 1039	18/09/2017	11/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
18	SUN Pharmaceutical Industries Ltd.	Industrial Area 3, Dewas, 455 001, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm penem(Sản phẩm: Aris (500mg, 1000mg), Synerpen (30ml, 100ml)). * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (Sản phẩm: Ranoprost (0.4mg), Ranselex (100mg, 200mg), Flucoric (150mg)) , viên nén (Sản phẩm: Candesar (4mg, 8mg,16mg), Pioglar (30mg, 15mg)) , viên nén bao phim (sản phẩm: Altiva (180mg), Brustan, Histac (150mg), Zanolin OD (400mg, 800mg), Klabax (500mg), Loxof (500mg), Ranclear (62.5mg, 125mg), Serlift (50mg, 100mg), Cifran OD (500mg, 1000mg), Cifran CT) ; dạng thuốc tổng hợp combikit (Sản phẩm: Pylobact Neo).	PIC/S GMP	071/2017/GMP	18/12/2017	04/11/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
19	Regeneron Pharmaceuticals Inc.	81 Columbia Turnpike, Rensselaer, 12144, United States	* Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học	EU GMP	UK GMP 25041 Insp GMP 25041/7947 54-0004	19/05/2017	20/03/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
20	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777-4060, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nén. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	NL/H 15/1007555	17/12/2015	10/12/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
21	AstraZeneca AB	PET Turbuhaler and Pumpspray, Forskargatan 18, Södertälje, 15185, Sweden (* Địa chỉ chung: Sodertalje, 15185, Sweden)	* Thuốc không vô trùng: thuốc bột hít đa liều, thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	5.9.1-2017-096501	28/12/2017	14/06/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
22	Novartis Farma S.P.A.	Via Provinciale Schito 131 - 80058 Torre Annunziata (NA), Italy (Cách viết khác: Via Provinciale Schito 131 Torre Annunziata (NA), Italy)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc từ dược liệu: Viên nén.	EU-GMP	IT/126-3/H/2017	27/06/2017	16/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
24	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Systane® Ultra Lubricant Eye Drops (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%) Tên lưu hành tại Việt Nam: Dung dịch nhỏ mắt Systane Ultra (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%)	U.S. cGMP	RWYT-4HZM	02/02/2018	01/02/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
25	Zakład Farmaceutyczny Adamed Pharma S.A (* Tên tiếng Anh: <i>Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company</i>)	ul Szkolna 33, 95-054 Ksawerów, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	IWZJ.405.27.2017.MG.1. WTC/0258_01_01/264	09/01/2018	27/10/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
26	Sopharma AD	Vrabevo vlg, 5660 district of Lovech, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; dung dịch thuốc dùng ngoài, nước súc miệng, thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch) thuốc kem, gels, mỡ. * Thuốc dược liệu	EU GMP	BG/GMP/2018/116	12/02/2018	12/01/2021	Bulgarian Drug Agency	1	
27	Aprogen Pharmaceuticals. Inc	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel.	PIC/S-GMP	2017-D1-1277	02/05/2017	15/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
28	UMEDICA LABORATORIES Private Limited	GIDC II nd Phase, Plot No 221, Vapi, 396195 Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/04; 381-10-05/244-17-08	10/06/2017	10/03/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
29	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Co), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon corticosteroid); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid hormon và hormon sinh dục); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon corticosteroid); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả corticosteroid hormon).	EU-GMP	IT/131-1/H/2017	07/07/2017	28/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
30	Zakład Farmaceutyczny Adamed Pharma S.A (* Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company) (Cơ sở sản xuất)	33, Szkolna Str., 95-054 Ksawerow, Poland	* Sản phẩm: Viên nang cứng Egzysta (Pregabalin 50 mg)	EU-GMP	IWZJ.405.27.2017.MG.1	09/01/2018	01/09/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
	Pabianickie Zakłady Farmaceutyczne POLFA S.A. (* Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Works Polfa in Pabianice Joint-Stock Company) (Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng)	ul.Marszałka Józefa, Pilsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland		EU-GMP	GIF-IW-400/0039_01_01/04/314/16	28/10/2016				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
31	Servier (Ireland) Industries Ltd	Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland (* Địa chỉ rút gọn: Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	15483/M68	20/06/2017	23/03/2020	Health Products Regulatory Authority - Ireland	1	
32	Cadila Healthcare Ltd	Sarkhej-Bavla N.H.N° : 8-A, Moraiya, Tal : Sanand, AHMEDABAD, 382-210, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén.	EU GMP	HPF/PT/8/2016	08/11/2016	30/04/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		2
33	Patheon Inc. (Cơ sở sản xuất)	Toronto Region Operations, 2100, Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9, Canada	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tracleer (Bosentan 125 mg).	Canada-GMP	67834	23/11/2017	23/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	
	Actelion Pharmaceuticals Ltd (Cơ sở xuất xưởng)	Gewerbestrasse 12, 4123 Allschwil, Switzerland		EU-GMP	17-2020	06/11/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products		
34	Delorbis Pharmaceuticals Ltd	17 Athinon str., Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, Lefkosia, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; bột pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	DELOR/001/2017	22/12/2017	17/05/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
35	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Kolodvorska cesta 27, Mengeš, 1234, Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	450-40/2017-5	29/11/2017	11/04/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
37	Jeil Health Science Inc.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Miếng dán.	PIC/S GMP	2018-D1-0042	08/01/2018	17/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	Catalent Australia Pty Ltd	217-221 Governor Road, BRAESIDE Vic 3195 Australia	Thuốc không vô trùng (không chứa penicillin, cephalosporin, hormon, steroid, chất chống ung thư): viên nang mềm.	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-11695-1	02/11/2017	28/07/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
40	Union Korea Pharm Co., Ltd	246 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang; * Thuốc vô trùng: thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; thuốc tiêm.	PIC/S GMP	2017-B1-0518	05/12/2017	28/11/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
41	Innothera Chouzy	Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, Valloire-sur-Cisse, 41150, FRANCE. (* Các cách ghi khác: + Rue René Chantereau - L'Isle Vert 41150 Chouzy-sur-Cisse, France. + L'Isle Vert, Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, 41150, France.)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	HPF/FR/229/2017	06/09/2017	23/06/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
42	Servier (Ireland) Industries Ltd	Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland (Địa chỉ rút gọn: Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	15483/M68	20/06/2017	23/03/2020	Health Products Regulatory Authority - Ireland	1	
43	Italfarmaco S.A.	C/San Rafael, 3, Pol. Ind. Alcobendas, Alcobendas 28108 Madrid, Spain	Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốt, thuốc dạng pellet, thuốc bán rắn (chứa hormone và chất có hoạt tính hormone, thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần).	EU GMP	ES/003HVI/18	16/01/2018	12/09/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Ethypharm	Zone Industrielle de Saint Arnoult, 28170 Chateaufort-en-thymerais, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột và thuốc cốm.	EU-GMP	HPF/FR/219/2017	23/08/2017	17/10/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
46	Patheon Inc	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada L5N 7K9	Viên nang, thuốc bột, dung dịch, hỗn dịch, viên nén	Canada-GMP	Giấy chứng nhận GMP: 68039	19/12/2017	19/12/2018	Health Product and Food Branch Inspectorate of Ottawa, Canada	1	
					Giấy phép sản xuất: 100074-A	19/10/2016				
47	Laboratórios Vitória, S.A	Rua Elias Garcia, No. 28, Amadora, 2700-327, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén; thuốc bột, thuốc cốm, thuốc đặt.	EU GMP	F019/S1/MH/001/2017	04/09/2017	11/05/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
48	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1026	07/12/2017	23/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)	1	
49	Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant (Cơ sở sản xuất)	17-85, Jusohonmachi 2-chome, Yodogawa -ku, Osaka 532-8686, Japan	* Sản phẩm: - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 3.75 mg (Leuprorelin acetate 3,75 mg) - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 11.25 mg (Leuprorelin acetate 11,25 mg)	Japan GMP	1631	21/08/2015	08/01/2019	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	1	
	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG (Cơ sở đóng gói)	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany		EU GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1026	07/12/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	AbbVie Logistics B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Zuiderzeelaan 53, Zwolle, 8017JV, Netherlands		EU GMP	NL/H16/100 8041	31/03/2016		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
52	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana), Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	450-40/2017-1	29/11/2017	25/05/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
53	Lek Pharmaceuticals d.d (viết tắt: Lek d.d)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana), Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả chứa chất ức chế miễn dịch, chất độc tế bào, chất kim tế bào - trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib, dabrafenib, pazopanib, trametinib, alpelisib); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, Prostaglandins/cytokines, chất ức chế miễn dịch, chất độc tế bào/chất kim tế bào - trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib, dabrafenib, pazopanib, trametinib, alpelisib); Thuốc bột, thuốc cốm; hạt pellet, vi nang (micropellet); * Thuốc được liệu.	EU-GMP	401-25/2017-5	24/01/2018	23/11/2020	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	1	
55	Unimed Pharmaceuticals, Inc	110-27, Sirok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang cứng. * Thuốc tiêm. * Thuốc nhỏ mắt. * Miếng dán	PIC/S	2017-G1-2665	01/12/2017	15/11/2020	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
56	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.R.L (Cơ sở sản xuất và xuất xưởng)	Via Campo Di Pile, L'Aquila (AQ), 67100, Italy.	* Thuốc không vô trùng: - Viên nén Bilaxten (Bilastin 20mg); - Viên nén bao phim Sympal (Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol) 25mg).	EU GMP	IT/183-1/H/2017	27/09/2017	/2020	AIFA Italian Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.R.L (Cơ sở kiểm tra chất lượng)	Via Sette Santi, 3 - 50131 Firenze (FI), Italy.		EU GMP	IT/137-1/H/2017	10/07/2017	20/01			
57	Actavis Italy S.P.A.	Via Pasteur, 10-20014 Nerviano (MI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục). * Thuốc sinh học: Protein tái tổ hợp dạng đông khô.	EU-GMP	IT/130-1/H/2016	26/05/2016	18/12/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
58	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spolka Akcyjna)	22/24, Karolkowa Str., 01-207 Warszawa, Poland (*Tiếng Anh: Karolkow 22/24, 01-207, Warsaw, Poland)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc nhỏ mũi); thuốc bán rắn; dung dịch thực trực tràng.	EU-GMP	IWZJ.405.4.2 018.MG.1 WTC/0102_02_02/8	09/01/2018	12/10/2020	Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
59	Hospira Australia Pty Ltd	* Địa chỉ 1: 1-5, 7-23 and 25-39 Lexia Place, Mulgrave Vic 3170, Australia. * Địa chỉ 2: 2-10 Lexia Place Mulgrave Vic 3170, Australia.	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm (bao gồm cả các chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc hít.	PIC/S GMP	MI-2017-LI-11691-1	11/12/2017	12/05/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
60	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Forane (Isoflurane, USP) Liquid for Inhalation, 100ml Tên tại Việt Nam: Aerrane	US-GMP	CTFT-35UR	17/01/2018	16/01/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
61	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Sevoflurane, USP Inhalation Anesthetic 250mL	US-GMP	6T59-FZK9	19/01/2018	18/01/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
62	Baxter Healthcare Corporation	Route 3, km 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784, USA	* Sản phẩm: Suprane (Desflurane USP, Liquid for Inhalation)	US -GMP	YTU2-STT4	19/01/2018	18/01/2020	United State Food and Drug Administration	1	
63	Italfarmaco S.P.A	Viale Fulvio Testi, 330-20126 Milano (MI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon và chất có hoạt tính hormon (không bao gồm hormon corticosteroid và hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng).	EU-GMP	IT/298-5/H/2016	30/11/2016	22/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
64	Pfizer Australia Pty, Ltd	38-42 Wharf Rd, West Ryde NSW 2114, Australia	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn; thuốc bột và thuốc cốm; thuốc rắn phân liều (viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng).	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-13798-1	11/12/2017	04/07/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
65	Kolmar Pharma Co, Ltd	93 Bio Valley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén đặt phụ khoa, thuốc kem; yếu tố thẩm phân máu.	PIC/S GMP	2018-G1-0007	03/01/2018	03/11/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
66	Laboratoires Chemineau	93 route de Monnaie, Vouvray, 37210 France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (bao gồm chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	HPF/FR/283/2016	29/11/2016	02/09/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Biomendi, S.A.	Poligono Industrial de Bernedo, s/n, Bernedo, 01118 Alava, Spain	* Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	ES/004HVI/18	16/01/2018	16/06/2020	Spanish Agency for Medicines and Medical Devices (AEMPS)	1	
69	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S.	Sancaklar Mh.Eski Akcakoca Cad. No. 299 81100, Düzce-Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên bao phim.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0025	02/05/2016	25/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
70	Bieffe Medital S.P.A. (Cơ sở sản xuất)	Via Nuova Provinciale - 23034 Grosotto (So), Italy	* Sản phẩm: Dung dịch thuốc tiêm truyền Paracetamol-Bivid (Paracetamol 1g/100ml)	EU-GMP	IT/169-1/H/2017	19/09/2017	20/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Sanavita Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Brüder-Grimm-Straße 121 36396 Steinau an der Straße Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1054	08/01/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức		
71	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn, hỗn dịch + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Vắc xin vi khuẩn, virus bất hoạt.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2018_0013	16/01/2018	12/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
72	TRB Pharma S.A.	Plaza 939, 1427, Buenos Aires, Republica Argentina	* Sản phẩm: Viên nang cứng Artrodar (Diacerein 50mg).	PIC/S GMP	20132020001185 17	04/12/2017	04/12/2018	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
73	L.MOLTENI & C.DEI F.LLI ALITTI SOCIETA' DI ESERCIZIO S.P.A	Strada Statale 67, Frazione Granatieri - 50018 Scandicci (FI) , Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn chứa corticoid.	EU-GMP	IT/22-1/H/2018	25/01/2018	16/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
75	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH Herderstrabe 1,2 und Molkerel-Bauer-Strabe 18 83512 Wasserburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn, thuốc đông khô (sản phẩm sinh học protein tái tổ hợp). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn.	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2017_0024	21/02/2017	08/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
77	A. Menarini Manufaturing logistics and services S.R.L	Via Sette Santi, 3-50131 Firenze (FI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn chiết xuất từ động vật. * Chế phẩm sinh học: Chế phẩm chiết xuất từ động vật. * Sản phẩm: Fastum gel (ketoprofen 2,5g/100g gel).	EU GMP	IT/137-1/H/2017	10/07/2017	20/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
78	Patheon Inc.	2100 Syntex Court Mississauga, Ontario, Canada	* Viên nang, thuốc bột, dung dịch, hỗn dịch, viên nén	Canada-GMP	67848	23/11/2017	23/11/2018	Regulatory Operation and Regions Branch, Health Canada	1	
80	Klonal S.R.L	Lamadrid avenue 802, Quilmes, Province of Buenos Aires, Argentine	* Sản phẩm: Bột pha tiêm Vakilonal (Vancomycin 500mg, dưới dạng vancomycin hydrochloride 512,6mg)	PIC/S GMP	20132020001020 17	01/11/2017	01/11/2018	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
81	Apotex Inc.	150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9, Canada (cơ sở sản xuất)	* Viên nén Esmacid giải phóng chậm (esomeprazole 20mg, dưới dạng esomeprazole magnesium) * Viên nén Esmacid giải phóng chậm (esomeprazole 20mg, dưới dạng esomeprazole magnesium) * Viên nén Apo- Rovastin (rosuvastatin 10mg, dưới dạng rosuvastatin calcium)	PIC/S GMP	100375-A	19/01/2017	14/09/2018	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
	Apotex Inc.	4100 Weston road, Toronto, Ontario, M9L 2Y6, Canada (cơ sở đóng gói)	* Viên nén Apo- Rovastin (rosuvastatin 20mg, dưới dạng rosuvastatin calcium)		100375-B	15/03/2016				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
86	Delpharm Huningue SAS - Huningue	26 Rue de la Chapelle, Huningue, 68330, France	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hóc môn): thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, thuốc đạn.	EU-GMP	HPF/FR/180/2017	20/07/2017	12/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
88	Laboratorios Bago S.A	Calle Ciudad de Necochea entre las calles Ciudad de Mar del Plata y Av. Matienzo. Parque Industrial de La Rioja, Provincia de La Rioja, Argentina	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Trifamox IBL 500 (Amoxicillin 250mg (dưới dạng amoxicillin trihydrate), sulbactam 250mg (dưới dạng pivsulbactam))	PIC/S GMP	20132019 001820 17	28/11/2017	28/11/2018	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
89	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (Cơ sở sản xuất)	578 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén Arimidex (anastrozol 1mg)	U.S. cGMP	9B9W-MB3Z	02/01/2018	13/12/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Astra Zeneca UK Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK 10 2NA, UK		EU GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0033	07/03/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
90	Laboratorios Bago S.A	Calle Ciudad de Necochea entre las calles Ciudad de Mar del Plata y Av. Matienzo. Parque Industrial de La Rioja, Provincia de La Rioja, Argentina	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Trifamox IBL 1000 (Amoxicillin 500mg (dưới dạng amoxicillin trihydrate), sulbactam 500mg (dưới dạng pivsulbactam))	PIC/S GMP	20132019 001 821 17	28/11/2017	28/11/2018	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
92	Ta Fong Pharmaceutical Co. Ltd	11, An-Tou Lane, Yen-Ping Li, Changhua City, Taiwan, ROC	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm sản xuất vô trùng và tiết trùng cuối (bao gồm cả sản phẩm hóc môn). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch, thuốc kem mỡ, viên bao phim (viên nén, cốm, bột), viên nang, thuốc đạn	PIC/S GMP	4145	26/01/2018	09/03/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
93	Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.P.A	Via Matteo Civitali, 1-20148 Milano (MI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa corticosteroid, thuốc uống dạng lỏng chứa corticosteroid, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc ngậm (lozenges), thuốc dạng bán rắn chứa corticosteroid, viên nén, viên nén được liệu, viên nén bao phim.	EU GMP	IT/175-1/H/2017	21/09/2017	11/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
94	Lek Pharmaceuticals d.d	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana), Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hóc môn hoặc chất chứa hoạt tính hóc môn, thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	450-40/2017-1	29/11/2017	25/05/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
95	Medica Korea Co., Ltd	96, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén, viên nén bao phim, viên nang	PIC/S GMP	2018-D1-0141	17/01/2018	09/11/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
97	Clarix Injectables Limited	Chacharwadi-Vasana, Ahmedabad, In 382213, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Nhũ tương.	EU GMP	UK GMP 20752 Insp GMP 20752/1387 5-0011	17/08/2017	26/06/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
99	Bristol Myers Squibb S.R.L	Loc Fontana Del Ceraso - 03012 Anagni (FR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm monobactams (ví dụ: Aztreonam, Tigemonam)); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	IT/118-1/H/2017	21/06/2017	31/03/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
100	SUN Pharmaceutical Industries Ltd. India, Halol	Baroda Highway, Halol, Gujarat, 389350, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon, gây độc tế bào): Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	NL/H 17/2001782	02/01/2018	25/08/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
101	Unique Pharmaceutical Laboratories	Plot Nos 215-219, 304-308, GIDC Industrial Area, Panoli, Dist. Bharuch - 394 116, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn.	EU-GMP	MT/002HM/2018	15/01/2018	03/10/2020	The Medicines Authority of Malta		2
102	Purdue Pharmaceuticals L.P (Cơ sở sản xuất)	4701 Purdue Drive, Wilson, NC 27893, USA	* Các thuốc viên nén giải phóng kéo dài: - Oxycontin 10mg (hoạt chất Oxycodone HCl 10mg); - Oxycontin 20mg (hoạt chất Oxycodone HCl 20mg).	US-GMP	MSWV-VH9K; GNPB-B3KT	21/02/2018	20/02/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Sharp Corporation (Cơ sở đóng gói)	7451 Keebler Way, Allentown, PA 18106, USA								
105	PJSC SIC, "Borshchahivskiy Chemical-Pharmaceutical Plant"	17 Mira St., Kyiv, 03134, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm beta-lactam; * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	ZVA/LV/2016/008H	08/07/2016	08/04/2019	State Agency of Medicines of the Republic of Latvia (ZVA)		2
106	Scientific industrial Centre "Borshchahivskiy chemical-pharmaceutical plants" Public Joint-stock Company	17 Myru str., Kyiv, 03134, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm chứa nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm, thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc từ dược liệu.	PIC/s-GMP	006/2016/SAUMP/GMP	09/02/2016	15/01/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
Đợt 56 (theo Công văn số 10516/QLD-CL ngày 07/06/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	Hoe Pharmaceuticals Sdn. Bhd.	Lot 10, Jalan Sultan Mohamed 6, Kawasan Perindustrian Bandar Sultan Suleiman, 42000 Pelabuhan Klang, Selangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa steroid) : thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc xít. * Thuốc dược liệu.	PIC/S-GMP	212b/17	20/07/2017	17/02/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
2	Dragenopharm Apotheker Püschl GmbH	Göllstraße 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc bột; thuốc cốm; viên nang mềm (coating of soft shell capsules). * Thuốc được liệu; Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1085	11/12/2017	14/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
3	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk (Cơ sở sản xuất)	Bunsenstraße 4, 22946 Trittau, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm, truyền và hít Gernebcin 80mg/2mL (Tobramycin 80mg/2ml) Tên lưu hành tại Việt Nam: Medphatobra 80, SDK: VN-19091-15.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0005	05/02/2018	09/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	medphano Arzneimittel GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Maienbergstraße 10-12, 15562 Rüdersdorf, Germany		EU-GMP	DE_BB_01_GMP_2017_1008	18/08/2017				
4	SC ZENTIVA SA	Bulevardul theodor pallady 50, Sector 3, Bucharest, RO - 032266, Romania	* Sản phẩm: Omeprazole 20mg Gastro-Resistant Hard Capsules. Tên tại Việt Nam: Mepraz 20mg Gastro-Resistant Hard Capsules (Omeprazole 20mg)	EU GMP	PP10153040	12/12/2017	01/03/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
5	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany Cách ghi khác: Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; pellet; * Thuốc sinh học khác: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1039	18/09/2017	11/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
7	Recipharm Strängnäs AB	Mariefredsvägen 35, Strängnäs, 645 41, Sweden	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Viên nén; viên bao phim; + Thuốc cốm chứa Penicillin.	EU-GMP	5.9.1-2017-019451	08/03/2017	16/08/2019	Medical Products Agency (MPA), Sweden	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Neovii Biotech GmbH	Am Haag 5,6,7 82166 Gräfelfing Germany	* Các sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch (dung dịch đậm đặc pha tiêm Grafalon Anti- human T-lymphocyte Immunoglobulin from rabbits 20mg/ml)	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0028	14/03/2018	25/09/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
9	UNITHER INDUSTRIES	Zone Industrielle le Malcourlet, GANNAT, 03800, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột; thuốc cốm; viên đặt chứa hormone; Viên nén. * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	HPF/FR/173/2016	09/08/2016	29/04/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
10	Kopran Limited	Village Savroli, Khalapur, Raigad, Maharashtra, IN-410202, India	* Plant I: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; viên nén. * Plant II: Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm beta lactam: viên nang cứng; viên nén; viên bao.	EU-GMP	UK GMP 14967 Insp GMP 14967/5900-0010	01/12/2016	30/09/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
11	Bayer Pharma AG	Bayer Pharma AG Kaiser-Wilhelm-Allee 1, 51373 Leverkusen, Germany (* Cách ghi cũ: Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô (bao gồm cả chứa hormon); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1047	22/12/2017	23/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
12	Bayer AG	Bayer AG Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc có hoạt tính hormon): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả thuốc uống hệ thẩm thấu) trừ viên nén chứa Prednison; viên nang chứa bột hít; viên bao phim.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2016_0044	01/01/2017	23/01/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
13	Laboratorio Pablo Cassara S.R.L.	Carhue 1096 (Zip code: C1408GBV), city of Buenos Aires, Argentine Republic	* Sản phẩm: Betahema, solution for Injection (rHu Erythropoietin beta 2000 IU/1ml);	PICS GMP	20132020 000101 18	15/03/2018		National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
		(* Cách ghi khác: Carhue 1096 (C1408GBV), Ciudad de Buenos Aires, Argentine Republic)	* Sản phẩm: Epocassa (rHu Erythropoietin 2000 IU/1ml; 4000 IU/1ml; 10000 IU/1ml).		20132020 000212 18 20132020 000213 18 20132020 000214 18	15/03/2018	15/03/2019			
			* Sản phẩm Neutrofil 30 & 48 (Filgrastim 30MU/1ml & 48 MU/1,6ml)		20132020 000220 18 20132020 000219 18	19/03/2018				
14	Shenyang Sunshine Pharmaceutical Co., Ltd	No 3 A1, 10th Road, Economic & Technology Development Zone, Shenyang, Liaoning Province, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch. * Cụ thể các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy 2: Emavail 2000 IU/ml, 3000 IU/ml, 4000 IU/ml, 10000 IU/ml Erythropoietin alfa người tái tổ hợp; Emaplug 7500 IU/ml, 15000 IU/ml Trombopoietin người tái tổ hợp.	PIC/S GMP	036/2017/GMP	26/07/2017	06/05/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
15	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở sản xuất)	Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia. (Cách viết khác: Verovskova 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Tensiber Plus (Irbersartan 150mg và Hydrochlorothiazide 12,5mg). + Viên nén bao phim Periloz Plus (Perindopril tert-butylamine 4mg và Indapamide 1,25mg). Tên tại Việt Nam: Periloz Plus 4mg/1,25mg	EU GMP	401-25/2017-5	24/01/2018	30/09/2018	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở đóng gói)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia. (Cách viết khác: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)		EU-GMP	450-40/2017-6	29/11/2017		Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		
16	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. - FTO Unit 2	Survey No. 42, 45 & 46, Bachupally Village, Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc cổm.	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0013	29/01/2018	19/01/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Croma - Pharma GmbH	Industriezeile 6 und Cromazeile 2, 2100 Leobendorf, Austria	* Thuốc vô trùng + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn: Lọ chứa hyaluronic acid đậm đặc (gel) và syringes đóng sẵn chứa hyaluronic acid hoặc HPMC đậm đặc (gel)	EU-GMP	INS-480485-0038-001 (1/2)	27/04/2017	27/11/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	1	
18	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. Formulation FTO-7	Block A and B, Plot No. P1 to P9, Phase III, Duvvada, VSZE, Visakhapatnam, Andhra Pradesh 530046, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1066	20/11/2017	31/12/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern)		2
19	Laboratoire Aguettant	Lieu-dit Chantecaille, CHAMPAGNE, 07340, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/FR/048	20/02/2018	19/10/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
20	Cipla Ltd.	Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna, salcette 403722 Goa Pin, India	* Địa chỉ: Plot No L-139 (L-139 đến L-146): + Unit 1: Thuốc xịt mũi, + Unit 2: Thuốc hít phân liều, + Unit 3: Viên nén; dạng bào chế bán rắn, + Unit 4: Viên nén, viên nang cứng. * Địa chỉ: Plot S-103 (S-103 đến S-105, S-107 đến S-112, L-147, L-147/1 đến L-174/3, L-174-A, L-138) + Unit VII: Viên nén; viên nang cứng, + Unit VII PD II: Viên nén, + Unit VIII: Thuốc chứa hormon: viên nén, dạng bào chế bán rắn. + Unit X: Thuốc chứa chất độc tế bào: viên nén; viên nang cứng. * Địa chỉ: M-62 (M61, M-62, M-63): + Unit IX: Siro khô.	PIC/S GMP	282a/17	24/07/2017	20/01/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Douglas Manufacturing Ltd	Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610, New Zealand	* Thuốc chứa kháng sinh (không bao gồm nhóm penicillin và cephalosporin): Thuốc kem; viên nang cứng; dung dịch; viên nén. * Thuốc chứa hormon và steroid: Thuốc kem; viên nang mềm; kem dưỡng; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Các chế phẩm (không bao gồm vitamin) có liều nhỏ hơn hoặc bằng 5mg: Viên nang cứng; viên nang mềm; Elixir; Siro ho; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Thuốc chống ung thư, thuốc ức chế miễn dịch (không bao gồm steroid): Viên nang mềm; viên nén. * Thuốc khác: Thuốc kem; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống nhỏ giọt; Elixir; Gel; siro ho; kem dưỡng; thuốc mỡ; thuốc bột; dầu gội; dung dịch; hỗn dịch; siro; viên nén.	PIC/S-GMP	TT60-42-16-3-3	23/03/2017	23/09/2018	Medicines and Medical Devices Safety Authority (Medsafe), New Zealand		2
22	Prasfarma SL	C/ Sant Joan, 11-15 08560 Manlleu (Barcelona), Spain	Thuốc chứa thuốc độc tế bào, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	NCF/1739/01/CAT	17/11/2017	16/06/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
24	Sanofi Winthrop Industrie (* Cách viết khác: Sanofi Winthrop Industrie - Maisons Alfort)	180 rue Jean Jaurès, Maisons-Alfort, 94700, France (Cách viết khác: 180 rue Jean Jaurès, 94702 Maisons-Alfort Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa chất độc tế bào). * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2018/HPF/F R/024	23/01/2018	22/12/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
26	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa dược chất nhạy cảm cao): dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc chứa dược chất độc mạnh và chất có nguy cơ quái thai): dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	IWZJ.405.24.2018.MG.1. WTC/0105_02_04/39	01/03/2018	06/12/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Sofar S.P.A	Via Firenze, 40 - 20060 Trezzano Rosa (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid); thuốc bột; thuốc cốm; viên ngậm; thuốc dạng khí dung; dạng bào chế bán rắn; viên nén. * Sản phẩm: Dung dịch bơm hậu môn Clisma-lax (Natri monobasic phosphat khan 13.91g, Natri dibasic phosphat khan 3.18g).	EU-GMP	IT/64-1/H/2018	20/02/2018	13/07/2020	AIFA Italian Medicines Agency	1	
28	Orion Corporation (hoặc Orion Oyj hoặc Orion pharma)	Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360, Finland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon; Thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bột dùng ngoài da; Gel chứa hormon, mỡ; Viên nén chứa hormon, độc tế bào.	EU-GMP	7038/06.08.00.04/2017	04/12/2017	20/04/2020	Finnish Medicines Agency, Inspectorate	1	
29	Laboratorios Salvat, SA	Gall, 30-36, 08950, Esplugues De Llobregat, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn.	EU-GMP	NCF/1732/02/CAT	17/10/2017	07/07/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
30	PORTON BIOPHARMA LIMITED	MANOR FARM ROAD, PORTON DOWN, SALISBURY, SP4 0JG, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; Độc tố và giải độc tố Botulinum; Enzym từ vi khuẩn (Erwinia L-asparaginase); Giải độc tố từ vi khuẩn.	EU-GMP	UK MIA 44403 Insp GMP/IMP 44403/1316 7-0019	07/02/2017	23/11/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
31	BSP Pharmaceuticals S.P.A	Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào: Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng; Dung dịch thể tích nhỏ và bột đông khô sản xuất vô trùng, dung dịch thể tích nhỏ tiết trùng cuối.	EU-GMP	IT/69-31/H/2017	07/04/2017	13/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
32	Sun Pharmaceutical Medicare Limited	Survey No. 22 & 24, Village: Ujeti, Post: Baska, Tal. Halol - 389 350, Dist: Panchmahal, Gujarat, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc nhỏ mắt.	PIC/S GMP	447c/17	27/12/2017	10/03/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Pierre Fabre Medicament Production - Gien	Site Progipharma, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén; thuốc cốm; khí dung; viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/300/2017	07/12/2017	15/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
34	CSL Behring LLC	Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA (* Cách ghi khác: P.O. Box 511 Kankakee, IL 60901, USA hoặc Kankakee, IL 60901, USA)	* Sản phẩm: Albumin (Human) USP, Albuminar®; 25% 50 mL (Albumin 12.5g/50mL)	U.S. cGMP	U76V-RNSF WHO	08/03/2018	07/03/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
35	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Bunsenstrasse (hoặc Bunsenstraße) 4, 22946 Trittau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hóa môn và các chất có hoạt tính hóa môn); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn; * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0005	05/02/2018	09/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)	1	
36	Sandoz GmbH - Organisationseinheit/Business Unit Anti-Infectives FDF (AI-FDF Kundl) (hoặc Sandoz GmbH hoặc Sandoz GmbH-TechOps hoặc Sandoz GmbH-Organisationseinheit/Business Unit TechOps)	Biochemiestrasse (hoặc Biochemiestraße) 10, 6250 Kundl (hoặc A-6250 Kundl hoặc AT-6250 Kundl hoặc Kundl, 6250), Austria	* Thuốc vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin): Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim; viên nhai; thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	INS-481921-0123-001 (1/10)	13/03/2018	25/10/2020	Austrian Medicines and Medical Devices Agency (AGES)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
38	Baxter AG	Industriestrasse 67, 1221 Wien, Austria (các điểm SX: Lange Allee 8, Lange Allee 24, Lange Allee 91, Industriestrasse 20, Industriestrasse 72, Industriestrasse 131, Benatzkygasse 2-6, Pasettistrasse 76)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ, * Thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; chế phẩm điều trị gen, thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU GMP	INS-480001-0188-001 (5/5)	27/04/2017	02/05/2019	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
39	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.P.A	Via De Ambrosiis 2/6 - 15067 Novi Ligure (AL), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô (chứa hoạt chất là dẫn chất hoặc chiết xuất từ mô, tế bào động vật); dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/190-1/H/2017	12/10/2017	29/09/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	
40	Laboratorios Atral, S.A.	Rua da Estacao no. 42, Vala do Carregado, Castanheira do Ribatejo, 2600-726, Portugal	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép; thuốc bột chứa cephalosporin và các betalactam; + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bột chứa kháng sinh nhóm cephalosporin và betalactam; thuốc dạng bán rắn, thuốc đạn, viên nén, viên đặt.	EU GMP	F015/S1/MH/001/2017	11/09/2017	15/12/2019	Portugese National Authority of Medicines and Health Products, IP	1	
41	Replek Farm Ltd. Skopje	Kozle 188, Skopje, 1000, Macedonia, The Former Yugoslav Republic of Macedonia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, thuốc bán rắn, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	409-8/2016-12	15/01/2018	06/10/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		2
43	BIOSE INDUSTRIE	24 avenue Georges Pompidou, AURILLAC, 15004, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc sinh học: Lactobacillus. * Sản phẩm: viên nang Gynophilus (môi trường nuôi cấy đông khô Lactobacillus casei thứ rhamnosus doderleini 341mg)	EU GMP	2018/HPF/F R/058	01/03/2018	21/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Purdue Pharmaceuticals L.P (Cơ sở sản xuất)	4701 Purdue Drive, Wilson, NC 27893, USA	* Các thuốc viên nén giải phóng kéo dài: + Oxycontin 15mg (Oxycodone hydrochloride 15mg);	US-GMP	MDVS-8X7K	21/02/2018	20/02/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
			+ Oxycontin 30mg (Oxycodone hydrochloride 30mg);		ZU7T-P8W8					
			+ Oxycontin 40mg (Oxycodone hydrochloride 40mg);		6X27-8FN8					
			+ Oxycontin 60mg (Oxycodone hydrochloride 60mg);		Y8F7-XN64					
	Sharp Corporation (Cơ sở đóng gói)	7451 Keebler Way, Allentown, PA 18106, USA	+ Oxycontin 80mg (Oxycodone hydrochloride 80mg);		P9BY-V4TQ	26/02/2018	25/02/2020			
45	Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd	1899 Phaholyothin Road, Ladyao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang cứng, thuốc bán rắn, dung dịch thuốc dùng ngoài, dung dịch thuốc uống, thuốc hít; * Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc tiết trùng cuối: thuốc bán rắn.	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00019	20/02/2017	19/02/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
46	Novo Nordisk A/S	Novo Alle, Bagsværd, 2880, Denmark (* Cách ghi khác: Novo Alle, Bagsværd, DK-2880, Denmark)	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU-GMP	DK H 00096518	30/01/2018	28/09/2020	Danish Health and Medicines Authority	1	
47	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH Pfaffenrieder Straße 5, 82515 Wolfratshausen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ ; Hỗn dịch và thuốc xịt mũi. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Hỗn dịch. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng ; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; Viên nén.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1061	24/10/2017	13/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
49	B. Braun Avitum AG	Kattenvenner Str.32 49219 Glandorf, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	DE_BE_04_GMP_2017_1005	29/09/2017	23/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
50	Grifols Biologicals Inc (Cơ sở sản xuất)	5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, CA 90032, USA	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Albutein®Injectable Solution (Albumin 20% : 19-21 g/100ml, purity not less than 96% albumin); (Albumin 25%: 23,75-26,25g/100ml, purity not less than 96% albumin);	EU-GMP	KBRV-APAR WHO	/2018	/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Grifols Biological Inc (Cơ sở đóng gói và dán nhãn)	13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA				08/03	07/03			
51	Arena Group S.A.	Bd. Dunarii nr.54, Oras Voluntari, Jud. Ilfov, cod 077190, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam, corticosteroid); viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid).	EU-GMP	010/2018/RO	12/02/2018	12/01/2021	Romania National Agency for Medicines and Medical Devices	1	
52	Sanofi Vietnam Shareholding Company	Lot I-8-2, D8 Road, Saigon Hitech Park, District 9, Ho Chi Minh City, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc kem; thuốc gel, thuốc mỡ; + Viên nang cứng; + Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; si rô; + Viên nén; viên nén bao phim; + Thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S GMP	MI-2016-CE-09142-1	19/10/2017	18/08/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
54	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Drive, Waco, Texas, 76712, United States (* Cách viết khác: Waco, Texas (TX) 76712 - USA)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt). * Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	18363/M11 938	23/01/2018	13/10/2020	Health Products Regulatory Authority of Ireland	1	
55	Y.S.P. Industries (M) Sdn.Bhd	Lot 3,5 & 7, Jalan P/7, Section 13, Kawasan Perindustrian Bandar Baru Bangi, 43000 Kajang, Selangor, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc nhỏ mắt; + Thuốc sản xuất có tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén; viên nén nhai; viên nén bao phim; viên đặt âm đạo.	PIC/S-GMP	553/18	27/02/2018	19/01/2021	National Pharmaceutical Control Bureau - Malaysia		2
56	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	* Sản phẩm Bronuck ophthalmic solution 0,1%	Japan GMP	6093	26/03/2018	26/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
57	Synthon Hispania, SL	Pol. Ind. Les Salines. c/ Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, pellets, viên bao (bao gồm cả thuốc gây nghiện và hướng thần), gói thuốc bột (sachets).	EU GMP	NCF/1738/01/CAT	16/11/2017	15/11/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
58	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh * Thuốc uống dạng lỏng chứa kháng sinh không betalactam.	PIC/S GMP	5056/CPOB/A/XI/17	27/11/2017	14/12/2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
59	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc viên nén, viên bao không chứa kháng sinh * Thuốc viên nén, viên bao chứa kháng sinh không betalactam	PIC/S GMP	4782/CPOB/A/IX/16	23/09/2016	22/09/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
60	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam).	PIC/S GMP	4935/CPOB/A/III/17	31/03/2017	31/03/2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
61	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: - Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). - Hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ đến 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam).	PIC/S GMP	5137/CPOB/A/II/18	14/03/2018	13/03/2023	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
62	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam).	PIC/S GMP	4613/CPOB/A/XII/15	18/12/2015	31/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
63	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích lớn hơn 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích lớn hơn 100ml (không chứa kháng sinh).	PIC/S GMP	4614/CPOB/A/XII/15	18/12/2015	18/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
64	TTY Biopharm Company Limited (Chungli Factory)	N°838, Sec 1, Chung Hwa Rd, Chungli, Taoyuan, 32069, Taiwan	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ	EU-GMP	BE/GMP/2015/113	08/02/2016	11/12/2018	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		2
65	Eli Lilly Italia S.P.A	V.Gramsci, 731-733 - 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italia	* Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa chế phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc sinh học: Sản phẩm protein tái tổ hợp.	EU GMP	IT/216-1/H/2017	13/11/2017	19/11/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
67	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (Puerto Rico 00778), USA (* Cách ghi khác: State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico, USA)	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 36mg (methylphenidate HCl).	CPP U.S. cGMP	R7WB-V9G3	12/01/2017	11/01/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (Puerto Rico 00778), USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (Puerto Rico 00778), USA (* Cách ghi khác: State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico, USA)	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 54mg (methylphenidate HCl).	CPP U.S. cGMP	UYEV-KYG4	30/12/2016	29/12/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (Puerto Rico 00778), USA								
69	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (Puerto Rico 00778), USA (* Cách ghi khác: State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico, USA)	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 18mg (methylphenidate HCl).	CPP U.S. cGMP	4UBD-SY55	19/12/2016	18/12/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (Puerto Rico 00778), USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
70	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations	Priory Street, Ware, Hertfordshire, SG12 0DJ, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén; viên nén bao phim; Bột để hít (steroids) dạng đơn và đa liều; bột (cốm) pha hỗn dịch uống * Thuốc sinh học chứa Steroids	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/15159-0026	09/02/2018	09/05/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
72	Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc nhỏ mắt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (dung dịch thể tích nhỏ); thuốc công nghệ sinh học (dung dịch thể tích nhỏ).	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018	18/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
73	Merck S.A. de C.V. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Merck S.A. de C.V., Calle 5 No. 7, Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P. 53370, Mexico. (* Cách ghi khác: Calle 5 No. 7, Fraccionamiento Industrial Alce Blanco, C.P. 53370 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, Mexico)	* Sản phẩm: Viên nén Euthyrox (50 microgram, 100 microgram) Tên tại Việt Nam: Levothyrox 50 microgram, Levothyrox 100 microgram	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0043	08/06/2016	2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Merck KGaA (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)			DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018	07/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		
74	Merck KGaA (Cơ sở sản xuất)	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Concor Cor (Bisoprolol fumarate 2.5mg); + Viên nén bao phim Concor (Bisoprolol fumarate 5mg); + Viên nén bao phim Lodoz 2,5mg/6,25mg (Bisoprolol fumarat 2.5mg, hydrochlorothiazid 6.25mg); + Viên nén bao phim Lodoz 5mg/6,25mg (Bisoprolol fumarat 5mg, hydrochlorothiazid 6.25mg); + Viên nén bao phim Lodoz 10mg/6,25mg (Bisoprolol fumarat 10mg, hydrochlorothiazid 6.25mg).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018	18/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Merck KGaA & Co. Werk Spittal (Cơ sở đóng gói)	Hösslasse 20, 9800 Spittal an der Drau, Austria (* Cách ghi khác: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau, Austria)			INS-480021-0053-001 (3/25)	27/02/2017		Austrian Federal Office for Safety in Health Care (AGES)		
75	Pfizer (Perth) Pty Ltd	15 Brodie Hall Drive Technology Park, Bentley WA 6102, Australia	* Thuốc vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ); dung dịch thuốc; thuốc tiêm (bao gồm cả các chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch rửa vết thương. * Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ).	PIC/S-GMP	MI-2016-LI-11771-1	28/09/2017	24/03/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
76	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH - Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1 79090 Freiburg Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính cao); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm và pellet (bao gồm cả thuốc chứa dược chất có hoạt tính cao); viên nén và viên bao (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính cao).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1070	09/10/2017	29/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
77	GlaxoSmithKline Manufacturing S.P.A.	Strada Provinciale Asolana N. 90 (loc. San Polo) - 43056 Torrice (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; Prostaglandins/Cytokines; vắc xin vi khuẩn bất hoạt; DNA protein tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc tiêm dạng Liposomal (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch thuốc uống; viên nén (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). * Thuốc sinh học: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt; sản phẩm Protein/DNA tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng. * Sản phẩm cụ thể: Bột pha dung dịch truyền tĩnh mạch Hycamtin 4mg (Topotecan (dưới dạng Topotecan HCl) 4mg)	EU-GMP	IT/6-1/H/2018	08/01/2018	29/09/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
78	Baxter Oncology GmbH	Baxter Oncology GmbH Kantstraße 2 33790 Halle/ Westfalen Germany (*Cách ghi khác: Kantstrasse 2 D-33790 Halle, Germany)	* Thuốc vô trùng (chứa hormon, chất độc tế bào, chất ức chế miễn dịch): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (chứa protein/DNA tái tổ hợp, hormon được tách từ nước tiểu người).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2017_1001	23/05/2017	18/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
79	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	2 Woodlands Ind Park D Street 2 Singapore 737778	Thuốc vô trùng dạng lỏng (không bao gồm thuốc tiêm).	PIC/S-GMP	M00190	16/04/2018	06/05/2019	Health Sciences Authority, Singapore		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
80	Lomapharm Rudolf Lohmann GmbH KG	Lomapharm Rudolf Lohnmann GmbH KG Langes Feld 5, 31860 Emmerthal, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa ciclosporin). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (viên nén bao phim, viên bao, thuốc bột, thuốc cốt); viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (không bao gồm có nguồn gốc từ người hoặc từ não, mô động vật); enzym; corticosteroid. * Thuốc từ dược liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2017_1019	17/10/2017	03/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
81	Vuab Pharma a.s	Vltavska 53, 252 63 Roztoky, Czech	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon).	EU GMP	sukls251187/2016	01/03/2017	15/12/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
82	Hetero Drugs Limited	Unit-III, TSII-Formulation SEZ, Sy. No. 458 (Part), Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District - 509301, Telangana, India	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền RILAST 100/Rituximab. + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền RILAST 500/Rituximab.	PIC/S GMP	DI-2017-10927-APN-ANMAT#MS	20/10/2017	20/10/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
83	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Site Progipharm, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Sản phẩm: Viên nén Tanganil (SDK: VD-26608-17)	EU-GMP	HPF/FR/300/2017	07/12/2017	08/08/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam (Cơ sở đóng gói)	Lô 1, đường 4A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		WHO-GMP	95/GCN-QLD	12/02/2015		Cục Quản lý dược Việt Nam		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
84	Novartis Consumer Health SA	Route de l'Etraz 2, 1260 Nyon, Switzerland	* Dạng bào chế lỏng: Otrivin Schnupfen 0,1% dosierspray và Otrivin children 0,05% dosierspray , Otrivin Schnupfen 0,1% lösung và 0,05% lösung. * Dạng bào chế bán rắn: Voltaren Emulgel 1%, Voltaren Emulgen 12hours; Lamisil 1% cream	PIC/S-GMP	17-1822	13/09/2017	07/04/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
85	Laboratoires Galeniques Vernin	20 Rue Louis-Charles Vernin, Dammarie-Les-Lys, 77190, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim; thuốc đạn.	EU-GMP	HPF/FR/047/2017	23/02/2017	24/01/2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety Agency (ANSM)	1	
86	PHIL INTER PHARMA COMPANY LIMITED	NO. 20, HUU NGHI BOULEVARD, VSIP, THUAN AN, BINH DUONG, VN-590000, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	EU-GMP	UK GMP 46387 Insp GMP 46387/1467 3770-0001	20/12/2016	11/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
Đợt 57 (theo Công văn số 11568/QLD-CL ngày 21/06/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	Merck Sante s.a.s	2 rue du Pressoir Vert, 45400 Semoy, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	HPF/FR/126/2017	17/05/2017	03/02/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
2	Merck Sante s.a.s (Cơ sở sản xuất)	2 rue du Pressoir Vert, 45400 Semoy, France	Sản phẩm: Thuốc viên nén phóng thích kéo dài Glucophage XR (Metformin 500mg)	EU-GMP	HPF/FR/126/2017	17/05/2017	03/02/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France		2
	PT. Merck Tbk (Cơ sở đóng gói)	JL. TB Simatupang No. 8 Pasar Rebo Jakarta Timur 13760, Indonesia (hoặc JL. TB Simatupang No. 8 Pasar Rebo Jakarta 13760, Indonesia)		PIC/s-GMP	4832/CPOB/A/XII/16	16/12/2016		National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		
3	Laboratoires Mayoly Spindler	6 avenue de l'Europe, 78400 Chatou, France Cách ghi khác: 6 avenue de l'Europe, 78401 Chatou, France	* Thuốc vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	HPF/FR/162/2016	26/07/2016	30/03/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	Madaus GmbH	Madaus GmbH Lütticher Straße 5, 53842 Troisdorf, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc xịt mũi); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm, pastilles); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1028	22/08/2017	28/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
5	Jin Yang Pharm. Co., Ltd.	34 Sinpyeong-ro, Jijeong-myeon, Wonju-si Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng; sirô khô	PIC/s - GMP	2018-B1-0152	26/04/2018	21/03/2020	Seoul Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
7	CIS BIO INTERNATIONAL - GIF SUR YVETTE	Route Nationale 306, Saclay BP 32, GIF SUR YVETTE, 91192, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ). * Thuốc phóng xạ không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; máy tạo hạt nhân phóng xạ. * Thuốc phóng xạ sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	HPF/FR/288/2017	23/11/2017	21/02/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
9	LG Chem, Ltd.	129, Seokam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Republic of Korea	Thuốc sinh học: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2017-F1-0034	24/01/2017		Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
10	Famar Orleans	5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn; viên nén.	EU-GMP	HPF/FR/100/2017	04/04/2017	09/09/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
11	Bayer Weimar GmbH und Co.KG	Bayer Weimar GmbH und Co.KG Döbereinerstraße 20, (hoặc Dobereinerstrasse 20) 99427 Weimar, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén và viên nén bao phim (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2017_1020	28/08/2017	27/04/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	Vitex Pharmaceuticals Pty Ltd	4 Alspec Place, Eastern Creek NSW 2766, Australia	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm tan trong ruột; viên nang cứng; viên nén bao phim; viên nén bao tan trong ruột; viên nén sủi; viên nang tan trong ruột; viên nén; viên nang mềm; viên nhai.	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-11693-1	18/10/2017	28/07/2020	Therapeutic Goods Administration, Australia	1	
13	BIOCODEX - BEAUVAIS	1 avenue Blaise Pascal, BEAUVAIS, 60000, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm, thuốc bột; dạng bào chế bán rắn, thuốc bột sủi bọt. * Thuốc sinh học: thuốc chứa men <i>Saccharomyces boulardii</i> .	EU-GMP	HPF/FR/030/2018	26/01/2018	20/03/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
14	Delpharm Tours (cơ sở sản xuất)	rue Paul Langevin 37170, Chambray Les Tours, France	* Dung dịch tiêm Acupan (nefopam 20mg)	EU GMP	2018/HPF/F R/104	13/04/2018	12/06/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Biocodex (cơ sở xuất xưởng)	1, avenue Blaise Pascal, 60000 Beauvais, France			HPF/FR/030/2018	26/01/2018				
15	Medochemie (Far East) Ltd., (Aseptic Cephalosporin Facility)	No 10, 12 and 16, VSIP II-A, Street 27, Vietnam-Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan commune, Tan Uyen town, Binh Duong province, Vietnam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh Cephalosporin.	EU-GMP	MED10/2017/001	14/06/2017	15/03/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus		2
16	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o.	30, Podstoczysko Street, 07-300 Ostrów Mazowiecka, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột sủi, bột pha dung dịch uống, viên nén * Thuốc từ dược liệu: viên nang cứng	EU-GMP	IWZJ.405.17.2018.MG.1	21/02/2018	30/11/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
17	Eli Lilly and Company (Cơ sở sản xuất)	Lilly Corporate Center., Indianapolis, Indiana 46285, Estados Unidos/U.S.A.	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Humilina Regular 100 UI/ml (Insulin người hòa tan PRB) - Tên tại Việt Nam: Humulin R	EU GMP	2018/01176	08/05/2018	08/05/2019	Spanish Agency of Drugs and Health Products (AEMPS)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			Dung dịch tiêm Humilina NPH 100 UI/ml (Insulin người isophane PRB) - Tên tại Việt Nam: Humulin N		2018/01175	08/05/2018	08/05/2019			
	Lilly, S.A. (Cơ sở đóng gói, dẫn nhãn và xuất xưởng)	Avda de la Industria 30, 28108 Alcobendas (Madrid), Spain	Dung dịch tiêm Humilina 30:70 100 UI/ml (Insulin người isophane PRB, Insulin người hòa tan PRB) - Tên tại Việt Nam: Humulin 70/30		2018/01177	08/05/2018	08/05/2019			
18	Lilly France	Zone Industrielle, 2 rue du Colonel Lilly, Fegersheim, 67640, France	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng chứa hóc môn: dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô. * Thuốc sinh học: - Sản phẩm công nghệ sinh học	EU GMP	2018/HPF/FR/097	02/04/2018	23/02/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
19	Lilly S.A.	Avda de la Industria, 30, Alcobendas, 28108 Madrid, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén;	EU GMP	ES/052HVI/18	25/04/2018	12/03/2021	Spanish Agency of Drugs and Health Products (AEMPS)	1	
20	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte. Ltd. (Cơ sở sản xuất)	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	sản phẩm: thuốc viên nén Uperio 50mg (Sacubitril/ valsartan 24mg/26mg), Uperio 100mg (Sacubitril/ valsartan 49mg/51mg); Uperio 200mg (Sacubitril/ valsartan 97mg/103 mg)	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2017_1005	03/01/2017	16/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
	Novartis Farma SpA (Cơ sở đóng gói)	Via Provinciale Schito 131, 80058 Torre Annunziata (NA), Italy		EU GMP	IT/126-3/H/2017	27/06/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	FAREVA AMBOISE	Zone Industrielle, 29 route des Industries, POCE SUR CISSE, 37530, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (chứa chất có hoạt tính hormon); viên nén bao phim, thuốc bột pha hồ dịch uống, thuốc dán qua da (dị ứng nguyên)(bao gồm cả thuốc có nguồn gốc sinh học).	EU-GMP	2018/HPF/F R/074	15/03/2018	24/02/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
22	Laboratories Sterop NV	Scheutlaan 46-50, Brussel, 1070, Belgium	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (có chứa hoạt chất hormon) - Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (có chứa hoạt chất kim tế bào cytostatic).	EU-GMP	BE/GMP/20 16/066	20/01/2017	15/09/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products of Belgium	1	
23	Swiss Caps AG	Husenstrasse 35, 9533 Kirchberg, Switzerland	Dạng bào chế bán rắn chứa hormon, ester của acid béo, dẫn chất của Vitamin D và Retinoic	PIC/S-GMP	18-0671	19/03/2018	16/03/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products	1	
24	Laboratoires Galderma - Alby Sur Cheran	ZI Montdésir, Alby Sur Cheran, 74540, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	2018/HPF/F R/017	01/03/2018	04/03/2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
25	Wyeth Lederle S.R.L.	Via Franco Gorgone Z.I. - 95100 Catania (CT), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô chứa kháng sinh nhóm Penicillin, dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào.	EU GMP	IT/11-1/H/2018	11/01/2018	20/04/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
26	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd	174, Sirok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea	Thuốc chứa Cephalosporin: Viên nén; viên nang; siro thuốc; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2017-G1-1339	06/01/2017	23/05/2020	Daejeon Regional Food & Drug Administration		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka-shi, Mie, Japan	* Thuốc tiêm Methycobal injection 500µg	Japan GMP	2777	26/09/2016	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
28	Kern Pharma, SL	Polígon Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, thuốc đông khô (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon) + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn, thuốc đạn	EU-GMP	NCF/1807/04/CAT	28/02/2018	27/11/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
29	Hetero Labs Limited	Unit III Formulation Plot No 22 - 110 IDA, Jeedimetla, Hyderabad, 500 055 Telangana, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU-GMP	ES/065HV/17	22/06/2017	03/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha		2
30	Sun Pharmaceuticals Industries Limited	Village Ganguwala, Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh 173025, India	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NL/H 17/2001788	06/03/2018	12/10/2020	Health and Youth Care Inspector - Pharmaceutical Affairs Netherlands		2
31	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH (Cơ sở sản xuất dung môi)	Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm và ống dung môi Zomacton (Somatropin 4mg).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0107	12/09/2016	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất lọ thuốc bột)	Wittland 11, 24109, Kiel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
33	Zentiva, k.s. Cơ sở sản xuất	U Kabelovny 130, 102 37 Praha 10 - Dolni Mecholupy, Czech	Sản phẩm Glypressin 0,1mg/ml	EU GMP	sukls79633/2016	21/07/2016	03/05/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
	Ferring-Léčiva, a.s Cơ sở xuất xưởng	Ke Skále 455 252 42 Vestec u Prahy, Czech		EU GMP	sukls243350/2016	29/11/2016		State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic		
34	F. Hoffmann La Roche AG (* Cách ghi khác: <i>F. Hoffmann La Roche Ltd</i>)	Betriebsstandort Kaiseraugst (Parenterals), 4303 Kaiseraugst, Switzerland (* Cách ghi khác: <i>Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland</i>)	* Thuốc vô trùng (bao gồm thuốc sản xuất vô trùng, thuốc tiết trùng cuối): dung dịch tiêm; dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền và bơm tiêm đóng sẵn. * Chế phẩm sinh học: sản phẩm tái tổ hợp; kháng thể lai và đơn dòng.	PIC/S GMP	No. 17-2009	30/01/2018	06/11/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
35	Leopard Medical brand Co., Ltd	19/5 Petchkasem road, Thaphaya, Nakorn Chaisri, Nakorn Pha Thom, 73120, Thailand	* Thuốc dùng ngoài dạng lỏng * Thuốc uống dạng lỏng * Thuốc bán rắn	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00038	12/09/2017	11/09/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
36	Pacific Pharmaceuticals Limited	30th km Multan road Lahore PK-54500, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, thuốc dạng bào chế bán rắn	EU GMP	UK GMP 34193 Insp GMP 34193/6558 58-0001	01/06/2017	31/05/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
37	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd	128 Shin Min Road, Chia Yi, Taiwan	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm; hỗn dịch tiêm * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc; thuốc kem; thuốc mỡ; viên nén; viên nén bao phim; viên nang	PIC/S GMP	4257	28/03/2018	17/05/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
38	Niche Generics Limited	Unit 5, 151 Baldoyle Industrial Estate, Dublin 13, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén	EU GMP	15604/M10 12	06/09/2017	13/04/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
39	Beaufour Ipsen Industrie	Rue Ethé Virton, Dreux, 28100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén.	EU GMP	2018/HPF/F R/046	07/02/2017	14/08/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
40	Kern Pharma, SL	Polígono Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain (Cách ghi khác: Venus, 72- Poligono Industrial Colon II, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon) + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn, thuốc đặt.	EU-GMP	NCF/1807/0 04/CAT	28/02/2018	27/11/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
41	Pharma Developpment - Corbigny	Zone Industrielle, chemin de Marcy, Corbigny, 58800, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Thuốc được liệu.	EU GMP	2018/HPF/F R/044	09/02/2018	31/03/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
42	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited	Survey No. 199 to 201, 208 to 210, Village - Vasana - Chacharwadi, Tal: Sanand, District - Ahmedabad, 382213, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S GMP	M007/18	06/03/2018	10/11/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
43	Delpharm Reims	10 rue Colonel Charbonneaux, Reims, 51100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén; viên nén bao đường.	EU-GMP	HPF/FR/298 /2017	04/12/2017	05/02/2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co.Kg	Eisenbahnstr. (hoặc Eisenbahnstrasse) 2-4 88085 Langenargen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm sinh học: sản phẩm có nguồn gốc từ huyết tương (plasma); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0077	01/07/2016	30/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
45	Korea United Pharm Int'l JSC.	No. 2A, Tu Do Boulevard, Vietnam-Singapore Industrial Park, Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên bao phim, viên bao đường	PIC/S GMP	2017-G1-0809	03/04/2017	09/12/2018	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety		2
Đợt 58 (theo Công văn số 13697/QLD-CL ngày 17/07/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	Beaufour Ipsen Industrie	rue Ethé Virton, Dreux, 28100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén, viên bao. * Thuốc dược liệu	EU GMP	2018/HPF/FR/121	26/04/2018	22/12/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
2	Laboratorios Bago S.A	Calle Ciudad de Necochea entre las calles Ciudad de Mar del Plata y Av. Matienzo. Parque Industrial de La Rioja, Provincia de La Rioja, Argentina	* Bột pha hỗn dịch uống Trifamox IBL 500, Powder for Oral Suspension (Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) 250mg/5ml, sulbactam (dưới dạng piv sulbactam) 250mg/5ml)	PIC/S GMP	20132019 000342 18	15/05/2018	15/05/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
3	Klonal S.R.L	Lamadrid 802, Quilmes, Province of Buenos Aires, Argentine Republic	* Sản phẩm: Bột pha tiêm Suklocef (1 lọ gồm: Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 1g; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0,5g)	PIC/S GMP	20132020 000303 18	14/05/2018	14/05/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
5	Biocad	Petrovo-Dalneye, Krasnogorsky district, Region of Moscow, 143422, Russia	* Sản phẩm: - INTERDUM/RITUXIMAB concentrate for solution for infusion, injectable solution; Tên sản phẩm: Acellbia®, concentrate for solution for infusion, 10mg/ml (Rituximab 10mg/ml) - CIZUB/BEVACIZUMAB concentrate for solution for infusion, injectable solution; Tên sản phẩm: Avegra®BIOCAD, concentrate for solution for infusion, 25mg/ml (Bevacizumab 25mg/ml) -TRASTUMAB/TRASTUZUMAB concentrate for solution for infusion, injectable solution.	PIC/S GMP	DI-2018-241-APN-ANMAT#MS	12/01/2018	12/01/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
6	LG Chem, Ltd.	129, Seokam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Republic of Korea	Thuốc sinh học: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2018-F1-0036	06/03/2018	06/03/2019	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
7	Hetero Labs Limited	Unit-VI, TSIC, Formulation SEZ, Sy No. 410 & 411, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar-District, Telangana, Pin-509301, India	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/kìm tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/kìm tế bào: Viên nén.	EU GMP	17/03742-22	08/01/2018	24/08/2020	Norwegian Medicines Agency (NOMA)		2
8	Zambon Switzerland Ltd	Via Industria 13, 6814 Cadempino, Switzerland	* Thuốc vô trùng (trừ kháng sinh nhóm Penicillin): + Thuốc sản xuất vô trùng : Thuốc bột pha tiêm; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S GMP	17-1469	20/07/2017	15/12/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	Boehringer Ingelheim do Brasil Quimica e Farmaceutica Ltda.	Rod. Regis Bittencourt (BR 116), km 286, 06888-700 Itapeverica da Serra - Sao Paulo, SP, Brazil (* Cách ghi khác: Rodovia Régis Bittencourt, km 286, Itapeverica da Serra, SAO PAULO, CEP 06888-700, Brazil)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc xịt mũi. * Sản phẩm cụ thể: + Dung dịch khí dung: Berodual solution; + Dexa Rhinospray.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1018	27/10/2017	20/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
10	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất lọ vắc xin)	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: Vắc xin M-M-R®II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD); Tên lưu hành tại Việt Nam: Vắc xin M-M-R®II (Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50). * Sản phẩm: Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live - Oka/Merck)	US cGMP	N5QK-6C6K WHO MNP5-S84B WHO	30-10-2017 18-01-2017	09/09/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Jubilant HollisterStier LLC (Cơ sở sản xuất dung môi)	3525 North Regal Street Spokane, 992074, United States		EU-GMP	UK GMP 4737 Insp GMP 4737/15674-0010	13/04/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Waarderweg, 39, Haarlem, 2031 BN, Netherland		EU GMP	NL/H 15/1006689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
12	PharmaEstica Manufacturing (PharmaEstica Manufacturing OÜ)	Vanapere 3, Pringi, Viimsi, 74011 Harju county, Estonia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén sủi bọt.	EU GMP	IN-2-14/17/4-7 (H,IMP-Mf)	28/08/2017	28/02/2020	State Agency of Medicines (SAM), Estonia	1	
13	Drogsan İlaçları San. ve Tic. A.Ş.	Esenboğa Merkez Mah. Çubuk Cad. No:31, Çubuk - ANKARA/TURKEY	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotion, thuốc xịt miệng, nước súc miệng, thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi); thuốc uống dạng lỏng (sirô, hỗn dịch, dung dịch); thuốc bột, thuốc cốm, thuốc cốm sủi bọt, thuốc gói.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/91	14/05/2018	16/03/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
16	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany (Cơ sở sản xuất)	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; Viên nang mềm; - Viên nén, viên nén sủi bọt, viên nén bao, viên nén chứa hoạt chất có độc tính cao như Tamoxifen, Flutamid, Clomifen và các hoạt chất tương tự. - Thuốc rắn phần liều khác: Thuốc bột, thuốc cốm, hạt pellets. - Sản phẩm sinh học chứa Pancreatin, hoặc các dị ứng nguyên dùng trong trị liệu.	EU GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)	1	
		Am Fleigendahl 3, Ennigerloh, 59320, Germany (Cơ sở đóng gói)		EU GMP	DE_NW_06_GMP_2017_0002	10/01/2017				
17	Fleet Laboratories Limited (Cơ sở sản xuất gel)	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. (* Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom)	* Sản phẩm: Gel dùng đường âm đạo Crinone (Progesterone 8%)	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787-0020	02/09/2016	12/04/2019	United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency	1	
	Maropack AG (Cơ sở sản xuất ống tra thuốc)	Gebaude Pharma 2000, Industriestrasse Briseck 4, 6144 Zell, Switzerland		EU-GMP	18-0435	09/04/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
	Central Pharma (Contract Packing) Limited (Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng)	Caxton Road, Bedford, MK41 0XZ, United Kingdom. (* Cách ghi khác: Caxton Road, ELM Farm Industrial Estate, Bedford, Bedfordshire, MK41 0XZ, United Kingdom)		EU-GMP	UK MIA 27794 Insp GMP 27794/1317-0026	18/08/2016		United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency		
18	Béres Pharmaceuticals Private Limited Company (Béres Pharmaceuticals Ltd.)	Nagysándor József u. 39., Szolnok, 5005, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	OGYÉI/4760 4-7/2017	24/10/2017	24/08/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYÉI), Hungary	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
19	FRESENIUS KABI IPSUM S.R.L.	LOC.MASSERIE ARMIERI - 86077 POZZILLI (IS), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột đông khô.	EU-GMP	IT/8-1/H/2018	10/01/2018	17/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
20	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Freseniusstrasse 1, 61169 Friedberg, Germany (* Cách viết khác: <i>Freseniusstraße 1, 61169 Friedberg, Germany</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0079	22/06/2018	31/12/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)	1	
21	West-Ward Columbus Inc.	1809 Wilson road, Columbus, OH 43228, (hoặc: Ohio 43228), United States of America	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tradjenta (Linagliptin 5mg); Tên tại Việt Nam: Trajenta.	U.S. cGMP	WW84-5AMC	17/05/2018	16/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
22	BSP Pharmaceuticals S.p.a (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Via Appia Km 65,561 (loc. Latina Scalo)-04013 Latina (LT), Italy	Sản phẩm (Tên lưu hành tại Việt Nam): Thuốc bột pha tiêm tĩnh mạch Velcade (Bortezomib 1mg).	EU-GMP	IT/69-31/H/2017	07/04/2017	13/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, (hoặc B-2340 Beerse) Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
23	DELPHARM DIJON	6 boulevard de l'Europe, QUETIGNY, 21800, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột; Thuốc cốm; Thuốc bán rắn; Viên nén. * Thuốc sinh học: Các sản phẩm chiết xuất có nguồn gốc từ động vật hoặc từ người.	EU GMP	2018/HPF/FR/019	26/01/2018	14/09/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Cadila Pharmaceuticals Limited	Plot No. 1389, Trasad Road, Dholka, Ahmedabad, IN 382225, India	Thuốc không vô trùng (không bao gồm Rifampicin, beta lactam, insulin): viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim	EU GMP	UK GMP 20872 Insp GMP 20872/1401 3-0007	11/05/2017	22/03/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
25	ExtractumPharma Zrt./ExtractumPharma Co. Ltd	IV. Körzet 6., Kunfehértó, 6413, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. *Thuốc dược liệu	EU-GMP	OGYÉI/7216 1-10/2017	03/04/2018	15/02/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	1	
26	Fresenius Kabi AB	Rapsgatan 7, Uppsala, 75174, Sweden	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: + Dung dịch, nhũ tương thể tích lớn. + Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	5.9.1-2018-038635	17/05/2018	18/11/2018	Medical Products Agency, Sweden	1	
27	Cenexi - Osny	17 rue de Pontoise, OSNY, 95520, France	* Thuốc không vô trùng chứa hormon: viên nang cứng; viên nén, viên bao đường, viên bao phim * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; chế phẩm tách chiết từ người, động vật.	EU-GMP	2018/HPF/FR/093	12/04/2018	27/10/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
28	Genzyme Ireland Limited	IDA Industrial Park, Old Kilmeaden Road, Waterford, Ireland	*Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, thuốc bột pha hỗn dịch uống, viên nén bao phim; * Thuốc công nghệ sinh học: thuốc vô trùng chứa hoạt chất sinh học.	EU GMP	16649/M10 13	25/07/2017	02/06/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
29	Laboratoires Grimberg SA	ZA des Boutries rue Vermont, Conflans Sainte Honorine Cedex, 78704 France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; viên nén.	EU GMP	HPF/FR/221 /2017	31/08/2017	03/10/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
30	SUN Pharmaceutical Industries Ltd.	Industrial Area -3, A.B. Road, Dewas, Madhya Pradesh - 455 001, India	* Thuốc vô trùng: thuốc bột pha tiêm chứa carbapenem * Thuốc không vô trùng: Bột pha hỗn dịch, viên nang cứng, viên nén	PICS- GMP	MI-2015-CE-05555-1	29/05/2018	21/10/2018	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
31	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany (* Cách ghi khác: Binger Strasse/Straße 173, 55216 Ingelheim am Rhein Germany)	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc phun mù (bao gồm dung dịch khí dung) * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc hít; thuốc phun mù (bao gồm dung dịch khí dung); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào), thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2018_0007	27/02/2018	20/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
32	Baxalta Belgium Manufacturing SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860 hoặc (B-7860), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	BE/GMP/2017/118	29/01/2018	15/09/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
33	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant	1-12-1, Shinomiya, Hiratsuka, Kanagawa, Japan	Sản phẩm: Viên nén Japroxol (Loxoprofen sodium hydrate, 60mg Loxoprofen sodium)	Japan-GMP	3467	06/10/2017	26/05/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
34	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Sản phẩm: Dung dịch tiêm dưới da Mabthera (Rituximab 1400mg/11,7ml).	EU-GMP	02/18/118411	15/03/2018	10/11/2020	European Medicines Agency	1	
35	Curida AS (Cơ sở sản xuất)	Solbævegen 5, ELVERUM, NO-2409, Norway	Sản phẩm: Dung dịch tiêm Chirocaine (5mg Levobupivacaine (dưới dạng Levobupivacaine Hydrochloride)/1ml)	EU GMP	16/03300-15	29/01/2018	22/04/2019	Norwegian Medicines Agency (NOMA)		2
	AbbVie S.R.L (Cơ sở đóng gói)	S.R. 148 Pontina Km 52, Snc-Campoverde Di Aprilia (loc. APRILIA) - 04011 APRILIA (LT), Italy			IT/138-2/H/2017	10/07/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
36	Korea United Pharm Int'l JSC.	No. 2A, Tu Do Boulevard, Vietnam-Singapore Industrial Park, Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên bao phim, viên bao đường	PIC/S GMP	2017-G1-0809	03/04/2017	09/12/2018	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety		2
39	Laboratoire Unither	Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028, AMIENS, 80084 CEDEX 2, (hoặc (CS 28028 80084 AMIENS CEDEX 2,) France.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả dung dịch khí dung). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Sản phẩm Combivent (Ipratropium bromide anhydrous 0,5mg (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate), Salbutamol 2,5mg (dưới dạng salbutamol sulfate)).	EU-GMP	HPF/FR/284/2017	20/11/2017	07/07/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
40	Berlin-Chemie AG	Berlin-Chemie AG Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng ; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cổm; thuốc đạn.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2015_0034	14/07/2015	30/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
41	Berlin Chemie AG	Cơ sở sản xuất: Berlin-Chemie AG, Tempelhofer Weg 83, 12347 Berlin, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Sản phẩm: Viên nén Nebilet (Nebivolol HCl 5mg); viên nén bao phim Spasmomen (Otilonium bromide 40mg); viên nén Benalapril 5 (Enalapril maleate 5mg), viên nén Benalapril 10 (Enalapril maleate 10mg), viên nén bao phim Siofor 500 (Metformin Hydrochloride 500mg), viên nén bao phim Siofor 850 (Metformin Hydrochloride 850mg).	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1065	20/12/2017	30/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
		Cơ sở đóng gói, xuất xưởng: Berlin-Chemie AG, Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany		EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1045	05/10/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
42	Ferring - Leciva a.s.	K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Hỗn dịch thực trực tràng Pentasa 1g (mỗi 100ml hỗn dịch chứa mesalazine 1g)	EU-GMP	sukls243350/2016	29/11/2016	27/10/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Drogsan Ilaclari San. VE. Tic A.S	Esenboga Merkez Mah. Cubuk Cad. No: 31, Cubuk Ankara, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén (viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); Thuốc dạng lỏng dùng ngoài (lotion, thuốc xịt miệng, thuốc súc miệng, thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi, thuốc xông hít dạng lỏng); thuốc uống dạng lỏng (siro, hỗn dịch, dung dịch uống);	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/87	27/04/2018	14/03/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
46	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 2	Lévai utca 5, Veresegyház, 2112, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	OGYÉI/17757-2/2018	18/04/2018	09/02/2021	National Institute for Quality and Organization Development in Healthcare and Medicines, Hungary	1	
47	Catalent CTS, LLC (Cơ sở sản xuất)	10245 Hickman Mills Dr, Kansas City, MO 64137, USA	* Thuốc viên nang cứng Imbruvica (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP	42AQ-RXXH	17/04/2018	16/04/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
48	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Sản phẩm: bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch Ribomustin (Bendamustin 22.7mg, 90.8mg).	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	BioLab Co., Ltd	625 Soi 7A Bangpoo Industrial Estate, Sukhumvit road, Moo 4, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Carbapenem). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00029	05/02/2018	04/02/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
51	Corealis Pharma Inc./ Pharma Corealis Inc.	200 Boul Armand-Frappier Laval, Quebec, Canada, H7V 4A6	* Sản phẩm: + Viên nén PMS-Erlotinib (Erlotinib (Erlotinib Hydrochloride) 100 mg)	Canada-GMP	69115	23/04/2018	23/04/2019	Regulatory Operations and Regions Branch Health Products Compliance Directorate, Canada	1	
			* Sản phẩm: + Viên nén PMS-Erlotinib (Erlotinib (Erlotinib Hydrochloride) 150 mg)		69116	23/04/2018	23/04/2019			
52	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Holopack Verpackungstechnik, Bahnhofstrabe, gemäß den vorliegenden Grundrissplänen vom 17.07.2013, 74429, Sulzbach-Laufen, Germany	* Thuốc vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: - Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Albumin; thuốc công nghệ sinh học (bao gồm cả protein/DNA tái tổ hợp, enzyme). * Thuốc dược liệu. * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0141	06/12/2016	20/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
53	Fresenius Kabi Austria GmbH	Hafnerstraße 36, 8055 Graz, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; dạng bào chế bán rắn; dung dịch tiêm tĩnh mạch (chứa hormon, chất kìm tế bào, kháng sinh). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch và nhũ tương thể tích lớn; dung dịch và nhũ tương thể tích nhỏ; dạng bào chế bán rắn; nhũ tương tiêm tĩnh mạch (chứa hormon, chất kìm tế bào, kháng sinh). * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu; Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	INS-480166-0080-001 (4/5)	27/04/2017	31/03/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	1	
54	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất)	2778 South East Side Highway, Elkton, VA 22827, USA	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Primaxin ® I.V. (Imipenem + Cilastatin sodium 500mg/ 500mg, Injection). Tên đăng ký thương mại quốc tế: Tienam I.V. 500mg/ 500mg, powder for solution for infusion (Tên tại Việt Nam: Bột pha truyền tĩnh mạch Tienam)	US cGMP	289B-2TEC	10/11/2016	09/11/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Laboratories Merck Sharp & Dohme Chibret (Cơ sở đóng gói)	Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont Ferrand cedex 9, France; (* Cách ghi khác: Route de Marsat lieu-dit Mirabel Riom, Cedax 9, Clermont-Ferrand 63963, France)								
Đợt 59 (theo Công văn số 17220/QLD-CL ngày 06/09/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	TTY Biopharm Company Limited Chung Li Factory	838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, thuốc kem);	PIC/S-GMP	4374	21/05/2018	30/09/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
2	Laboratorio Farmaceutico C.T S.R.L	Cơ sở sản xuất: Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italia.	* Sản phẩm: Daytrix (1g/3,5 ml bột và dung môi dùng cho dung dịch tiêm bắp)	EU GMP	CPP/2018/337	22/01/2018		Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
		Cơ sở kiểm tra chất lượng: Via Ludovico Ariosto, 17-18038 Sanremo (IM) Italia								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Bipso GmbH (Cơ sở sản xuất)	Robert-Gerwig-Strasse 4, 78224 Singen, Germany	* Sản phẩm: Venofer 20mg/ml solution for injection	EU-GMP	DE_BW_01_ GMP_2017_ 1098	20/12/2017	10/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	Vifor (International) Inc (Cơ sở xuất xưởng)	Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland		PIC/S GMP	No.17-0275	13/02/2017				
4	Pharbil Pharma GmbH (Cơ sở sản xuất)	Pharbil Pharma GmbH Reichenberger Strasse 43, 33605 Bielefeld, Germany	* Sản phẩm: Viên đặt trực tràng Pentasa (Mesalazine 1g).	EU-GMP	DE_NW_02- GMP_2017_ 0003	17/01/2017	25/05/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St- Prex, Switzerland		PICs GMP	No.17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
5	Ranbaxy (Malaysia) Sdn. Bhd.	Lot 23, Bakar Arang Industrial Estate, 08000 Sungai Petani, Kedah, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S-GMP	KKM/NPRA. PKP/600-2/5	09/04/2018	10/08/2020	Malaysia National Pharmaceutical Control Bureau		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
6	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Survey N. 214, Plot No. 20, Govt.Indl.Area, Phase II, Piparia, Silvassa-396230, U.T. of Dadra & Nagar Haveli, India	* Thuốc không vô trùng: + Viên bao phim Admenta (Memantine 5mg, 10mg); + Viên bao phim Arizil (Donepezil 5mg, 10mg); + Viên nang cứng Gabantin 300 (Gabantin 300mg); + Viên nén bao tan trong ruột Encorate (Sodium valproate, valproic acid 200mg, 300mg); + Viên bao giải phóng có kiểm soát Encorate Chrono (Sodium valproate, Valproic acid 200mg, 300mg); + Viên nén Zeptol (Carbamazepine 200mg) + Viên bao phim Clofranil (Clomipramine 25mg); + Viên nén bao phim Levenium (Levetiracetam 250, 500mg, 750mg, 1000mg); + Viên nang cứng Maxgalin (Pregabalin 75mg, 150mg); + Viên bao tan trong ruột Mesacol (Mesalamine 400mg); + Viên nén bao phim Mirtaz (Mirtazapine 15mg, 30mg); + Viên nén hòa tan nhanh Oleanz Rapitab (Olanzapine 5mg, 10mg) + Viên nén bao tan trong ruột Pantasun (Pantoprasole 20mg, 40mg); + Viên nén Parkizol (Pramipexole 0.25mg, 1mg); + Viên nang cứng Prodep (Fluoxetine 20mg); + Viên nén Sunirovel (Irbesartan 150mg, 300mg); + Viên nén Sunirovel H (Irbesartan 150mg, Hydrochlorothiazide 12,5mg); + Viên nén bao phim Suncardivas (Carvedilol 12,5mg, 6,25mg); + Viên nén bao phim Sunoxitol (Oxcarbazepine 150mg, 300mg);	PIC/S-GMP	034/2018/GMP	04/06/2018	26/11/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
7	Guju Pharm. Co., Ltd.	5, Deokjeoljegi-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột. * Thuốc tiêm: Dung dịch; bột đông khô pha tiêm. * Thuốc uống dạng lỏng: Sirô; thuốc uống dạng lỏng.	PIC/S-GMP	2018-D1-0306	05/02/2018	17/02/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Gland Pharma Limited	Survey No 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma cross roads, D P Pally, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Hyderabad, IN-500 043, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU - GMP	UK GMP 39716 Insp GMP 39716/3187 772-0005	19/06/2017	09/01/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
9	Orion Corporation (hoặc Orion Oyj hoặc Orion pharma) (Cơ sở sản xuất)	Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360 (hoặc 20360), Finland	* Sản phẩm: Viên nang cứng Temodal Capsule (Temozolomide 5mg, 20mg, 100mg, 140mg, 180mg, 250mg)	EU-GMP	7038/06.08.00.04/2017	04/12/2017	03/12/2018	Finnish Medicines Agency, Inspectorate	1	
	Schering-Plough Labo NV (Cơ sở đóng gói)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2015/111	08/03/2016		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
10	S.M.B. Technology SA	Zoning Industriel - Rue du Parc industriel 39, Marche-en-Famenne, 6900, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	BE/GMP/2018/036	22/05/2018	30/03/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
11	Atabay Kimya San. ve Tic. A.S.	Dilovası Organize Sanayi Bölgesi, 4. Kısım Sakarya Caddesi No:28, Gebze / Kocaeli, Turkey	* Thuốc uống chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống; viên nang.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/109	31/05/2018	02/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
12	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin 1-gil, Songak-eup Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn. * Thuốc tiêm: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh Carbapenem. * Dung dịch thuốc nhỏ mắt. * Dung dịch thuốc uống. * Thuốc hít.	PIC/S-GMP	2018-G1-0954	17/05/2018	06/07/2019	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
13	JW Shinyak Corporation	88-24 Sandan-ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột; sirô khô. * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion, thuốc nhỏ tai; thuốc nhỏ mũi; hỗn dịch xịt mũi. * Thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-D1-1161	23/05/2018	18/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
14	Faes Farma, S.A	C/Máximo Aguirre, 14, Lejona-Leioa, 48940 Vizcaya, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); viên nén bao đường; viên nén bao phim; thuốc cổm; viên nén (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	ES/064HVI/18	31/05/2018	15/03/2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
15	Shin Poong Pharm. Co., Ltd	41-15 Osongsaengmyeong 5-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc tiêm; viên nén; viên nang.	PIC/S-GMP	2018-G1-1148	20/06/2018	27/03/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
16	Italpharmaco S.A. (Cơ sở sản xuất)	C/san Rafael, 3, Pol. Ind. Alcobendas, Alcobendas 28108 Madrid, Spain	* Sản phẩm: Dung dịch uống Ferlatum (sắt protein succinylat 800mcg).	EU GMP	ES/003HVI/18	16/01/2018	17/12/2018	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
	CIT S.r.l (Cơ sở đóng gói)	Via Primo Villa, 17-20875 Burago di Molgora (MB), Italia		EU GMP	IT/187-1/H/2016	08/08/2016		Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
17	"Liqvor" CJSC	Yerevan 0089, Kochinyan Str., number 7/9, Republic of Armenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch tiêm Neurotop FL - Ethylmethylhydroxypyridine succinate);	PIC/S GMP	091/2016/S AUMP/GMP	10/01/2017	02/12/2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
18	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Atozet 10mg/10mg (Ezetimibe/atorvastatin 10mg/10mg); + Viên nén bao phim Atozet 10mg/20mg (Ezetimibe/atorvastatin 10mg/20mg).	US-GMP	JSFN-XG5S; H9M6-SED3	02/10/2017; 23/10/2017		United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất sản phẩm trung gian)	70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore		PIC/S GMP	MLMP1300001	11/09/2017	09/09/2018	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN, Netherlands		EU GMP	NL-H15/1006689	21/12/2015		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
19	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Etopul 150mg (Erlotinib 150mg)	PIC/S - GMP	2017-G1-1099	12/05/2017		Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
20	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Sản phẩm: + Thuốc bột đông khô pha tiêm Allipem 500mg (Pemetrexed 500mg); + Thuốc bột đông khô pha tiêm Allipem 100mg (Pemetrexed 100mg).	PIC/S - GMP	2018-G1-0970 2018-G1-0969	21/05/2018		Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
21	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Industriestraße 35, 66129 Saarbrücken, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ, thuốc bán rắn; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch nhỏ mắt, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng thuốc bán rắn; viên nén; cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_SL_01_GMP_2018_0009	04/04/2018	15/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
22	Recipharm Karlskoga AB	Bjorkbornsvagen 5, Karlskoga, 69133, Sweden	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiệt trùng cuối dạng bán rắn; * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (kem, gel); thuốc đạn; miếng dán ngoài da	EU GMP	4.1.2-2018-044305	11/06/2018	30/12/2018	Sweden Medical Products Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
23	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất LHRH Agonist). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antieostrogen).	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0036	19/12/2017	01/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
24	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Natacyn 5% (Natamycin ophtalmic suspension)	U.S. cGMP	6EFX-7D8A	13/03/2018	12/03/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
25	Orion Corporation/Orión Oyj/Orion pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong bàng quang; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền * Thuốc không vô trùng: thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng, viên nén (bao gồm cả viên nén chứa sulphonamide), viên nén bao phim, thuốc bột hít.	EU-GMP	2258/06.08.00.04/2018	27/03/2018	31/03/2020	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	1	
26	Thymoorgan Pharmazie GmbH (Cơ sở sản xuất)	Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany (* Cách ghi cũ: Schiffgraben 23, 38690 Vienenburg, Germany)	* Sản phẩm: + Thuốc bột đông khô pha tiêm Vammybivid's (Vancomycin 1g). + Thuốc bột đông khô pha tiêm Vammybivid's (Vancomycin 500mg).	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2017_1002	19/06/2017	15/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Sanavita Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Lohstrasse (hoặc Lohstraße) 2, 59368 Werne, Germany			DE_HE_01_GMP_2017_1054	28/01/2018				
27	Laboratorios Francisco Durban, S.A	Poligono Industrial La Redonda, C/IX, no 2, El Ejido, 04710 (Almeria), Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	ES/087HV/18	17/07/2018	05/10/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
28	GP Pharm, SA	Pol. Ind. Els Vinyets - Els Fogars, 2, Ctra. C-244, Km. 22; 08777 Sant Quinti de Mediona (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc đông khô pha dung dịch tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn.	EU-GMP	NCF/1823/01/CAT	11/05/2018	06/03/2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
29	UAB Aconitum	Inovaciju g.4, Biruliskiu k., Kauno r.sav., Lithuania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; * Thuốc được liệu, * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU GMP	LT/11H/2017	08/12/2017	29/09/2020	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania	1	
30	Sanofi Winthrop Industrie - Tours	30-36 avenue Gustave Eiffel, Tours, 37100, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	2018/HPF/FR/072	30/03/2018	12/06/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
31	Laboratoires Merck Sharp & Dohme-Chibret	Route de Marsat, Riom, Clermont-Ferrand Cedex 9, 63963, France	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học, sản phẩm miễn dịch;	EU-GMP	2018/HPF/FR/021	17/01/2018	24/04/2020	European Medicines Agency	1	
32	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.,	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan (* Cách ghi cũ: 154, Kai-yuan Road, Hsin-ying (730), Taiwan, Republic of China)	* Thuốc không vô trùng: + Dạng thuốc lỏng: hỗn dịch, dung dịch. + Dạng thuốc bán rắn: mỡ, kem. + Dạng thuốc rắn: viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén, thuốc cốm, viên nang, thuốc đạn, gạc tẩm kháng sinh.	PICS GMP	4287	29/03/2018	11/12/2018	Food and Drug Administration, Tawain		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Eisai Co., Ltd. Kawashima Plant	1, Kawashimatakehaba-machi, Kakamigahara-shi, Gifu-ken, Japan	* Sản phẩm: Viên nén Merislon Tablets 12mg (Betahistine Mesilate 12mg) (viên bán thành phẩm)	Japan-GMP	6096	28/02/2018	28/02/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
34	Laboratorios Bago S.A	Calle Ciudad de Necochea entre las calles Ciudad de Mar del Plata y Av. Matienzo. Parque Industrial de La Rioja, Provincia de La Rioja, Argentina	* Sản phẩm: Bột pha tiêm Trifamox IBL 1500, Powder for Injection (Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin Natri vô khuẩn) 1000mg, sulbactam (dưới dạng sulbactam Natri vô khuẩn) 500mg)	PIC/S GMP	20132019 000343 18	15/05/2018	15/05/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
35	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Site Progipharm, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Sản phẩm: Viên nén Tanganil (SDK: VD-26608-17)	EU-GMP	HPF/FR/300/2017	07/12/2017	15/09/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam (Cơ sở đóng gói)	Lô 1, đường 4A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		WHO-GMP	398/GCN-QLD	22/06/2018		Cục Quản lý dược Việt Nam		
36	Sophartex (Cơ sở sản xuất)	21 Rue du Pressoir 28500 Vernouillet, France	* Sản phẩm: cốm pha hỗn dịch Ery Children 250 mg (Erythromycin dưới dạng Erythromycin ethyl succinat 250mg)	EU GMP	2018 HPF/FR/60	01/03/2018	12/09/2018	National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Laboratoires Bouchara Recordati (Cơ sở xuất xưởng)	70, Avenue du General de Gaulle 92800 Puteaux, France		EU GMP	HPF/FR/41/2017	26/02/2016		National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)		
37	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Khu vực 8, phường Nhơn Phú, Tp. Qui Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn (100ml và lớn hơn, không bao gồm thuốc phóng xạ, sinh học, kháng sinh betalactam, chất có hoạt tính học môn, steroid và độc tế bào).	PIC/S GMP	MCOM1700 002	06/11/2017	07/05/2020	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
38	Bruschettini S.R.L	Via Isonzo 6-16147 Genova (GE), Italy	* Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid, prostaglandins/cytokines). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả chế phẩm miễn dịch); Thuốc bán rắn chứa hóc môn hoặc chất có hoạt tính hóc môn (bao gồm cả corticosteroid); thuốc đặt; viên nén (bao gồm cả chế phẩm miễn dịch). * Chế phẩm sinh học: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt (inactivated bacterial vaccine).	EU GMP	IT/186-1/H/2017	27/09/2017	21/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
39	Pharmacia & Upjohn Company LLC	7000 Portage road, Kalamazoo, MI 49001, USA	* Thuốc bột pha dung dịch tiêm Solu-Medrol (methylprednisolone sodium succinate 40mg)	CPP U.S. cGMP	6YJ2-DBZ9	15/05/2018	14/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
40	Pharmacia & Upjohn Company LLC	7000 Portage road, Kalamazoo, MI 49001, USA	* Thuốc bột pha dung dịch tiêm Solu-Medrol (methylprednisolone sodium succinate 125mg)	CPP U.S. cGMP	NC9F-95WW	15/05/2018	14/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
41	Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd	7 Wonsi-ro, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm. * Thuốc tiêm: thuốc tiêm đóng sẵn syringe; thuốc bột pha tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2018-D1-1452	20/06/2018	27/04/2020	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
42	Laboratorio Farmaceutico C.T S.R.L.	Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột và bột đông khô chứa kháng sinh nhóm Penicillin và nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	IT/111-1/H/2018	23/04/2018	22/09/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
43	Abbott Biologicals B.V. (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	C.J. van Houtenlaan 36, WEESP, 1381CP hoặc "1381CP WEESP", Netherlands	* Sản phẩm: + Hỗn dịch tiêm Influvac (vắc xin phòng bệnh cúm mùa).	EU GMP	NL/H 17/1014466 a	20/03/2017	2/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Abbott Biologicals B.V. (Cơ sở sản xuất thành phẩm)	Veerweg 12, OLST, 8121AA hoặc "8121AA OLST", Netherlands			NL/H 15/1005176	18/01/2016	02/1			
44	Phebra Pty Ltd	19 Orion Road, Lane Cove NSW 2066, Australia	* Sản phẩm: Cafnea Injection (Caffeine citrate injection 40 mg/2mL IV injection glass vial).	PIC/S GMP	MI-2018-LI-03655-1	27/03/2018	01/03/2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
				PIC/S GMP	18/0213	01/03/2018				
45	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Lohmannstr. 2, 56626 (hoặc D-56626) Andernach, Germany	* Sản phẩm: Miếng dán hấp thu qua da Neupro (Rotigotine 2,25 mg/5 cm ² ; 4,5 mg/10 cm ² ; 6,75 mg/15 cm ² ; 9,0 mg/20 cm ² ; 13,5 mg/30 cm ² ; 18 mg/40 cm ²).	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0024;	27/04/2016	12/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Aesica Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Mittelstr. 15, 40789 Monheim am Rhein, Germany		EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2016_0048;	20/04/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Aesica Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở kiểm tra chất lượng)	Alfred-Nobel-Str. 10, 40789 Monheim am Rhein, Germany		EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2016_0047;	20/04/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Aesica Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở kiểm tra chất lượng)	Galileistraße 6, 08056 Zwickau, Germany		EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2017_1004;	15/11/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	UCB Manufacturing Ireland Limited (Cơ sở xuất xưởng)	Shannon Industrial Estate, Shannon, Co. Clare, Ireland		EU GMP	17472/M687	09/11/2017		Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland		
46	B.Braun Medical AG	Route de Sorge 9, 1023 Crissier, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm truyền; dung dịch thay thế huyết thanh; dung dịch tiêm truyền dinh dưỡng; dung dịch rửa vết thương.	PIC/S-GMP, EU-GMP	No. 17-1980	13/10/2017	25/08/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
47	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Mabthera (Rituximab 100 mg/10 ml); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Mabthera (Rituximab 500 mg/50 ml). + Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Perjeta (Pertuzumab 420 mg/14ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0119	04/11/2016	07/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S GMP	No. 17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
48	Roche Diagnostics GmbH	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (kháng thể đơn dòng sản xuất bằng công nghệ gen, Epoetin beta, Peginterferon alfa-2a và methoxypolyethyleneglycol-epoetin beta).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0119	04/11/2016	07/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
49	ILDONG Pharmaceutical Co., Ltd.	25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: thuốc cổm; viên nén; viên nang cứng; viên ngậm; siro khô. * Thuốc vô trùng: thuốc tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; siro khô; thuốc tiêm. * Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nang cứng; thuốc tiêm.	PIC/S GMP	2018-D1-1623	10/07/2018	25/04/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Kishapura, Baddi-Nalgarh Road, Solan District, Himachal Pradesh, In-173205, India	* Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn; thuốc uống dạng lỏng; thuốc hít phân liều.	EU-GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 33881/3829 61-0010	08/01/2018	11/10/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
51	Aculife Healthcare Private Limited	Village - Sachana, Taluka - Viramgam, District - Ahmedabad - 382 150, India (Unit-5, Block Biotech (line 531) và Block LVP (line FL-521, line FL-522))	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm cụ thể: + Dung dịch tiêm Heparin 5000 IU/ml, ống 5 ml (Heparin Sodium); + Nhũ tương để tiêm truyền Quifol 10 mg/ml, ống 20 ml (Propofol); + Dung dịch tiêm truyền Nirliv 5 mg/ml, chai 100 ml (Levofloxacin hemihydrate tương đương Levofloxacin 500 mg).	PIC/S GMP	060/2017/GMP	17/10/2017	25/08/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
52	Ginsana SA	Via Mulini, 6934 Bioggio, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	PIC/S-GMP	18-0521	05/03/2018	12/10/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
53	Industria Farmaceutica Nova Argentina S.P.A.	Via G. Pascoli, 1 - 20064 Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bán rắn; thuốc đặt. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật: Thuốc bán rắn. * Thuốc từ dược liệu: Thuốc bán rắn; thuốc đặt.	EU-GMP	IT/194-1/H/2017	26/10/2017	22/06/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
		Reparto Distaccato - Via Muoni, 15-20064 - Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột; viên nén. * Thuốc từ dược liệu: Thuốc bột; viên nén.							
		Reparto Distaccato - Via Muoni, 10-20064 - Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên ngậm; viên nén. * Thuốc từ dược liệu: Viên nén.							
54	Monico S.P.A	Via Ponte Di Pietra, 7-30173 Venezia (VE), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	IT/252-1/H/2016	17/10/2016	04/12/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
55	Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA	Avenue Thomas Edison 32, Thines, 1402, Belgium	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén.	EU GMP	BE/GMP/2017/137	03/04/2018	30/11/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
56	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom. (* Cách ghi khác: <i>Harmire Road, Barnard Castle, County Durham, DL12 8DT, United Kingdom</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. Thuốc chứa Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; cốm pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0035	18/12/2017	07/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
57	Aspen Pharma Pty Ltd.	286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc cốm; thuốc bột; thuốc kem; thuốc phun mù; thuốc súc miệng; dung dịch dùng ngoài; thuốc mỡ, bột nhão.	PIC/S	MI-2017-LI-03557-1	29/01/2018	22/09/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
58	Swiss Pharmaceutical Co., Ltd (Xinshi plant)	No. 182, Zhongshan Rd., Xinshi Dist., Tainan City 744, Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm dung dịch (sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối), thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai và nhỏ mũi (sản xuất vô trùng). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; thuốc mỡ, thuốc kem; viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên ngậm, thuốc cốm, thuốc bột và viên nang. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: + Thuốc bột, thuốc cốm, viên nang, + Thuốc bột pha tiêm.	PIC/S GMP	0424039(AP)	06/03/2018	10/02/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
59	Suheung Co., Ltd.	61 Osongsaengmyeong-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang mềm.	PIC/S GMP	2017-G1-1617	17/07/2017	18/06/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
Đợt 60 (theo Công văn số 19626/QLD-CL ngày 16/10/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	Remedica Ltd	Aharnon street, Limassol industrial estate, Limassol, Cyprus, 3056, Cyprus (Building 1-main, Building 2-penicillines, Building 4-cephalosporins, Building 5-horm.& cort., Building 10-anti-neoplastic, Immunomodulating)	* Building 1: Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn; thuốc đặt; viên nén; viên nén bao phim; * Building 2: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillins: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha dung dịch uống. * Building 4: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha dung dịch uống. * Building 5: Thuốc không vô trùng chứa thuốc chống ung thư/hormon: viên nang cứng; viên nén. * Building 10: Thuốc không vô trùng chứa thuốc chống ung thư: viên nang cứng; viên nén; viên bao phim. * Viên nén bao phim: Kapetral (Capecitabine 150mg, 500mg). Tên tại Việt Nam: Xalvobin.	EU-GMP	REM00/2018/001	01/02/2018	15/11/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
2	Rentschler Biopharma SE (Tên cũ: Rentschler Biotechnologie GmbH) (Cơ sở sản xuất)	Erwin-Rentschler -Str .21, D-88471 (hoặc 88471) Laupheim, Germany	* Sản phẩm: Bột đông khô pha dung dịch tiêm Firmagon (Degarelix dưới dạng Degarelix acetate) 120mg và 80mg;	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0003	31/01/2018	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất lọ dung môi)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
3	Pfizer Italia S.R.L	Località Marino Del Tronto - 63100 Ascoli Piceno (AP), Italia	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (chất độc tế bào); + Viên nén và viên nén bao đường (hormon corticosteroid, hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/138-2/H/2018	06/06/2018	09/02/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
4	Omega Laboratories Ltd	10850 Hamon Montreal, Quebec, Canada, H3M 3A2	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Octreotide Acetate Omega 100mcg/ml (Octreotide (Octreotide acetate) 100mcg/ml) Tên tại Việt Nam: DBL Octreotide 0.1mg/ml (Octreotide (dưới dạng Octreotide acetate) 0,1mg)	PIC/S GMP	69266	14/05/2018	14/05/2019	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
5	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm có nguồn gốc từ huyết tương (plasma); thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	17/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
6	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia	Jalan (hoặc: Jl.) Lawang Gintung 89 Bogor, Indonesia	* Thuốc không vô trùng, không chứa kháng sinh β -Lactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kim tế bào: viên nén; viên nén bao	PIC/S GMP	4801/CPOB/A/X/16	28/10/2016	23/12/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng		4802/CPOB/A/X/16					
7	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau (hoặc Dessau -Rosslau), Germany.	* Sản phẩm: Medoxa 5mg/ml powder for solution for infusion Tên tại Việt Nam: Bột đông khô pha dịch truyền tĩnh mạch Oxaliplatin Medac (Oxaliplatin 150mg).	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Medac Gesellschaft für klinische Spezialpräparate m.b.H. (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Theaterstraße (hoặc: Theaterstrasse) 6, 22880 Wedel, Germany		EU GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0049	12/12/2016	26/11	Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)		
8	Patheon Inc. (Cơ sở sản xuất)	2100 Syntex Court Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Eplusa (Sofosbuvir 400mg; Velpatasvir 100mg).	Canada-GMP	69496	06/06/2018	06/06/2019	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	
	Gilead Sciences Ireland UC (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork-Ireland.								
9	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. S-7, Colvale Industrial Estate, Colvale, Bardez, Goa - 403 513, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén * Sản phẩm cụ thể: - Olazax Disperzi, Orodispersible tablet - Olazax, Tablet - Olanzapine Glenmark, Tablet - Olanzapine Glenmark Europe, Orodispersible tablet	EU GMP	sukls287066/2017	08/06/2018	08/02/2021	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic		2
10	DELPHARM DIJON	6 boulevard de l'Europe, QUETIGNY, 21800, France	* Sản phẩm: Viên nang Ercefuryl 200mg (Nifuroxazide 200mg), capsule	EU GMP	009731	30/03/2017		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
11	Mega Lifesciences Australia Pty Ltd (Cơ sở sản xuất, đóng gói và xuất xưởng)	60 National Avenue PAKENHAM VIC 3810 Australia	* Sản phẩm: Thuốc bột uống Flexsa 1500 (Glucosamin sulfate 2 KCl, 1500mg Glucosamin sulfate)	PIC/S GMP	18/0984	18		Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Mega Lifesciences Public Company Limited (Cơ sở kiểm nghiệm (phép thử vi sinh, hóa học và vật lý))	384 Moo 4 Soi 6 Bangpoo Industrial Estate Pattana 3 Road Phraeska Mueang Samutprakarn 10280 Thailand				17/07/20				
12	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited, Plant 1 384, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. Sản phẩm cụ thể: - Viên nang Vitamin E 600; - Viên nang mềm gelatin Alfacalcidol 0,25 µg/1,0 µg/0,5 µg; - Viên nang mềm gelatin Ibuprofen 200 mg/400 mg (Tên lưu hành tại Việt Nam: Gofen 400 clearcap)/600 mg; - Viên nang Ursodeoxycholic acid 250mg; - Viên nang mềm gelatin Ferrovit (Ferrous Fumarate 162mg + Folic Acid 0.75mg + Cyanocobalamin 0.0075mg).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1017	07/07/2017	24/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
13	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited, Plant 2, 515/1, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Moo 4, Praeksa, Mueang Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nang mềm Sản phẩm cụ thể: - Viên nén bao Doloteffin; - Viên nang cứng Korea Ginseng; - Viên nang Vitamin E 600; - Viên nang mềm gelatin Alfacalcidol 0,25µg/ 1µg/0,5 µg; - Viên nang mềm gelatin Ibuprofen 200 mg/400 mg/600 mg; - Viên nang cứng URSOLIV 250mg (Ursodeoxycholic acid 250mg); - Viên nang mềm gelatin Ferrovit (Ferrous Fumarate 162mg + Folic Acid 0.75mg + Cyanocobalamin 0.0075mg).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1013	07/07/2017	26/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	Yoo Young Pharmaceutical Co., Ltd	33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc tiêm * Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc cốm.	PIC/S GMP	2018-G1-1430	31/07/2018	17/04/2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
15	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L	Via Cassia Nord, 351-53014 Monteroni D'arbìa (SI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/67-1/H/2017	06/04/2017	27/05/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
16	Eriochem S.A	Route 12 km 452 (Zip Code 3107), of the City of Colonia Avellaneda, Paraná Department, Province Entre Ríos, Argentina Republic.	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng và thuốc tiết trùng cuối: Bột đông khô pha tiêm chứa chất chống ung thư; dung dịch tiêm.	PICS GMP	20132014000918 18	31/08/2018	31/08/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
17	oncomed manufacturing a.s.	Karásek 2229/1b budova 02 Řečkovice 62100 Brno, Czech Republic	* Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	sukls96769/2017	07/09/2017	23/06/2020	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
18	AstraZeneca AB	Freeze Dried and Genuair, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden (* Địa chỉ chung: Sodertälje, 15185, Sweden)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô. * Thuốc không vô trùng: Thuốc bột hít đa liều.	EU-GMP	6.2.1-2017-061520	21/06/2018	07/12/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
19	Vetter Pharma-Fertigung GmbH&Co. KG	Vetter Pharma -Fertigung Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu (sản phẩm dẫn chất từ huyết tương); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon), sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0064	23/05/2018	12/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
20	J. Uriach y Compañia, S.A Cách ghi khác: J. Uriach and CIA, S.A	Avda. Cami Reial, 51-57, 08184 Palau - Solita i Plegamans (Barcelona), Spain	* Sản phẩm: + CILOSTAZOL KERN PHARMA 100mg COMPRIMIDOS EFG Tên tại Việt Nam: Viên nén PLETAZ 100mg (Cilostazol)	EU GMP	2018/00839	05/04/2018	05/04/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
			+ LEVETIRACETAM KERN PHARMA 500mg COMPRIMIDOS RECUBIERTOS CON PELICULA EFG, Tên tại Việt Nam: Viên nén bao phim LERACET 500mg (Levetiracetam)		2018/00838					
21	YOUNG IL PHARM/ Co., Ltd	6-1 Munhwa 12-gil, Jincheon-eup, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Thuốc Viên nén; thuốc viên nang; thuốc bột; Sirô khô; viên nén bao phim; viên nén bao đường	PIC/S GMP	2018-G1-1441	01/08/2018	07/08/2020	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
22	LEO Laboratories Ltd	285 Cashel Road, Crumlin, Dublin 12, D12 E923, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn. * Thuốc không vô trùng: Thuốc khung thấm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	19383/M46	13-04-2018	07/02/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
23	Takeda GmbH	Takeda (Werk Singen) Robert-Bosch-Str. 8, 78224 Singen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; thuốc trứng đặt âm đạo.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0079	04/07/2018	07/02/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
24	Pierre Fabre Medicament Production	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô (chứa hóc môn); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hóc môn); * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU -GMP	2018/HPF/F R/186	17-08-2018	27-04-2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
25	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin 1-gil, Songak-eup Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Thuốc viên nén; viên nang cứng; viên nén phân tán trong miệng. * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm; thuốc bột pha tiêm; dung dịch rửa vết thương * Dung dịch thuốc nhỏ mắt. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch, si rô, hỗn dịch. * Thuốc sinh học: thuốc tiêm	PIC/S-GMP	2018-G1-1791	18/09/2018	18/06/2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
26	Sterling Drug (Malaya) Sdn Bhd	Lot. 89, Jalan Enggang, Ampang-Ulu Kelang Industrial Estate, 54200 Ampang Selangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc bột. + Thuốc viên nén.	PIC/S-GMP	727/18	20/06/2018	26/04/2021	National Pharmaceutical Control Bureau, Ministry of Health Malaysia.		2
27	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Mydrin-P (Tropicamide 50mg; Phenylephrin hydroclorid 50mg)	Japan-GMP	CPP: 4256 Notification: 2522808000275	16/11/2017	15/07/2021	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
28	Rentschler Biopharma SE (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Erwin-Rentschler-Straße 21, 88471 Laupheim, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Spectrila (Asparaginase 10000U)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0003	31/01/2018	26/11/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Medac Gesellschaft fur klinische Spezialpraparate mbH (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Theaterstraße 6, 22880 Wedel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0049	12/12/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		
29	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormone, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bơm (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm; thuốc nước uống.	PIC/S GMP	MI-2015-LI-12213-1	27/02/2018	12/10/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
30	Laboratorios Leon Farma S.A	Poligono Industrial Navatejera, C/ La Vallina s/n, Villaquilambre-Leon, Spain	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc không vô trùng chứa hóc môn và các hoạt chất có hoạt tính hóc môn: viên nang cứng; viên nang mềm, dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim; vòng đặt âm đạo.	EU GMP	4208/18	11/04/2018	08/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
31	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Aquitaine Pharm International, Avenue du Béarn, 64320, IDRON, France	* Sản phẩm: dung dịch thuốc tiêm Aloxi Solution for Injection (250 mcg palonosetron hydrochloride /lọ)	EU-GMP	02/18/118674	22/03/2018		European Medicines Agency	1	
	Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd. (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Damastown, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland								
32	Steri-Pharma, LLC.	South West Street 429, Syracuse, NY 13202, United States	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm betalactam.	EU-GMP	IT/GMP/E/01/2018	15/01/2018	22/09/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
33	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.P.A (Cơ sở sản xuất)	Via Licinio 11, 22036 Erba (Co) Italia	* Sản phẩm: thuốc bột và dung môi pha tiêm Gluthion 600mg/4ml	EU GMP	IT/131-1/H/2017	07/07/2017	28/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Laboratorio Farmaceutico C.T S.R.L (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy		EU-GMP	IT/111-1/H/2018	23/04/2018		Italian Medicines Agency (AIFA)		
34	Pymepharco Joint Stock Company	Pymepharco Joint Stock Company 166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam, Viet Nam	* Sản phẩm: thuốc bột pha tiêm Ceftriaxone EG 1g/10ml (Ceftriaxone 1g)	EU-GMP	II 23.2 (Bey) - 18/02(21)-B 55	06/07/2018	31/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
35	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Göllstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0071	28/06/2018	22/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
36	Exeltis İlaç San. Ve Tic. A.Ş.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Gaziosmanpaşa Mahallesi Fatih Bulvari No:19/2, Çerkezköy-Tekirdağ, Turkey	* Thuốc đạn, thuốc trứng; * Thuốc kem, thuốc gel.	PIC/S - GMP	TR/GMP/2018/149	02/07/2018	01/05/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency		2
37	Medochemie (Far East) Ltd., (Liquids and Semi-solids Facility)	No 10, 12 and 16, VSIP II-A, Street 27, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan commune, Tan Uyen town, Binh Duong province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel).	EU-GMP	MED09/2018/001	09/03/2018	14/12/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus		2
38	Patheon Italia S.P.A. (Cơ sở sản xuất lọ thuốc bột, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Viale G.B. Stucchi, 110 - 20900 Monza (MB), Italy	* Sản phẩm: Thuốc bột và dung môi pha dung dịch tiêm Zadaxin gồm 1 lọ bột (Thymosin alpha-1 1,6mg và tá dược) + 1 ống dung môi 1mL.	EU-GMP	IT/73-10/H/2017	02/05/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Alfa Wassermann S.P.A. (Cơ sở sản xuất ống dung môi)	Via Enrico Fermi, 1 - 65020 Alanno (PE), Italy		EU-GMP	IT/83-1/H/2016	23/03/2016		Italian Medicines Agency (AIFA)		
	Patheon Italia S.P.A. (Cơ sở sản xuất ống dung môi)	2 Trav. SX Via Morolense, 5 - 03013 Ferentino (FR), Italy		EU-GMP	IT/197-1/H/2016	08/09/2016		Italian Medicines Agency (AIFA)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	Laboratoires Expanscience	Rue des Quatre Filles, EPERNON, 28230, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng.	EU-GMP	2018/HPF/R/165	12/07/2018	16/03/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
40	Eczacıbaşı Monrol Nükleer Ürünler San. ve Tic. A.Ş.	Bariş Mah., Dr. Zekiacar Cad. No:1 (Tübitak Mam Teknoparki) Gebze Kocaeli, Turkey	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.MIBG-123-Diagnostic 40-820 MBq. + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.FDG (¹⁸ F) (Fluorodeoxyglucose). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.GALYUM-67 74 MBq/ml (Gallium-67 Citrate). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.TALYUM 2011 (Thallium Chloride) 37 MBq/ml. + MON.TEK ⁹⁹ Mo/ ⁹⁹ m Tc Generator Sodium Pertechnetate (⁹⁹ Tc) Sodium Molybdate (⁹⁹ Mo). + Viên nang MON.İYOT-131 037-7400 MBq (10µCi-200mCi) (Sodium Iodide (¹³¹ I)). + Dung dịch uống MON.İYOT-131 74 - 18500 MBq (Sodium Iodide (¹³¹ I)). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.MIBG- ¹³¹ I-Diagnostic 9-120 MBq/ml (¹³¹ I). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.MIBG- ¹³¹ I-Therapeutic 370-3700 MBq.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/105	29/05/2018	30/11/2020	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
41	Pharmachemie B.V.	Swensweg 5, HAARLEM, 2031GA, Netherlands	* Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa bột hít.	EU GMP	NL/H 18/2003994	15/06/2018	08/02/2021	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	1	
42	S.C. ZENTIVA S.A.	Bulevardul theodor pallady 50, Sector 3, Bucharest, RO - 032266, Romania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén bao phim, viên nén bao, viên nén; pellet, viên nang chứa pellet.	EU-GMP	017/2018/RO	18/05/2018	01/03/2020	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Sanofi Aventis, SA	Ctra. C35 La Batlloria a Hostalric, km 63,09, 17404 Riells I Viabrea (Girona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormones hoặc chất có hoạt tính hormone;); Thuốc bột.	EU-GMP	NCF/1817/01/CAT	04/04/2018	02/03/2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
44	FARMAK JSC	Frunze Street 74, Kyiv, 04080, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm chứa hormon; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng chứa hormon; dạng bào chế bán rắn; viên nén chứa hormon; thuốc bột/cốm pha dung dịch uống. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng).	EU-GMP	UP/I-530-10/18-03/06	19/06/2018	22/12/2020	Agency for Medicinal Product and Medical Devices, Croatia		2
45	Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant	428, Okanouchi, Kagamiishi-machi Iwase-gun, Fukushima 969-0401, Japan	* Viên nén IRESSA Tablets 250.	Japan GMP	2001	10/07/2017	10/07/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
46	ASTRAZENECA DUNKERQUE PRODUCTION	224 avenue de la Dordogne, DUNKERQUE, 59640, France	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế có áp lực (bao gồm cả hỗn dịch nén áp lực dùng để hít)	EU-GMP	HPF/FR/33/2017	07/02/2017	05/02/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
47	Huons Co., Ltd.	100 Bio valley-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	- Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, Viên nang, Viên nén nhai. - Thuốc tiêm. - Dung dịch Thuốc nhỏ mắt. - Thuốc uống dạng lỏng: Hỗn dịch, Siro.	PIC/S-GMP	2018-G1-1506	16/08/2018	16/05/2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety Korea		2
48	PANPHARMA	ZI du Clairay, LUITRE, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	2018/HPF/F R/158	20/06/2018	08/03/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
49	Laboratorios IMA S.A.I.C. (Cơ sở sản xuất)	Palpa 2862, (Zip Code C1426DPB), of the City of Buenos Aires, Argentina	* Sản phẩm: + Thuốc bột đông khô pha tiêm truyền Trexam (Pemetrexed 500mg). Tên tại Việt Nam: Belipexade. + Thuốc bột đông khô pha tiêm Xaliplat (Oxaliplatin 50mg, 100mg). Tên tại Việt Nam: Oxaliplatin. + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Drifen (Paclitaxel 30mg, 100mg). Tên tại Việt Nam: Paclirich.	PIC/S GMP	2017/4714-INAME-587	01/03/2018	01/03/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
	Laboratorios Richmond S.A.C.I.F. (Cơ sở đóng gói)	Elcano No 4938. (Zip Code C1427CIU), of the City of Buenos Aires, Argentina			2016/5519-INAME-1918	01/03/2017				
50	Menarini - Von Heyden GmbH	Leipziger Straße 7-13, 01097 Dresden, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén (bao gồm viên nén giải phóng kéo dài); viên nén bao phim; thuốc cốm	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2018_0012	18/03/2018	28/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
51	Torrent Pharmaceuticals Ltd - Baddi Plant	Village: Bhud & Makhnu Majra, Tehsil: Baddi - 173205, Dist.: Solan (Himachal Pradesh (hoặc H.P.)), India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2018_0017	06/03/2018	14/02/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
52	S.A.L.F. SPA Laboratorio Farmacologico	Via G. Mazzini, 9- 24069 Cenate Sotto (BG), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/235-1/H/2017	21/12/2017	22/07/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
53	Pierre Fabre Medicament Production (hoặc Pierre Fabre Medicament Production- Idron) (Cơ sở sản xuất)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, Idron, 64320 (hoặc F-64320 Idron) , France	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm Velcade (Bortezomib 3,5mg)	EU -GMP	HPF/FR/070/2017	25/09/2017	29/08/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340 Beerse), Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
54	Clausen Laboratories S.A	3896 Artigas Boulevard, Montevideo, Oriental Republic of Uruguay	Bơm kim tiêm bơm sẵn với hoạt chất sinh học và công nghệ sinh học	PICS GMP	DI-2017-10921-APN-ANMAT#MS	20/10/2017	20/10/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
55	Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340, Beerse), Belgium	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc nhỏ mắt.	EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018	24/11/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
56	Boryung Pharmaceutical Co., Ltd.	107, 109 Neungan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Thuốc uống: viên nén, viên nang, thuốc bột, thuốc cốm, viên hoàn; * Thuốc tiêm: dung dịch tiêm; thuốc bột pha tiêm; dung dịch tiêm truyền; dung dịch rửa phẫu thuật; * chế phẩm đặc biệt: + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: viên nén, viên nang, syro khô; + Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin: viên nén, viên nang, syro khô; bột pha tiêm, bột đông khô pha tiêm ; + Thuốc chứa hormon sinh dục: hỗn dịch uống; + Chất độc tế bào chống ung thư: viên nén, viên nang; dung dịch thuốc tiêm, bột đông khô pha tiêm.	PIC/S GMP	2018-D1-1712	20/07/2018	31/01/2020	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
57	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Industriestr. 3, 34212 Melsungen, Germany	Sản phẩm: + Dung dịch thuốc tiêm Deplin 600 mg (Alpha-Lipoic acid 600mg/24ml); + Dung dịch tiêm truyền Fanlodo (Levofloxacin hemihydrat 512,46mg/100ml);	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05/07/2018	6/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Biokanol Pharma GmbH (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Kehler Str. 7, 76437 Rastatt, Germany		EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_0001	10/01/2017	0	Cơ quan thẩm quyền Đức		
58	Samyang Biopharmaceuticals Corporation	79, Sinildong-ro, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc tiêm chứa chất độc tế bào chống ung thư	PIC/S-GMP	2018-G1-1324	16/07/2018	11/04/2021	Daejeon Regional Food of Drug Safety, Korea		2
59	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Industriestr.3 34212 Melsungen, Germany	*Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (không bao gồm thuốc vi lượng đồng căn), dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05/07/2018	23/05/2021	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
60	Octapharma AB	Lars Forssels gata 23, Stockholm, 11275, Sweden	Sản phẩm công nghệ sinh học (sản xuất thuốc từ tế bào người)	EU-GMP	5.9.1-2017-023633	24/05/2017	08/09/2019	Medical Products Agency (MPA), Sweden	1	
61	Catalent Germany Eberbach GmbH (Cơ sở sản xuất)	Gammelsbacher Str.2, 69412 Eberbach, Germany	* Sản phẩm: Viên nang mềm Sandimmun Neoral (Ciclosporin 25mg)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11/06/2018	26/01/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Novartis Pharma Stein AG (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland		PIC/S GMP	18-0868	16/04/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
62	Cilag AG	Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland	* Thuốc dạng lỏng: Dung dịch thuốc tiêm; ống tiêm đóng sẵn (bao gồm cả chứa hoạt chất sinh học). * Dạng bào chế rắn: Viên nang; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	PIC/s - GMP	18-0790	10/04/2018	30/11/2020	Swissmedic, Swiss Agency for Therapeutic Products	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
63	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Forane (Isoflurane, USP) Liquid for Inhalation, 250ml Tên tại Việt Nam: Aerrane	US-GMP	6UHW-DHMG	13/07/2018	12/07/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
64	Patheon Inc. (Cơ sở sản xuất)	Toronto Region Operations, 2100, Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9, Canada	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tracleer (Bosentan 125 mg).	Canada-GMP	69773	13/07/2018	13/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	
	Actelion Pharmaceuticals Ltd (Cơ sở xuất xưởng)	Gewerbestrasse 12, 4123 Allschwil, Switzerland		EU-GMP						
65	Takeda Austria GmbH	St. Peter-Straße (hoặc St. Peter - Strasse) 25, 4020 Linz, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật;	EU-GMP	INS-480050-0114-001 (1/8)	27/04/2017	31/03/2019	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	1	
66	Sandoz GmbH - Organisationseinheit/Business Unit Biologics Technical Development and Manufacturing Drug Product Schafftenau (BTDM DPS)	Biochemiestraße 10, 6336 Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép; + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc dạng rắn và cấy ghép; * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng	EU GMP	INS-482451-0051-001 (3/3)	27/04/2017	10/01/2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
67	Penmix Ltd.	33, Georimak-gil, Jiksan-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm: + Thuốc tiêm, thuốc đông khô; + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: Thuốc đông khô, thuốc tiêm bột; * Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nén, bột pha xi rô .	PIC/S-GMP	2018-G1-1648	29/08/2018	10/05/2021	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Catalent Germany Eberbach GmbH (Cơ sở sản xuất)	Gammelsbacher Str. 2, 69412 Eberbach, Germany	* Sản phẩm: + Viên nang Rocaltrol (Calcitriol 0,25 mcg);	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11/06/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
69	Kyung Dong Pharm. Co., Ltd	224-3 Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén bao phim, viên nén bao đường; * Thuốc tiêm bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Thuốc đông khô pha tiêm; dung dịch thuốc tiêm.	PICS GMP	2018-D1-1998	29/08/2018	13/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
70	Dr. Reddy's Laboratories Limited FTO Unit 3	Survey No. 41, Bachupally Village, Qutubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Telangana, IN-500 090, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng.	EU GMP	UK GMP 8512 Insp GMP 8512/17970-0009	04/08/2016	22/02/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
71	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	27, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột; dung dịch thuốc uống; thuốc hít.	PICS-GMP	2018-D1-1027	03/05/2018	23/04/2020	Gyeongin of Food and Drug Safety, Korea		2
72	Dong -A ST Co., Ltd	(N-dong, B-dong Section 2) 493, Nongong-ro, Nongong -Eup, Dalseong-gun, Daegu, Korea Rep., Republic of Korea	Sản phẩm sinh học: Thuốc tiêm ADN tái tổ hợp, vắc xin tiêm.	PIC/S GMP	2018 -E1-0140	05/09/2018	25/07/2021	Daegu Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
73	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở sản xuất)	Grenzacherstrasse 124, 4070 Basel, Switzerland	Sản phẩm: viên nén bao phim Bonviva (Ibandronic acid 150mg)	EU-GMP	16-2108	14/12/2016	/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		EU-GMP	17-0015	03/04/2017	10/11			
74	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; viên nhai. * Thuốc tiêm: thuốc tiêm; bột đông khô pha tiêm; bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén; viên nang; bột pha sirô.	PICS GMP	2018-G1-1658	29/08/2018	07/06/2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
75	Panpharma	10 rue du Chênôt, Parc d'Activité du Chênôt, BEIGNON, 56380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh non β -lactam, chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	HPF/FR/267/2016	18/11/2016	28/09/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
76	XL Laboratories Private Limited	E -1223, Phase-1, Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; gói bột pha dung dịch uống	EU GMP	OGYÉI/1386 0-6/2017	23/08/2017	12/05/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary		2
77	Atlantic Pharma - Produções Farmacêuticas, S.A.	Rua da Tapada Grande, nº 2, Abrunheira, Sintra, 2710-089, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F036/S1/MH/001/2018	26/06/2018	07/12/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
78	AbbVie Inc.	1401 Sheridan road, North Chicago, IL 60064, USA	* Sản phẩm: Survanta® (beractant) Intratracheal Suspension 25 mg/ 1 ml; Tên tại Việt Nam: Hỗn dịch Survanta (phospholipids 25 mg/ml).	U.S. CGMP	HWYR-DQJ9	23/07/2018	22/07/2020	United States Food and Drug Administration	1	
79	Egis Pharmaceuticals Plc Site 3	Mátyás király út 65., Körmend, 9900, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc phun mù (bao gồm cả aerosol chứa kháng sinh và thuốc bột hít); dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén (bao gồm cả chứa chất kim tế bào), viên nén bao phim.	EU GMP	OGYÉI/2087 7-7/2018	02/07/2018	04/05/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
80	Macarthy's Laboratories Limited T/A Martindale Pharma	Bampton Road, Harold Hill, Romford, RM38UG, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nang cứng.	EU GMP	UK MIA 1883 Insp GMP/GDP 1883/2700-0046	06/02/2018	28/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
81	PMG Pharm Co., Ltd.	59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng.	PIC/S GMP	2018-D1-0029	04/01/2018	26/07/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
82	Guju Pharm. Co., Ltd.	5, Deokjeolje-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột. * Thuốc tiêm: Dung dịch; bột đông khô pha tiêm. * Thuốc uống dạng lỏng: Sirô; thuốc uống dạng lỏng.	PIC/S-GMP	2018-D1-1092	14/05/2018	17/02/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
					2018-D1-1246	30/05/2018				
83	Mother's Pharmaceutical Co., Ltd.	18 Gongdan 6-ro 24-gil, Jillyang-eup, Gyeongsan-si Gyeongsangbuk-do, Republic of Korea	Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang.	PIC/S-GMP	2018-E1-0051	04/06/2018	17/10/2019	Daegu Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
84	Baxalta US Inc.	25212, W. Illinois Route 120, Round Lake, IL 60073, USA	* Sản phẩm Albumin (Human), USP, 20% Solution, Flexbumin 20%.	US-GMP	HMHG-YGQ3 WHO	27/06/2018	26/06/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
85	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG (Cơ sở sản xuất)	Schutzenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Sản phẩm: Humira Solution for Injection (Adalimumab 40mg/0,8ml). Tên lưu hành tại Việt Nam: Dung dịch tiêm Humira (Adalimumab 40mg/0,8ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	AbbVie Biotechnology GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany		EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0064	06/12/2016	23/11	Cơ quan thẩm quyền Đức		
86	POOYESH DAROU Co.	Noavari 18 St., Pardis Technology Park, 15 km Abali Road, Tehran, Iran	* Thuốc tiêm vô trùng: + Peginterferon alfa-2a 180µg Prefilled Syringe; + Filgrastim 30 MIU Prefilled Syringe; + Pegfilgrastim 6mg, 3mg Prefilled Syringe; + Erythropoietin alfa 2000, 4000, 10000, 20000 IU Prefilled Syringe; + Erythropoietin beta 2000 IU Prefilled Syringe; + Enoxaparin 4000, 6000, 8000 IU Prefilled Syringe.	PIC/S GMP	665/39072	24/07/2018	03/07/2021	Iranian Food and Drug Administration (IFDA)		2
87	Pharbil Waltrop GmbH	Pharbil Waltrop GmbH Im Wirrigen 25 45731 Waltrop, Germany	* Thuốc không vô trùng: - Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; Pellets; thuốc cốt; viên nén. - Thuốc chứa hormon: viên đặt âm đạo.	EU-GMP	DE_NW_05-GMP_2018_0009	07/03/2018	16/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
88	Teva Czech Industries s.r.o	Ostravská 305/29, Komárov 747 70 Opava, - Czech Republic	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa chất kìm tế bào; Viên nang mềm chứa chất ức chế miễn dịch; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon; Thuốc uống dạng lỏng chứa chất ức chế miễn dịch; Viên nén chứa chất kìm tế bào, hoạt chất có hoạt tính cao và hormon.	EU-GMP	sukls238001/2016	07/02/2017	11/11/2019	State institute for drug control, Czech Republic.	1	
89	Sanofi Winthrop Industrie	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France	Sản phẩm: Dung dịch thuốc tiêm Cordarone 150mg/3ml (Amiodarone Hydrochloride 150mg/3ml)	EU-GMP	019171	28/05/2018		Chambre de Commerce et d'Industrie de Région Paris Ile-de-France	1	
90	Sanofi Winthrop Industrie	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France	Sản phẩm: Viên bao phim DuoPlavin (75 mg Clopidogrel dạng hydrogen sulfate và 75mg hoặc 100 mg acetylsalicylic acid)	EU-GMP	03/18/119950	08/05/2018		European Medicines Agency	1	
91	AstraZeneca AB SE-15185 Sodertalje, Sweden	PET Packaging, Gartunavagen, Sodertalje, 15185, Sweden	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốt; viên nén.	EU-GMP	5.9.1-2018-062196	14/08/2018	04/12/2018	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
92	Denk Pharma GmbH Co. KG	Denk Pharma GmbH & Co. KG Göllstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0071	28/06/2018	22/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
93	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất lọ vắc xin)	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: Vắc xin M-M-R®II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD); Tên lưu hành tại Việt Nam: Vắc xin M-M-R®II (Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50). * Sản phẩm: Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live - Oka/Merck)	EU-GMP	NL/H 16/1009483	29/05/2017	13/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Jubilant HollisterStier LLC (Cơ sở sản xuất dung môi)	3525 North Regal Street Spokane, 992074, United States		EU-GMP	UK GMP 4737 Insp GMP 4737/15674-0010	13/04/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Waarderweg, 39, Haarlem, 2031 BN, Netherland		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
94	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất lọ vắc xin)	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: Vắc xin Gardasil, mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6, 40mcg protein L1 HPV11, 40mcg protein L1 HPV16, 20mcg protein L1 HPV18,	EU GMP	NL/H 16/1009483	29/05/2017	13/10/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Waarderweg, 39, Haarlem, 2031 BN, Netherland		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
95	Aurobindo Pharma Ltd Unit VI, Blocks D and E	Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District Telangana State, 502307, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (Cephalexin); thuốc bột pha hỗn dịch uống (Cefalexin, Cefprozil, Cefpodoxime proxetil); viên nén (Cefuroxime, Cefalexin, Cefixime, Cefprozil, Cefpodoxime proxetil).	EU-GMP	000085/06.0 8.02.00/2016	14/08/2018	26/04/2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
96	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachupally (Village), Quthubullapur (mandal), R.R. District, Hyderabad, Telangana State, 500 090, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền (chứa Amoxicillin Sodium; Ampicillin Sodium; Ampicillin & Sulbactam; Flucloxacillin Sodium; Piperacillin/Tazobactam). * Thuốc không vô trùng: viên nén (chứa Flucloxacillin; Phenoxymethyl penicillin; Pivmecillinam (Penomax)); viên nang cứng (chứa Amoxicillin; Cloxacillin; Flucloxacillin, Dicloxacillin); thuốc rắn khác: thuốc bột pha hỗn dịch uống (chứa Amoxicillin; Co-amoxiclav; Flucloxacillin); viên bao phim (chứa Co-amoxiclav). Viên nén phân tán Amoxicillin, Viên kháng acid dịch vị Pantoprazole 40mg, viên nén Clarithromycin 500mg, viên nén Amoxicillin BP 500/750/1000mg	EU-GMP	000308/06.0 8.02.00/201 7	14/08/2018	20/04/2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)		2
97	Upsa Sas	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bán rắn; thuốc đặt; thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU GMP	HPF/FR/268 /2016	17/11/2016	18/12/2018	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
98	Glaxo Wellcome S.A (Cơ sở đóng gói)	Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero. (Burgos), Spain. (* Cách ghi khác: Avda. De Extremadura no 3, 09400 Aranda de Duero. (Burgos), Spain)	* Thuốc viên nén bao phim Revolade 12,5 mg; Revolade 25mg; Revolade 50mg (Eltrombopag 12.5 mg; 25mg; 50mg); Votrient 200mg; Votrient 400mg (Pazopanib 200mg; 400mg)	EU-GMP	3167/16	13/10/2016	09/05/2019	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	1	
	Glaxo Operations UK Ltd (Trading as Glaxo Wellcome Operations) (Cơ sở sản xuất)	Priory Street, Ware, Hertfordshire, SG12 0DJ, United Kingdom		EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/15159- 0026	09/02/2018		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
99	Hanmi Fine Chemical Co. Ltd (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Korea	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Ceftazidime Kabi 0,5g; Ceftazidime Kabi 1g; Ceftazidime Kabi 2g	EU-GMP	FT063/SA/01/2018	19/03/2018	14/07/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
	Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A (Cơ sở sản xuất thành phẩm và xuất xưởng)	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal		EU-GMP	F010/S1/MH/002/2017	28/07/2017		National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		
100	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Ozarowska 28/30, 05-850 Ozarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc không vô trùng; Viên nén, viên nén bao phim chứa cephalosporins	EU GMP	GIF-IW-400/0105_01_01/04/2017	05/09/2017	23/06/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
101	Lek S.A	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	IWZJ.405.43.2018.MG.2	10/04/2018	12/01/2021	Chief Pharmaceutical Inspector	1	
102	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow)	Dublin Road, Carlow, Co. Carlow, Ireland	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Keytruda (Pembrolizumab 100mg/4ml)	EU-GMP	18380/M11312/00001	13/03/2018	03/12/2018	Health Products Regulatory Authority, Ireland	1	
	Schering-Plough Labo NV	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2015/111	08/03/2016		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
103	Square Pharmaceuticals Limited	Dhaka Unit, Kaliakoir, 1750 Gazipur, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: ; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa cephalosporin);viên nang cứng; thuốc dạng xịt có áp lực	PIC/S GMP	M023/18	04/05/2018	07/02/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
104	Fresenius Kabi France	6 rue du Rempart, Louviers, 27400, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU -GMP	2018/HPF/FR/099	12/04/2018	24/11/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
105	Frosst Iberica, S.A. (Cơ sở sản xuất)	Via Complutense, 140, Alcala de Henares 28805 (Madrid) - Spain	* Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim ARCOXIA 60mg (Etoricoxib 60mg); ARCOXIA 90mg (Etoricoxib 90mg); ARCOXIA 120mg (Etoricoxib 120mg).	EU-GMP	ES/044HVI/17	05/04/2017		Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
	Merck Sharp & Dohme Limited	Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, UK		EU GMP	CPP10156269 CPP10156270 CPP10156271	19/07/2018		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
106	SMB Technology S.A. (Cơ sở sản xuất)	zoning industriel, rue du Parc Industriel 39, 6900 Marche - en- Famenne, Belgium	* Sản phẩm: Viên nén sủi Algotra 37,5mg/325 mg (Paracetamol 325 mg, Tramadol hydrochlorid 37,5 mg).	EU GMP	BE/GMP/2018/036	22/05/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
	Mallinckrodt Inc. (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm paracetamol-povidone (compap PVP3))	Greenville, US, Louis Latzer Drive 100, IL 62246, USA		US-GMP	000020	28/05/2018				
107	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất)	21 Tuas South Avenue 6, Singapore 637766, Singapore	* Sản phẩm: Thuốc viên nén Vytarin 10mg/10mg; 10mg/20mg; 10mg/40mg (Ezetimibe 10mg/Simvastatin 10mg; Ezetimibe 10mg/Simvastatin 20mg; Ezetimibe 10mg/Simvastatin 40mg).	PIC/S-GMP	MLMP1100013	22/11/2017	/12/2018	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	PT. Merck Sharp Dohme Pharma Tbk (Cơ sở đóng gói)	Jl. Raya Pandaan Km. 48, Pandaan, Pasuruan, Jawa Timur, Indonesia			5141/CPOB/A/II/18	21/02/2018	12	National Agency for Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		
108	Mipharm S.P.A	Via Bernardo Quaranta, 12 -20141 Milano (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid và các hormon khác, không bao gồm hormon sinh dục); thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon corticosteroid và hormon sinh dục). * Sản phẩm sinh học: Viên nang cứng chứa chất chiết từ động vật.	EU-GMP	IT/96-1/H/2018	09/04/2018	25/01/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
109	Mipharm S.P.A	Via Bernardo Quaranta, 12 -20141 Milano (MI), Italy	* Thuốc hỗn dịch xịt mũi Eu-Fasrmome (Mometasone furoate 50mcg/ actuation nasal spray)	EU GMP	10044	30/11/2016		Bulgarian Drug Agency	1	
110	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Industriestr.3 34212 Melsungen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (không bao gồm vi lượng đồng căn), dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc vi lượng đồng căn	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05/07/2018	23/05/2021	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
111	Limited liability company "PharmIdea" (LLC PharmIdea) Cách viết khác: Sabiedrība ar ierobežotu atbildību "PHARMIDEA" (* Tên viết tắt: SIA PHARMIDEA).	4 Rupnicu Str., Olaine, Olaine district, LV-2114, Latvia Cách viết khác: Rupnicu iela 4, Olaine, Olaines novads LV-2114, Latvia	* Sản phẩm bột pha dung dịch tiêm Bortezomib PharmIdea 3,5mg	EU GMP	15-6/55	16/04/2018		State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
112	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc bột; siro khô; + Thuốc uống dạng lỏng: siro; dung dịch; nhũ dịch; hỗn dịch; * Thuốc sinh học: thuốc tiêm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	PIC/S-GMP	MFDS-3-F-1289-2-2018-21	11/06/2018	28/03/2021	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration		2
113	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén. * Thuốc sinh học: Nystatin (Thuốc kem Timodine);	EU-GMP	UK MIA 63 Insp GMP 63/17092-0037	19/10/2017	11/09/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
114	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ huyết tương; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	17/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
115	AstraZeneca AB	PET Multipurpose, Gartunavagen, Sodertalje, 151 85, Sweden (địa chỉ chung: SE-15185 Sodertalje, Sweden)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; thuốc pellet; thuốc cốm; viên nén bao phim Osimertinib 40, 80mg.	EU-GMP	5.9.1-2018-033539	20/06/2018	31/12/2018	Medical Products Agency (MPA), Sweden	1	
116	Laboratories Merck Sharp & Dohme Chibret	Route de Marsat, Riom, Clermont-Ferrand Cedex 9, 63963, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	2018/HPF/FR/021	17/01/2018	24/04/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
117	Patheon Manufacturing Services, LLC (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Bridion Solution for injection (Sugammadex 100mg/ml; 10 vials of 2 ml or 5 ml)	EU-GMP	NL/H 15/1005102 A	10/12/2016	2018	European Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói)	Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands			NL/H 16/1010471 C	26/03/2017	06/11/2017	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
118	Farmea	10 rue Bouché Thomas, ZAC d'Orgemont, Angers, 49000, France	*Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; thuốc đặt; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	2018/HPF/F R/064	06/03/2018	21/05/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
119	Balkanpharma - Razgrad AD	68 Aprilsko vastanie Blvd., Razgrad 7200, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc bột pha dung dịch tiêm (kháng sinh nhóm Cephalosporin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	BG/GMP/20 18/126	10/07/2018	11/05/2021	Bulgarian Drug Agency	1	
120	Biosidus S.A.	Av. De los Quilmes 137, Bernal Oeste, Quilmes, Buenos Aires, Argentina Republic	* Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm (bao gồm hoạt chất công nghệ sinh học, không chứa beta lactam và chất kim tế bào, chất có hoạt tính hormon); bột pha hỗn dịch uống chứa hoạt chất có nguồn gốc sinh học.	PICS GMP	20132014 001126 18	07/08/2018	07/08/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
121	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	NL/H 16/1009483	29/05/2017	13/10/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
122	Merck Serono S.A.	* Succursale d'Aubonne, Zone Industrielle de l'Ouriettaz, 1170 Aubonne, Thụy Sĩ * Centre Industriel, 1267 Coinsins, Thụy Sĩ	* Sản phẩm sinh học sản xuất theo công nghệ tái tổ hợp, lai ghép và kháng thể đơn dòng: + Dạng bào chế rắn sản xuất vô trùng: bột pha tiêm (lọ; ampoule); + Dạng bào chế lỏng sản xuất vô trùng: dung dịch tiêm (lọ; cartridge; bơm tiêm). * Dung môi: + Sản xuất tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (lọ; bơm tiêm).	PIC/S-GMP	18-0578	12/03/2018	06/10/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
123	Jubilant Generics Limited	Village Sikandarpur, Bhainswal, Roorkee-Dehradun Highway, Bhagwanpur, Roorkee District Haridwar, Uttarakhand, IN-247661, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	BE/GMP/2018/015	19/06/2018	18/01/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium		2
124	Boehringer Ingelheim Ελλάς A.E	5th km Paiania-Markopoulo, Koropi Attiki, 19400, Greece (* cách ghi khác: 5th km Paiania-Markopoulo, 19400 Koropi, Greece	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	24076/11-4-2018	30/04/2018	02/03/2021	National Organization for Medicines, Greece	1	
125	Qilu Pharmaceutical Co. Limited	No. 317, Xinluo road, High-tech zone, Jinan, Shandong province, CN-250101, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	UK GMP 23083 Insp GMP 23083/1880 916 -0002	17/02/2017	21/11/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
126	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	Gran Capità, 10, 08970 Sant Joan Despí (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học (không bao gồm hoạt động với vi sinh vật sống hoặc nuôi cấy tế bào): Chế phẩm miễn dịch; chế phẩm công nghệ sinh học; chế phẩm tách từ người hoặc động vật. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	NCF/1840/01/CAT	18/07/2018	20/04/2021	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
127	BIOFARM Sp. z o.o.	BIOFARM Sp. z o.o. ul. Walbrzyska 13, 60-198 Poznan, POLAND	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm. * Thuốc dược liệu.	EU GMP	IWZJ.405.14.2017.MG.2 WTC/0060_01_02/246	08/12/2017	15/09/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
128	Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc cốm. * Thuốc tiêm; thuốc tiêm truyền. * Thuốc yêu cầu đặc biệt: Bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Carbapenem; Thuốc độc tế bào (viên nén, viên nén bao phim, viên nang, thuốc cốm).	PIC/S GMP	2018-D1-1990	29/08/2018	17/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
129	Ahngook Pharmaceutical Co., Ltd.	40, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: Sirô	PIC/S-GMP	2018-D1-2043	05/09/2018	21/03/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
130	Sanofi Winthrop Industrie	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, 33565, Carbon Blanc, France (* Cách ghi khác: 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, 33565 CARBON BLANC Cedex, France)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Depakine chrono 500 mg, prolonged-release scored film-coated tablets (Natri Valproate 500 mg);	EU-GMP	014700	11/12/2017		National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
			+ Viên nén Cordarone 200 mg, scored tablet (Amiodarone hydrochloride 200mg); Tên thương mại: Cordarone.		012761	10/07/2017				
			+ Viên nén bao phim Aprovel Film-coated tablet (Irbesartan 75 mg, 150 mg hoặc 300 mg)		05/17/112700	12/09/2017		European Medicines Agency		
			+ Viên nén bao phim Plavix Film-coated tablets (Clopidogrel (as hydrogen sulphate) 75 mg hoặc 300 mg),		05/18/120491	29/05/2018				
			+ Viên nén bao phim CoAprovel Film-coated tablet (Irbesartan/Hydrochlorothiazide; 150 mg/12,5 mg; 300 mg/12,5 mg hoặc 300 mg/25 mg).		07/17/114311	08/11/2017				
131	Delpharm Dijon	6 Boulevard de l'Europe, 21800 Quetigny, France	* Sản phẩm: Viên nén Primperan 10 mg (Metoclopramide hydrochloride tương đương Metoclopramide hydrochloride khan 10 mg).	EU GMP	009246	27/01/2017		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
132	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o	133/151 Partyzancka Street, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc kem; thuốc mỡ; gel; thuốc bột. * Thuốc từ dược liệu.	EU GMP	IWZJ.405.68.2018.MG.1 WTC/0108_03_01/138	07/06/2018	09/03/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
133	Novartis Pharma Stein AG	Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc dạng lỏng sản xuất vô trùng hoặc tiệt trùng cuối: dung dịch tiêm, dung dịch tiêm truyền (bao gồm cả hoạt chất nhạy cảm hoặc hoạt tính cao; hormon) + Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch (chất gây dị ứng); sản phẩm sản xuất từ công nghệ tái tổ hợp, tế bào lai, kháng thể đơn dòng. + Thuốc dạng rắn sản xuất vô trùng: bột pha tiêm (bao gồm cả sản phẩm chứa hoạt chất nhạy cảm hoặc hoạt tính cao; hormon). + Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch (chất gây dị ứng); sản phẩm sản xuất từ công nghệ tái tổ hợp, tế bào lai, kháng thể đơn dòng.	PIC/S-GMP	18-0600	02/05/2018	31/01/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
134	Remedina S.A.	23 Gounari & Areos Str., 13451 Kamatero, Greece	* Sản phẩm: + Bột pha dung dịch tiêm Receant (Cefuroxime 750mg); + Bột pha dung dịch tiêm Cefin(Ceftazidime 1000mg).	EU-GMP	3433 3435	23/01/2017		National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
135	Novartis Pharma Stein AG	Novartis Technical Operations Schweiz, Stein Solids, Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng chứa bột hít (bao gồm cả chất có hoạt tính cao:: viên nén, viên nén bao phim, hệ điều trị qua da.	PIC/S-GMP	18-0868	16/04/2018	26/01/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
Đợt 61 (theo Công văn số 21438/QLD-CL ngày 09/11/2028 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	Corden Pharma Latina S.P.A	Via Del Murillo Km 2,800-04013 Sermoneta (LT), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn (chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc đông khô (chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc bột chứa kháng sinh nhóm penicillin và cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào); * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; kháng sinh nhóm penicillin và cephalosporin); viên nén (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; kháng sinh nhóm cephalosporin); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm penicillin và cephalosporin).	EU GMP	IT/19-1/H/2018	25/01/2018	21/04/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
2	Cipla Limited (Unit III)	Unit III, Plot -139, S-103 & M62, Verna Industrial Estate, Verna, Goa, IN-403 722, India	* Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn dùng ngoài; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1071 923-0008	02/05/2017	26/05/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
3	Unit I, Cipla Limited, Indore Sez	Unit I, Plot No, 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai sử dụng công nghệ BFS (Thổi, Đóng thuốc; Hàn kim).	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7074-0001	22/06/2017	20/02/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
4	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	05-850 Ozarow Mazowiecki, 28/30 Ozarowska Street, Poland	Sản phẩm: thuốc bột pha tiêm Biotum, powder for solution for injection or infusion (Ceftazidime 2g) Tên tại Việt Nam: Biocetum	EU-GMP	304/18	26/07/2018		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
5	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Production Plant in Duchnice	Duchnice, 28/30, Ozarowska Str. 05-850 Ozarow Mazowiecki - Poland	Sản phẩm: thuốc bột pha dung dịch tiêm Biofazolin (Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri) 1g) Tên tại Việt Nam: Biofazolin	EU-GMP	GIF-IW-4011/980/E R/16	21/11/2016		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
6	Samchundang Pharm. Co., LTD	71, Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nang cứng. * Dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt. * Hỗn dịch xịt mũi.	PIC/S-GMP	T5PJ-OIP5-SEBN-OGWF	19/09/2018	27/06/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
7	Apotex Inc.	150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9, Canada (cơ sở sản xuất)	* Viên nén bao phim Apo-Imatinib (Imatinib (Imatinib Mesylate) 100mg Tên tại Việt Nam: Bertinib	PIC/S GMP	68210	19/01/2018	19/01/2019	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
	Apotex Inc.	4100 Weston road, Toronto, Ontario, M9L 2Y6, Canada (cơ sở đóng gói)	* Viên nén bao phim Apo-Levetiracetam (Levetiracetam 500mg) Tên tại Việt Nam: Epicap		68815	23/03/2018	23/03/2019			
8	GAP AE/ GAP SA	46, Agissilaou str., Agios Dimitrios Attiki, 17341, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm (chứa hormon); viên nén.	EU-GMP	94836/28-11-2017	06/02/2018	10/10/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
9	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals S.A	Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300 (B-1300 Wavre), Belgium	* Sản phẩm: Vắc xin Hỗn dịch tiêm Twinrix (Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	EU-GMP	BE/GMP/2016/020	20/06/2016	/2019	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
	Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals SA	Rue de l'Institut 89, 1330 Rixensart, Belgium			BE/GMP/2016/019	20/06/2016		Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Cơ sở đóng gói (sơ cấp và thứ cấp): GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG	GlaxoSmithKline Biologicals, Zirkusstrasse (hoặc Zirkusstrabe) 40, 01069 Dresden, Germany			DE_SN_01_GMP_2018_0004	07/03/2018	24/03/	Cơ quan có thẩm quyền của Đức (Landesdirektion Sachsen)		
10	GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG	GlaxoSmithKline Biologicals Zirkusstrabe 40, 01069 Dresden, Germany	* Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2018_0004	07/03/2018	07/12/2020	Cơ quan có thẩm quyền của Đức (Landesdirektion Sachsen)	1	
11	Cơ sở sản xuất: Roche Diagnostics GmbH	Sandhofer Strasse (hoặc Straße) 116, 68305 Mannheim, Germany	Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền Gazyva (Obinutuzumab 1000mg/40ml); + Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền Tecentriq (Atezolizumab 1200mg/20ml)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0119	04/11/2016	07/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: F. Hoffmann - La Roche Ltd	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products		
12	Cơ sở sản xuất: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Schutzenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	Sản phẩm: Dung dịch tiêm Actemra (Tocilizumab 162mg/0,9ml)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: F. Hoffmann - La Roche Ltd	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products		
13	Norton Healthcare Limited T\A Ivax Pharmaceuticals UK	Aston Lane North, Whitehouse Vale Industrial Estate, Runcorn, WA7 3FA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, nhũ dịch và hỗn dịch. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	UK MIA 530 Insp GMP 530/14004-0025	07/07/2017	25/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nang Neurontin® (gabapentin 300 mg).	US-GMP	FFMN-RKUB	08/08/2018	07/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
15	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (atorvastatin calcium) 10 mg	US-GMP	B9CH-JRU7	17/08/2018	16/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
16	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (atorvastatin calcium) 40 mg	US-GMP	DGQ2-7YP5	17/08/2018	16/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
17	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (atorvastatin calcium) 20 mg	US-GMP	VX32-YUJE	17/08/2018	16/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
18	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Grange Castle Business Park, Clondalkin, Dublin 22, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch (vắc xin) ; thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	2016/15391 /M1064	07/12/2016	29/04/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
19	Reliance life sciences Pvt. Ltd.	Dhirubhai Ambani Life science centre (DALC), Plant 2, R-282, TTC Industrial Area of MIDC, Thane Belapur road, rabale, 400701, Navi Mumbai, Hindistan, India	Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền Adalibay 20mg/0.4ml, Adalibay 40mg/0.8ml (Adalimumab); dung dịch pha tiêm truyền Bevabay 100mg/4ml, Bevabay 400mg/16ml (Bevasizumab); dung dịch pha tiêm truyền Rituxay 100mg/10ml, Rituxay 500mg/50ml (Rituxsimab); thuốc tiêm bột Trastubay 150mg, Trastubay 440mg (Trastuzumab).	PIC/S GMP	41993881-000-E.113619	19/06/2018		Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
20	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co.KG (Cơ sở sản xuất và kiểm tra chất lượng)	Eisenbahnstr. 2-4, 88085 Langenargen, Germany	* Sản phẩm: thuốc tiêm ELAPRASE idursulfase-rhu solution for IV infusion vial (Idursulfase 6mg)	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0077	01/07/2016	/12/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Genzyme Corporation (Cơ sở đóng gói)	11 Forbes Road Northborough MA 01532 United States of America			3009389940		31	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)		
21	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở sản xuất)	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/1000mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 1000mg)	US-GMP	2K4B-DUQR	22/05/2018	21/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN , Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
22	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở sản xuất)	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/500mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 500mg)	US-GMP	PCEM-MTJS	23/05/2018	22/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN , Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
23	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở sản xuất)	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/850mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 850mg)	US-GMP	Q2K4-24VG	21/05/2018	20/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN , Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Hanmi Pharmaceutical Co., Ltd. (Cơ sở sản xuất)	214, Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Cozaar XQ 5mg/100mg (Amlodipine 5mg; Lorsartan kali 100mg); + Viên nén bao phim Cozaar XQ 5mg/50mg (Amlodipine 5mg; Lorsartan kali 50mg);	PIC/S-GMP	2017-D1-0659	03/03/2017	22/01/2020	Korean Ministry of Food and Drug Safety - Gyeongin Regional Office		2
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
25	Enviro Korea Co., Ltd.	167-10 Techno 2-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc tiêm: Thuốc phóng xạ.	PICS GMP	2018-G1-1510	16/08/2018	21/12/2020	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
26	ANSTO t/a ANSTO Health	Buildings 23 and 54, New Illawarra Road, LUCAS HEIGHTS NSW 2234, Australia	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	PIC/S GMP	MI-2018-LI-05913-1	24/05/2018	28/10/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
27	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Liptruzet (Ezetimibe/atorvastatin) 10mg/10mg; * Tên quốc tế và tại Việt Nam: Atozet	US-GMP	JSFN-XG55	02/10/2017;	03/02/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)		2
	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất sản phẩm trung gian: cốm)	70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore		PIC/S GMP	MLMP13000 01			Health Sciences Authority (HSA), Singapore		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
28	Laboratoire Renaudin	Zone Artisanale Errobi, Itxassou, 64250, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	2018/HPF/F R/137	24/05/2018	05/03/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
29	Haupt Pharma Livron	1 rue Comte de Sinard, 26250 Livron-Sur-Drome, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc đặt * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch.	EU GMP	2018/HPF/F R/023	22/01/2018	15/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
30	LG Chem, Ltd.	151, Osongsaengmyeong 1-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Korea	* Viên nén, viên nang * Thuốc tiêm, thuốc đông khô * Sản phẩm sinh dược: Vắc xin, tái tổ hợp gen	PIC/S GMP	2017-G1-0200	25/01/2017	06/11/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
31	Government Pharmaceutical Organization - Merieux Biological Products Co., Ltd	241 Gateway city industrial estate, Moo 7, Huasamrong, Plaengyao, Chachioengsao 24190, Thailand	* Vắc xin: vắc xin đại tế bào vero, vắc xin cúm, vắc xin viêm não Nhật Bản	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00027	04/09/2017	03/09/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
32	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd.	(32473) No. 17-1 Chih Lan Vil., Shin Wu dist., Tao Yuan city, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; thuốc mỡ, kem; viên nén bao phim, viên nén, thuốc bột, thuốc cốm; viên nang cứng, viên nang mềm	PIC/S-GMP	4003	23/11/2017	14/10/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	PATHEON MANUFACTURING SERVICES, LLC. (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina 27834, USA	* Sản phẩm: Cốm uống SINGULAIR® (Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg).	EU-GMP	NL/H 15/1005102 A	10/12/2016	06/11/2018	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Merck Sharp & Dohme Corp, Wilson Plant (Cơ sở đóng gói cấp 1)	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina (NC) 27893, USA		EU-GMP	NL/H 17/1014440	08/06/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands		EU-GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
34	FRESENIUS KABI IPSUM S.R.L. (cssx bán thành phẩm; tên cũ Fresenius Kabi Anti-Infectives)	Via S. Leonardo 23 - 45010 Villadose (RO), Italy	* Thuốc bột pha dung dịch tiêm/ truyền Cefepime Kabi (dưới dạng Cefepime dihydrochloride monohydrate) 1g.	EU-GMP	IT/7-1/H/2018	09/02/2018	19/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Labesfal-Laboratorios Almiro S.A (cssx thành phẩm và xuất xưởng)	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal		EU-GMP	F010/S1/MH/002/2017	28/07/2017		National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		
35	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén, viên nang; Thuốc tiêm (dung dịch, bột, bột đông khô)	PIC/S - GMP	2018-G1-1863	02/10/2018	27/06/2021	Daeyeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
36	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Liptruzet (Ezetimibe/atorvastatin) 10mg/20mg. * Tên quốc tế và tại Việt Nam: Atozet	US-GMP	H9M6-SED3	23/10/2017	03/02/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất sản phẩm trung gian: cốm)	70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore		PIC/S GMP	MLMP1300001			Health Sciences Authority (HSA), Singapore		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
37	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô Cernevit.	EU -GMP	2018/HPF/FR/186	17/08/2018	20/11/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Baxter SA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô)	Boulevard Rene Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2015/118	23/02/2016		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
38	SANOFI S.P.A.	S.S. 17 Km 22 - 67019 Scoppito (AQ), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường và viên nhai (bao gồm cả thuốc chứa hormon Corticosteroid). * Thuốc từ dược liệu: Viên nang mềm; Viên nén.	EU-GMP	IT/130/H/2018	29/05/2018	27/07/2020	Italian Medicines Agency AIFA	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	Astellas Ireland Co. Ltd	Killorglin, Co. Kerry, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng.	EU GMP	17463/M10 35	13/11/2017	25/08/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
40	Merck Sharp & Dohme B.V.	Waarderweg 39, HAARLEM, 2031BN, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột đóng túi; viên nén.	EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018	09/11/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
41	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	Pridco Industrial Park, State road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Janumet XR® (sitagliptin/metformin HCL) 50mg/1000mg) Tablet, extended release; + Viên nén bao phim Janumet XR® 100mg/1000mg (sitagliptin, metformin HCL) Tablet, extended release; + Viên nén bao phim Janumet XR® 50/500mg (metformin HCL 500mg; sitagliptin 50mg) Tablet, extended release. ☐	U.S. cGMP	+ G5FJ-DXMT + BN9Q-FAK8 + JMNC-NUZC	24/08/2017	23/08/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merk Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands								
42	Rontis Hellas Medica and Pharmaceutical Products S.A.	P.O. BOX 3012 Larisa Industrial Area, Larisa, 41004, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	85753/14-8-2018	27/08/2018	05/07/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
43	IDT Biologika GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; vắc xin.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0 031	01/10/2018	08/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
44	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Sản phẩm: IV Busulfex (busulfan), Injection (busulfan 6mg/ml)	CPP (US GMP)	JFF7-RUX8	16/02/2018	15/02/2020	United States Food and Drug Administration	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
45	Korea Arlico Pharm Co., Ltd	21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-G1-1677	03/09/2018	29/05/2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety		2
46	AstraZeneca AB	SE-15185 Sodertalje, Sweden (Địa chỉ cụ thể: PET Packaging, Gartunavagen, Sodertalje, 15185, Sweden)	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	6.2.1-2018-030278	17/09/2018	14/06/2021	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
47	Reliance life sciences private limited	R-282, T.T.C Area of M.I.D.C, Thane Belapur Road, Rabale Navi Mumbai 400701, India	* Dây chuyền sản xuất DS (nguyên liệu) và DP (thành phẩm) thuốc công nghệ sinh học/Retepase.	PIC/S GMP	BIO-97-89	01/07/2018	01/07/2020	Iran Food and Drug Administration (IFDA)		2
48	Samnam Pharmaceutical Co., LTD	77 Insam-ro, Geumsam-eup, Geumsan-gun, Chungcheongnam-do, Republic of , Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S-GMP	2018-G1-1273	05/07/2018	05/04/2021	Deajeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
49	Oncomed manufacturing a.s. (cơ sở sản xuất)	Karásek 2229/1b budova 02, 62100 Brno- Reckovice - Czech Republic	* Sản phẩm: Bột đông khô pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Pemetrexed biovagen (dưới dạng Pemetrexed dinatri hemipentahydrat 100mg)	EU GMP	sukls96769/2017	07/09/2017	15/11/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
	Synthon Hispania, SL (cơ sở xuất xưởng)	Pol.Ind.Les Sallines. Carrer Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain.		EU GMP	NCF/1738/01/CAT	16/11/2017		Ministry of health of Government of Catalonia - Spain		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Sabiedrība ar ierobežotu atbildību "PHARMIDEA" (* Tên viết tắt: SIA PHARMIDEA) Cách viết khác: Limited liability company PHARMIDEA (PHARMIDEA SIA)	Rūpnīcu iela 4, Olaine, Olaine novads, LV-2114, Latvia Cách viết khác: 4 Rupnicu Street, Olaine, Olaine district, LV-2114, Latvia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào).	EU-GMP	ZVA/LV/2018/012H	16/08/2018	24/05/2021	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	1	
51	Cipla Limited (Unit IV)	Unit IV, Plot No, 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7119-0001	22/06/2017	20/02/2020	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA		2
52	Cipla Ltd	Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna, Salcette, 403722 Goa Pin, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc xịt mũi, thuốc hít dạng phân liều, sirô khô; thuốc bán rắn; viên nén.	PICS-GMP	282a/17	24/07/2017	20/01/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Malaysia		2
53	Cipla Ltd	Unit I, Plot Nos. L-139 - L-143, Verna Industrial Estate, Verna Salcette, Goa 403722, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc xịt mũi dạng hỗn dịch chứa Azelastinhydrochlorid/Fluticasonopinoat.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1038	14/09/2017	26/04/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
54	Cipla Limited (Unit II)	UNIT II, Plot No. 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế xịt bằng áp lực.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7087-0001	22/06/2017	20/02/2020	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
55	Cipla Limited (Unit VII)	Unit VII, Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna, Goa, IN-403 722, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4630 235-0002	21/10/2016	25/05/2019	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA		2
56	Cipla Limited	Plot No. 9 & 10, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, In-454775, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc xịt mũi dạng hỗn dịch chứa Azelastinhydrochlorid/Fluticasonoropinoat.	EU-GMP	DE_HE_01_ GMP_2016_ 0056	19/07/2016	17/03/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
57	Cipla Limited (Unit III)	Unit III, Plot No 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc xịt mũi.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7104-0001	22/06/2017	20/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
58	Cipla Limited (Unit II)	UNIT II PLOT NO A-42, MIDC, PATALGANGA, DISTRICT RAIGAD, MAHARASHTRA, IN-410220, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4416 87-0005	22/05/2018	19/02/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
59	ABC Farmaceutici S.P.A.	Via Cantone Moretti, 29 (loc. Localita' San Bernardo) - 10015 Ivrea (TO), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	IT/308- 1/H/2016	14/12/2016	29/04/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
60	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở sản xuất)	Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia. (Cách viết khác: Verovskova 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Tensiber Plus (Irbersartan 150mg và Hydrochlorothiazide 12,5mg). + Viên nén bao phim Periloz Plus (Perindopril tert-butylamine 4mg và Indapamide 1,25mg). Tên tại Việt Nam: Periloz Plus 4mg/1,25mg	EU GMP	401- 25/2017-5	24/01/2018	23/11/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở đóng gói)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia. (Cách viết khác: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)		EU-GMP	401-8/2018-4	30/07/2018		Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
61	Fresenius Kabi AB	Rapsgatan 7, Uppsala, 75174, Sweden	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: + Dung dịch, nhũ tương thể tích lớn. + Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	6.2.1-2016-098801	26/09/2018	07/04/2020	Medical Products Agency, Sweden	1	
62	Medochemie (Far East) Ltd., (Oral Facility)	No 10, 12 and 16, VSIP II-A, Street 27, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan commune, Tan Uyen town, Binh Duong province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén (bao gồm cả viên bao phim).	EU-GMP	MED08/2018/001	09/03/2018	14/12/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus		2
63	Kusum Healthcare Pvt. Ltd	Sp-289 (A), RIICO Industrial Area, Chopanki, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cổm; thuốc bán rắn; thuốc đặt, viên nén, viên nén bao phim, viên nhai. * Sản phẩm: + Viên nén Alendra (Sodium alendronate); Ambroxol (Ambroxol HCl); Vertinex (Prochlorperazine maleate); Gripgo (Paracetamol, ascorbic acid, phenylephrine HCl); Mezacar 200mg (Carbamazepine); Nimid 100mg (Nimesulide); Nimid Forte (Nimesulide Tizanidine HCl); Pyrantel 250mg (Pyrantel pamoate); Suprelax 10mg (Isoxsuprine HCl); Fanigan (Paracetamol, Diclofenac Sodium); Fusys 50mg, 100mg, 150mg, 200mg (Fluconazole); + Viên bao L-CET (Levocetirizine dihydrochloride); Vidanol (Tranexamic acid); Wolvit (Biotin); Denigma 5mg, 10mg (Memantine HCl); Diclotol 100mg (Aceclofenac); Eszol 100mg (Itraconazole); Ziomylin 250mg, 500mg (Azithromycin dihydrate); Quanil 500mg (Citicoline Sodium); Larfix 8mg (Lornoxicam); Lefno 20mg (Leflunomide); Loflatil (Loperamide HCl, Simeticone); Neurodar 500mg (Citicoline Sodium); Ozerlyk 400mg (Gatifloxacin Sesquihydrate); Orgyl 500mg (Ornidazole); Polymic (Ofloxacin Ornidazole); Rinit 150mg (Ranitidine HCl); Servonex 5mg, 10mg (Donepezil HCl); Tigeron 500mg, 750mg (Levofloxacin hemihydrate);	PIC/S-GMP	001/2018/GMP			State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			+ Viên bao phim Wonder 30mg, 60mg (Dapoxetine HCl); Diacobal 500mcg (Methylcobalamin); Lion 600mg (Linezolid); Moginin 50mg, 100mg (Sildenafil); Montular 10mg (Montelukast Sodium); Neurocobal 500mcg (Methylcobalamin); Oxapin 300mg (Oxcarbazepine); Samitol 500mg (Secnidazole); + Viên bao tan trong ruột Serrata 10mg (Serratiopeptidase); + Viên nén giải phóng chậm Mezacar SR 400mg (Carbamazepine); + Viên nén phân tán Fusys DT 50mg (Fluconazole); + Viên nhai Ascozon (Ascorbic acid, sodium ascorbate, zinc oxide) + Viên đặt âm đạo Gynex, Gynex Forte (Metronidazole & Miconazole nitrate); Dermazole 400mg (Ketoconazole); Mistol 500mg (Metronidazole); + Viên đặt Diclosafe 100mg (Diclofenac sodium) + Viên nang cứng Zonik 150mg (Pregabalin); Nuropentine 300mg (Gabapentin); + Thuốc cầm Gripgo hotmix (Paracetamol, ascorbic acid, phenylephrine HCl); Kataria (Sodium citrate); Quanil (Citicoline Sodium); Nimid 100mg (Nimesulide); + Thuốc kem Dermazole (Ketoconazole); Clofan (Clotrimazole); + Gel dùng ngoài Diclosafe, Diclosafe Forte (Diclofenac diethylamine); Diclosafe Max (Diclofenac sodium); Nimid (Nimesulide); Fanigan Fast (Diclofenac diethylamine, Methylsalicylate, Mentol, Linseed oil); Fusys (Fluconazole); + Thuốc mỡ Phorcal (Calcitriol); + Dung dịch dùng ngoài Remov (Dimethicone);			22/02/2018	15/12/2020			
64	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	G-17/1, M.I.D.C., Tarapur, Boisar, Dist-Thane 401506, Maharashtra State, India	* Thuốc vô trùng; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; * Sản phẩm thuốc chứa Omeprazol; Esomeprazole; Pantoprazole; Rabeprazole; Azithromycin; Capreomycin; Clarithromycin; Propofol	PIC/s-GMP	072/2017/GMP	18/12/2017		State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
65	Medreich Limited Unit 1	12th Mile, Old Madras Road, Virgonagar, Bangalore, IN 560-049, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UK GMP 17742 Insp GMP 17742/9885-0010	27/11/2017	12/01/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
66	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi	Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sokak No: 1904, 41400 Gebze, Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (siro và hỗn dịch); dạng bào chế bán rắn; viên nén; bột pha hỗn dịch uống (đóng chai và gói).	EU-GMP	381-10-05/162-18-07	05/01/2017	19/10/2020	Croatia Agency for Medicinal Products and Medical devices		2
67	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	28/30 Ozarowska Street, Duchnice, 05-850 Ozarow Mazowiecki, Poland	* Sản phẩm: - Thuốc bột pha dung dịch tiêm Bio-Taskym (cefotaxim 1g);	EU GMP	GIF-IW-4011/109/E R/16	27/01/2016		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
			- Thuốc bột pha dung dịch tiêm Thuốc Poltraxon (Ceftriaxon 1g);		GIF-IW-4011/110/E R/16	27/01/2016				
			- Thuốc bột pha dung dịch tiêm Biofumoksym (Cefuroxim 1,5g)		GIF-IW-4011/1079/I P/15	29/12/2015				
			- Thuốc bột pha dung dịch/ hỗn dịch tiêm Biofumoksym (Cefuroxim 750mg)		GIF-IW-4011/1082/I P/15	29/10/2015				